

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 04 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Tên Công ty: Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)

Mã chứng khoán: VNE

Địa chỉ trụ sở chính: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: (84-236) 3562.361 Fax: (84-236) 3562.367

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Văn Huy - Phó Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Điện thoại: (84-236) 3562.361 Fax: (84-236) 3562.367

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ.

**Nội dung thông tin công bố:**

Công bố Báo cáo thường niên Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho năm tài khóa 2016.

Nội dung thông tin này sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO từ ngày 11 tháng 04 năm 2017 tại địa chỉ website:

[http://www.vneco.com.vn/Investors/AnnualReport/2016/BCTN\\_VNE\\_2016.pdf](http://www.vneco.com.vn/Investors/AnnualReport/2016/BCTN_VNE_2016.pdf)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu TCKT;

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



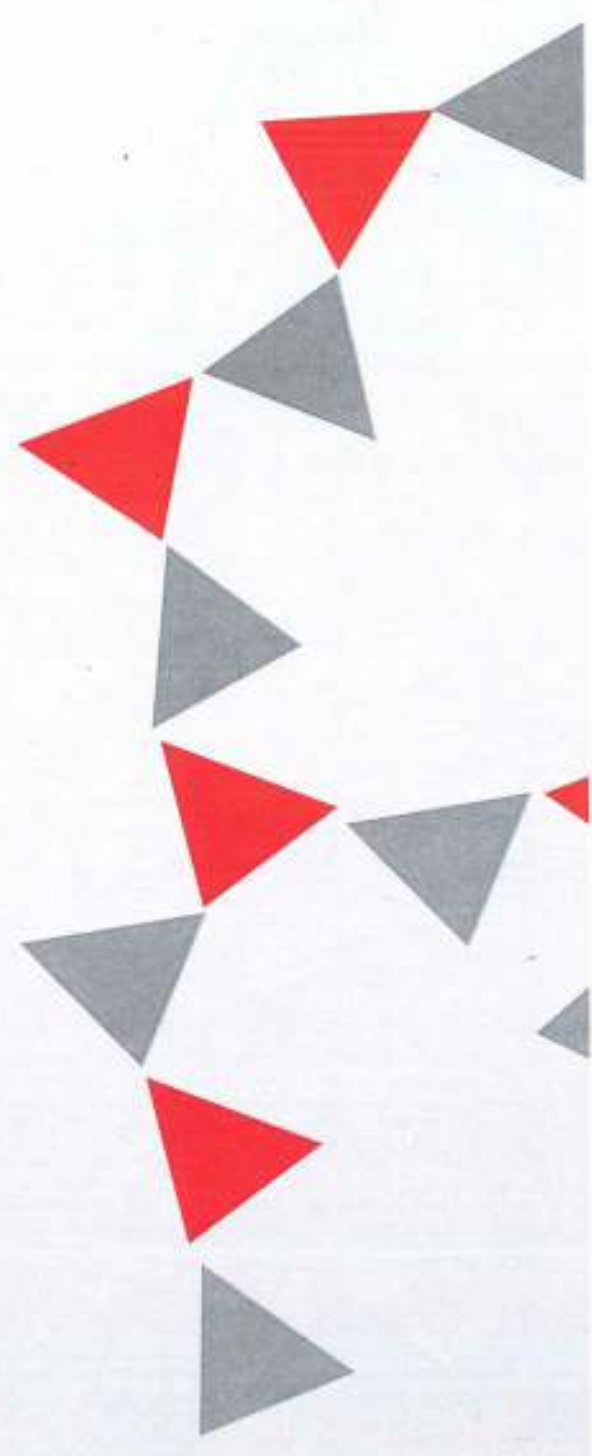
**TRẦN VĂN HUY**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**2016**





# MỤC LỤC

1 THÔNG TIN CHUNG

25 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

41 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

69 BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

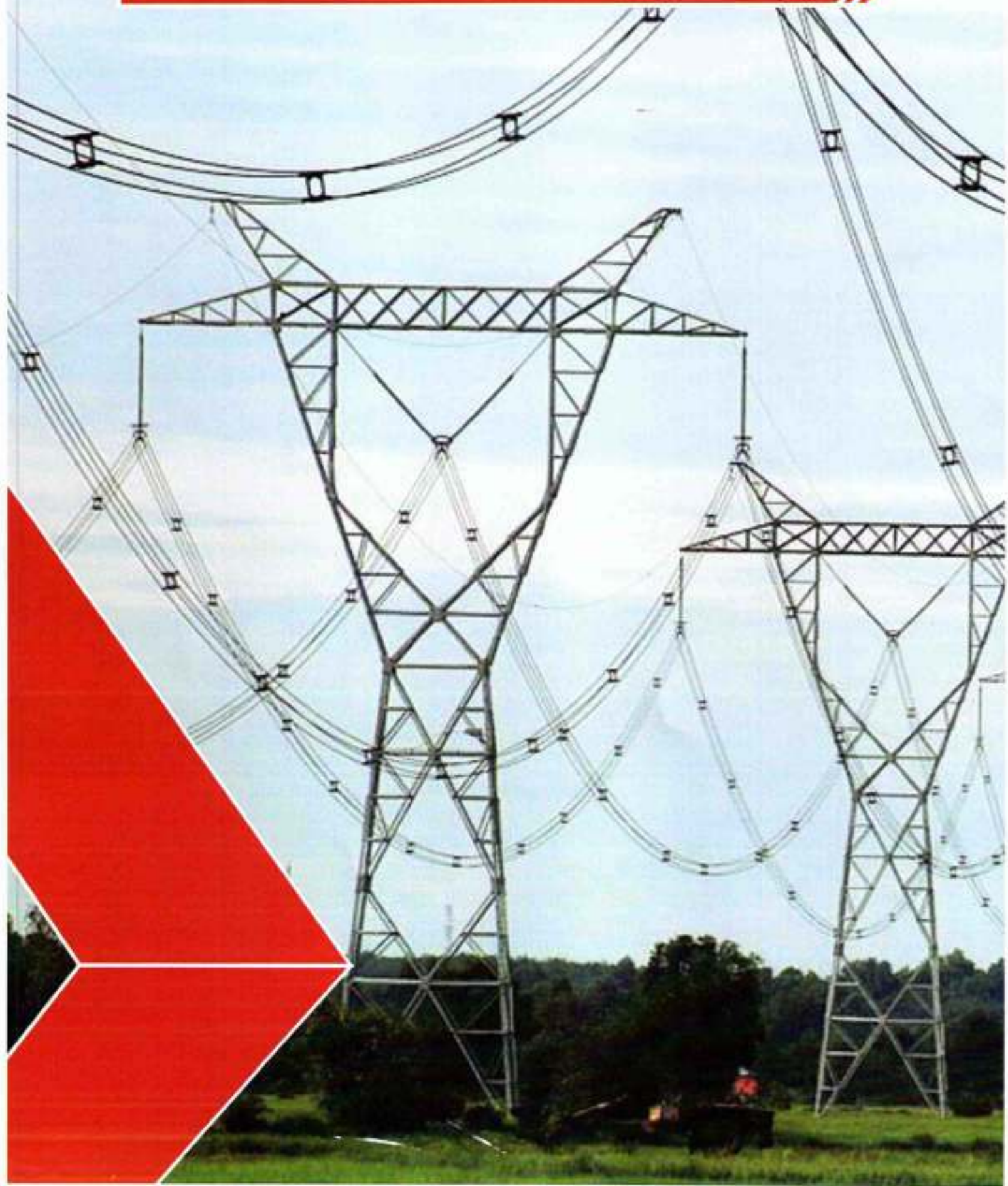
83 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

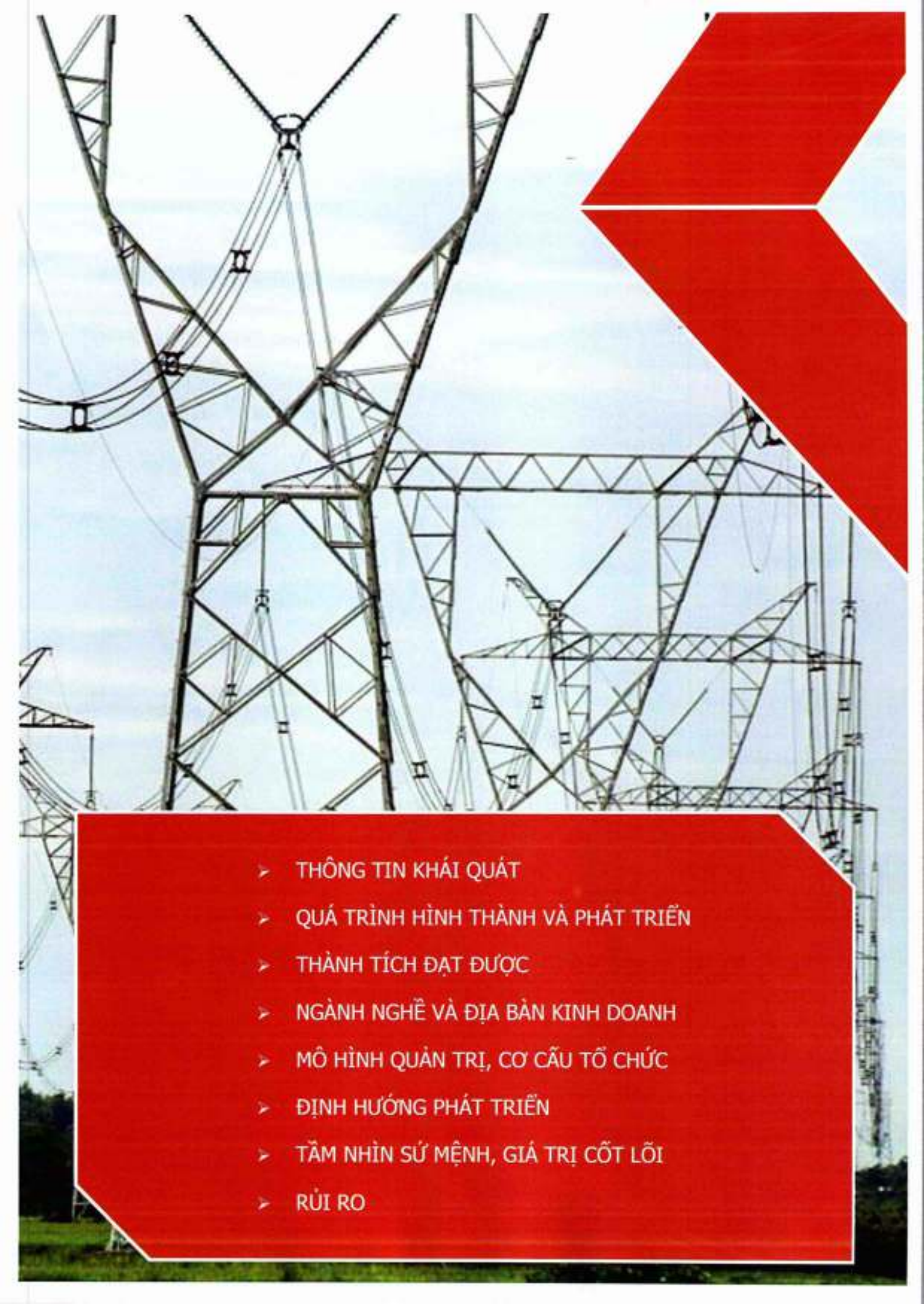
91 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

97 QUẢN TRỊ CÔNG TY

107 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

# THÔNG TIN CHUNG



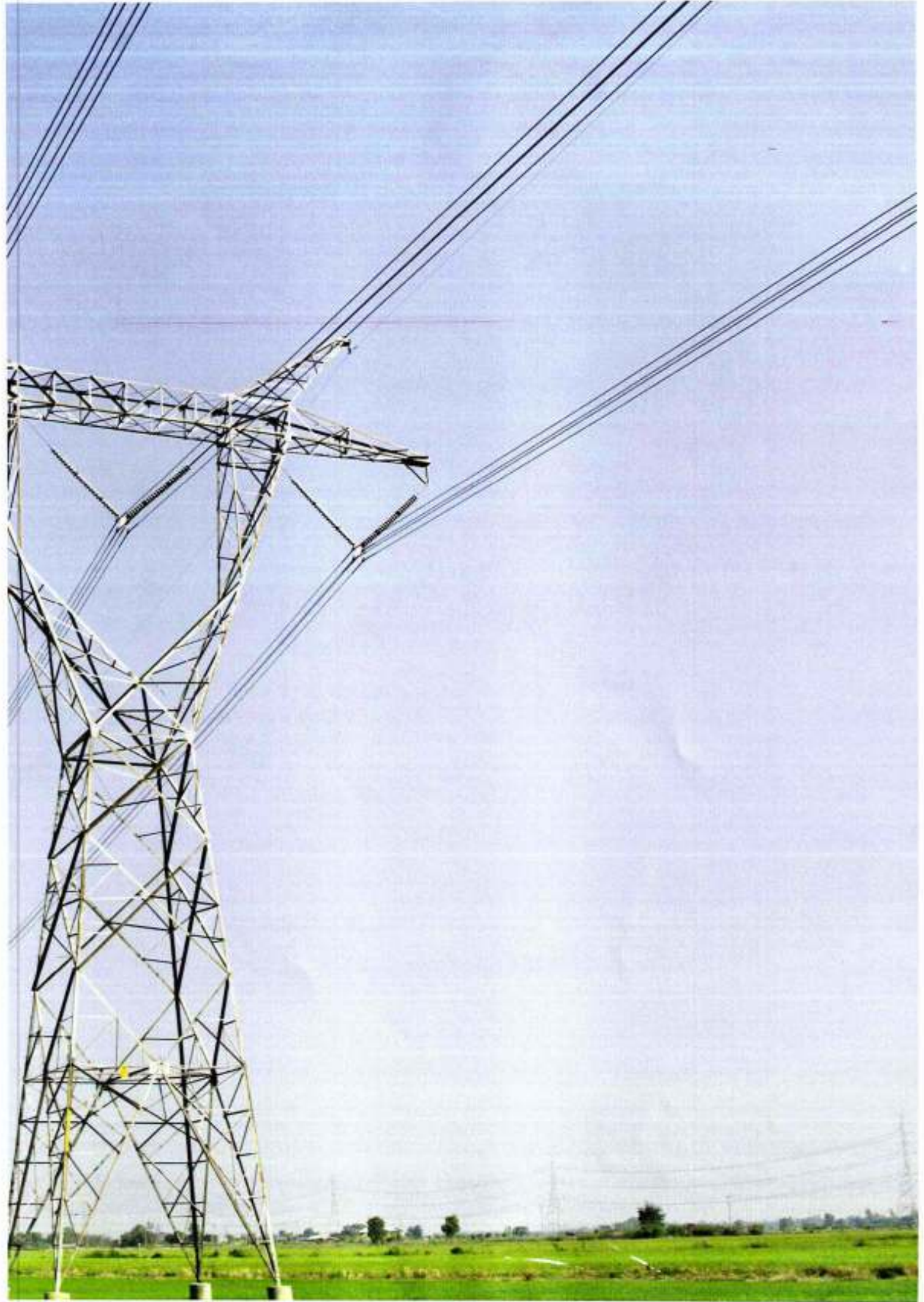
- 
- THÔNG TIN KHÁI QUÁT
  - QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
  - THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC
  - NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
  - MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC
  - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
  - TẦM NHÌN SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI
  - RỦI RO

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty:	<b>TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM</b>
Tên giao dịch:	<b>VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT-STOCK CORPORATION</b>
Tên viết tắt:	<b>VNECO</b>
Giấy CNĐKDN số:	Số 3203000819 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2005, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 10 tháng 06 năm 2016, theo đó Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận. Đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.
Vốn điều lệ:	<b>904.329.530.000 đồng</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	<b>904.329.530.000 đồng</b>
Địa chỉ:	Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
Số điện thoại:	(84-23) 6 356 2361
Số fax:	(84-23) 6 356 2367
Website:	<a href="http://www.vneco.com.vn">www.vneco.com.vn</a>
Email:	<a href="mailto:info@vneco.com.vn">info@vneco.com.vn</a>
Mã cổ phiếu:	<b>VNE</b>

Logo Công ty







## 1998 - 1991

Ngày 22/02/1988, Công ty Xây lắp điện 3 được thành lập theo quyết định số 174 NL/TCCB của Bộ trưởng Bộ Năng lượng (nay là Bộ Công nghiệp) trên cơ sở hợp nhất hai Công ty là Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3 và Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 5.

Năm 1991, Vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhì vì đã có thành tích xuất sắc trong việc nâng cấp và xây dựng tuyến truyền tải điện Thanh Hóa – Quảng Nam – Đà Nẵng (1987-1990)

## 1994 - 1997

Công ty Xây lắp điện 3 là Công ty hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam)

Hoàn thành 531 km đường dây 500kV Bắc – Nam

Hoàn thành 40 km đường dây 500kV Yaly – Pleiku

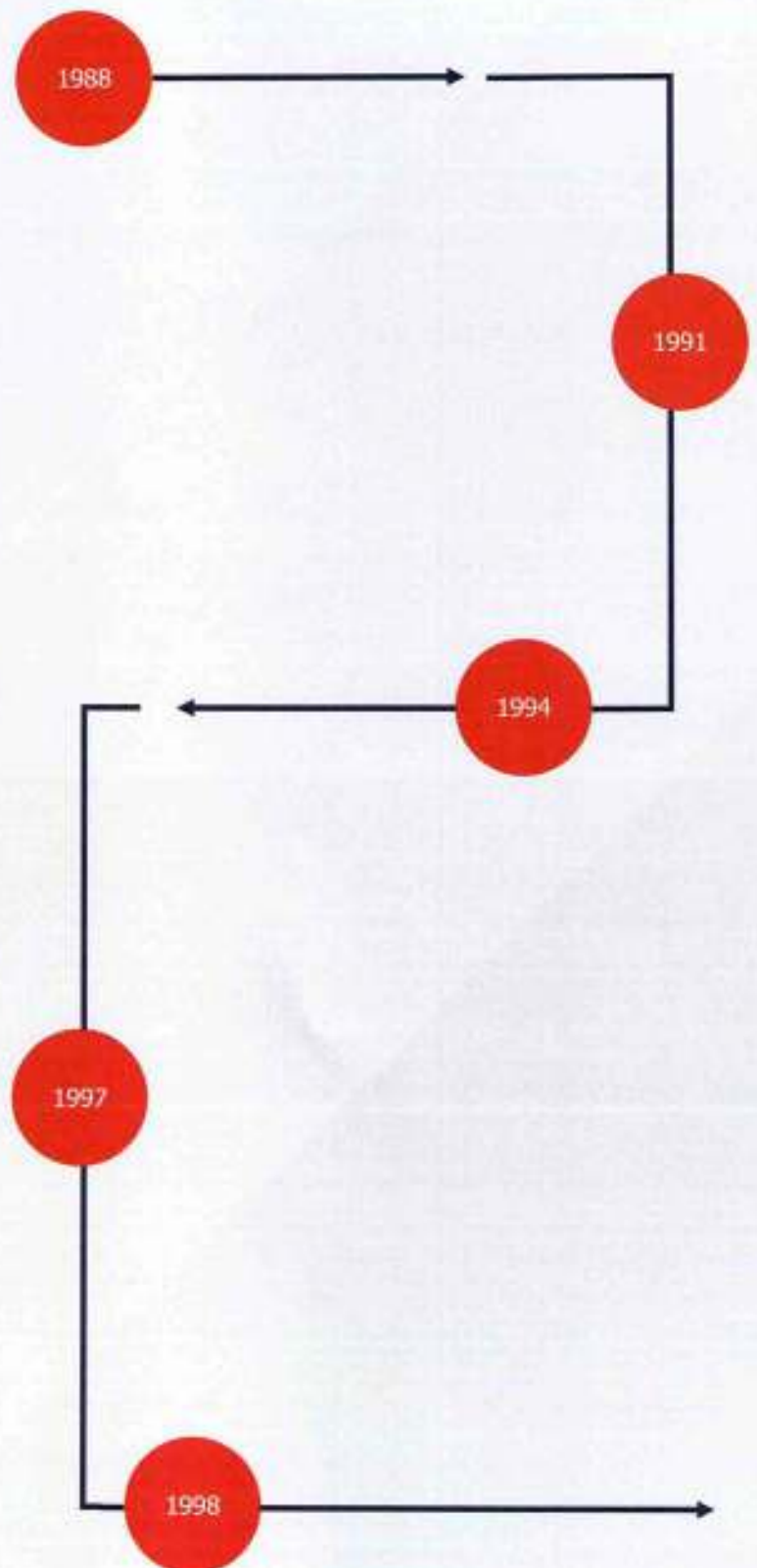
Năm 1994, Vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Nhì vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong việc xây dựng hệ thống tải điện 500KV Bắc Nam

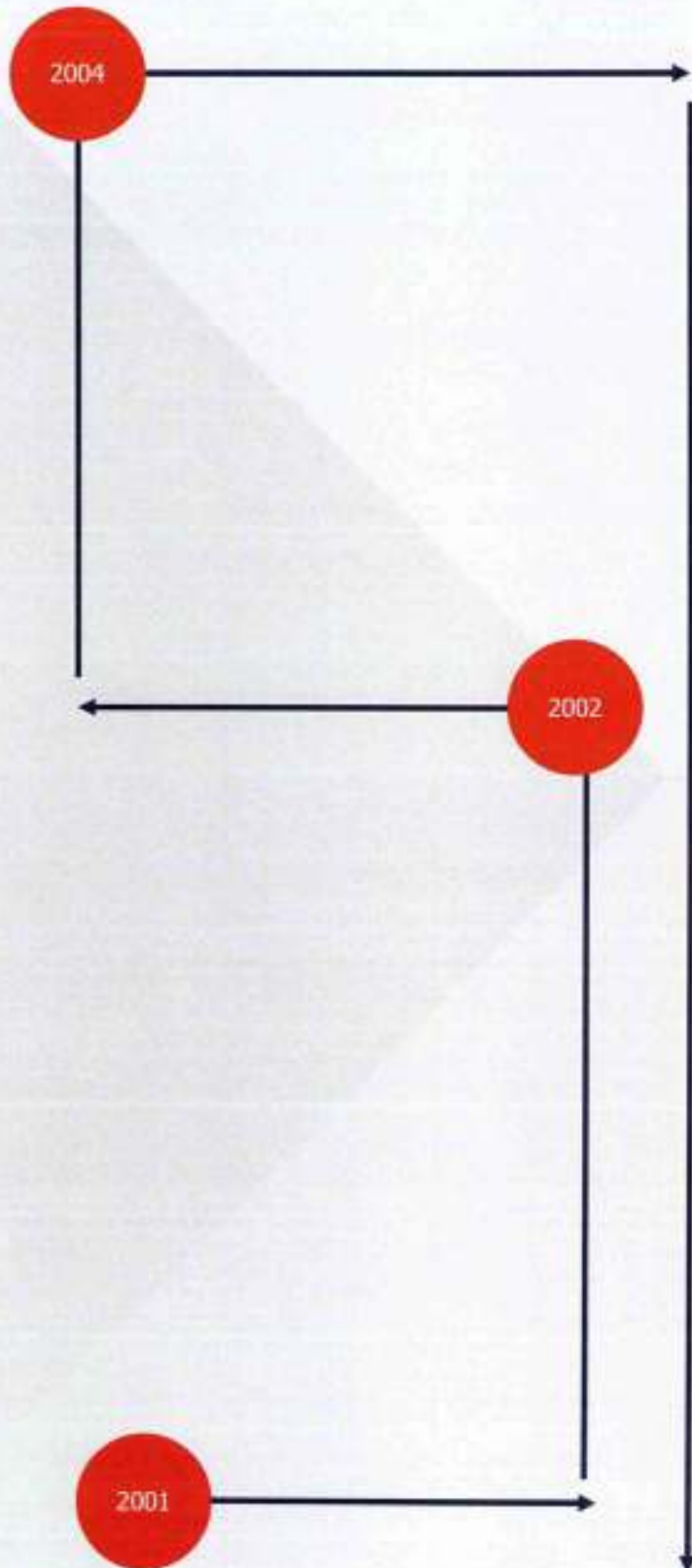
## 1998

Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam được thành lập theo Quyết định 90 TTg của Thủ tướng Chính phủ và Công ty Xây lắp điện 3 là một Công ty thành viên thuộc Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam. Vốn điều lệ của Tổng Công ty thời kỳ đó là: 8,377 tỷ đồng.

Năm 1998, Vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng Huân chương Độc lập hạng Ba vì đã có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1993 - 1997 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN





2001

Dự án Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép do Tổng Công ty làm chủ đầu tư tại Đà Nẵng với công suất 10.000 tấn năm đi vào hoạt động.

2002

Công ty Xây lắp điện 3 được tổ chức lại thành Công ty mẹ Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 862/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 9 năm 2002 và quyết định số 46/2002/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Tăng vốn điều lệ lên 74,780 tỷ đồng đồng thời đẩy mạnh hoạt động: xây lắp điện, xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng, sản xuất công nghiệp (cột điện thép, vật liệu xây dựng...), đầu tư phát triển du lịch dịch vụ và đầu tư các dự án Nhà máy sản xuất kết cấu thép mạ kẽm nhúng nóng.

Tập trung sắp xếp các đơn vị trực thuộc thành các công ty con là Công ty cổ phần và Công ty TNHH một thành viên đồng thời chuyển các Công ty TNHH một thành viên thành các Công ty cổ phần.

2004

Là chủ đầu tư dự án Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép và cột thép tại Thành phố Hồ Chí Minh công suất 15.000 tấn/năm; chủ đầu tư dự án Khách sạn Xanh Nha Trang đạt chuẩn 3 sao; chủ đầu tư dự án Khách sạn Xanh Nghệ An đạt chuẩn 3 sao; đồng thời cải tạo các nhà máy thép tại Quy Nhơn, Vinh đi vào hoạt động nâng công suất gia công toàn Tổng công ty lên 35.000 tấn/năm.

Hoàn thành 488,582km của 6 đường dây 500kV Phú Mỹ - Nhà Bè - Phú Lâm, Pleiku - Phú Lâm, Pleiku - Đốc Sỏi - Đà Nẵng, Đà Nẵng - Hà Tĩnh, Hà Tĩnh - Thường Tín, Nhà Bè - Ô Môn

## 2005

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam được thành lập theo quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.

Đẩy mạnh hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện (thủy điện Khe Diên, EaKrông Hnăng, Đăcpring, Chaval...), các dự án kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà, kinh doanh bất động sản và đầu tư phát triển du lịch dịch vụ; mở rộng phát triển lĩnh vực xây lắp các công trình hệ thống lưới điện, xây dựng các công trình công nghiệp dân dụng, sản xuất công nghiệp (cột điện thép, vật liệu xây dựng...).

## 2007

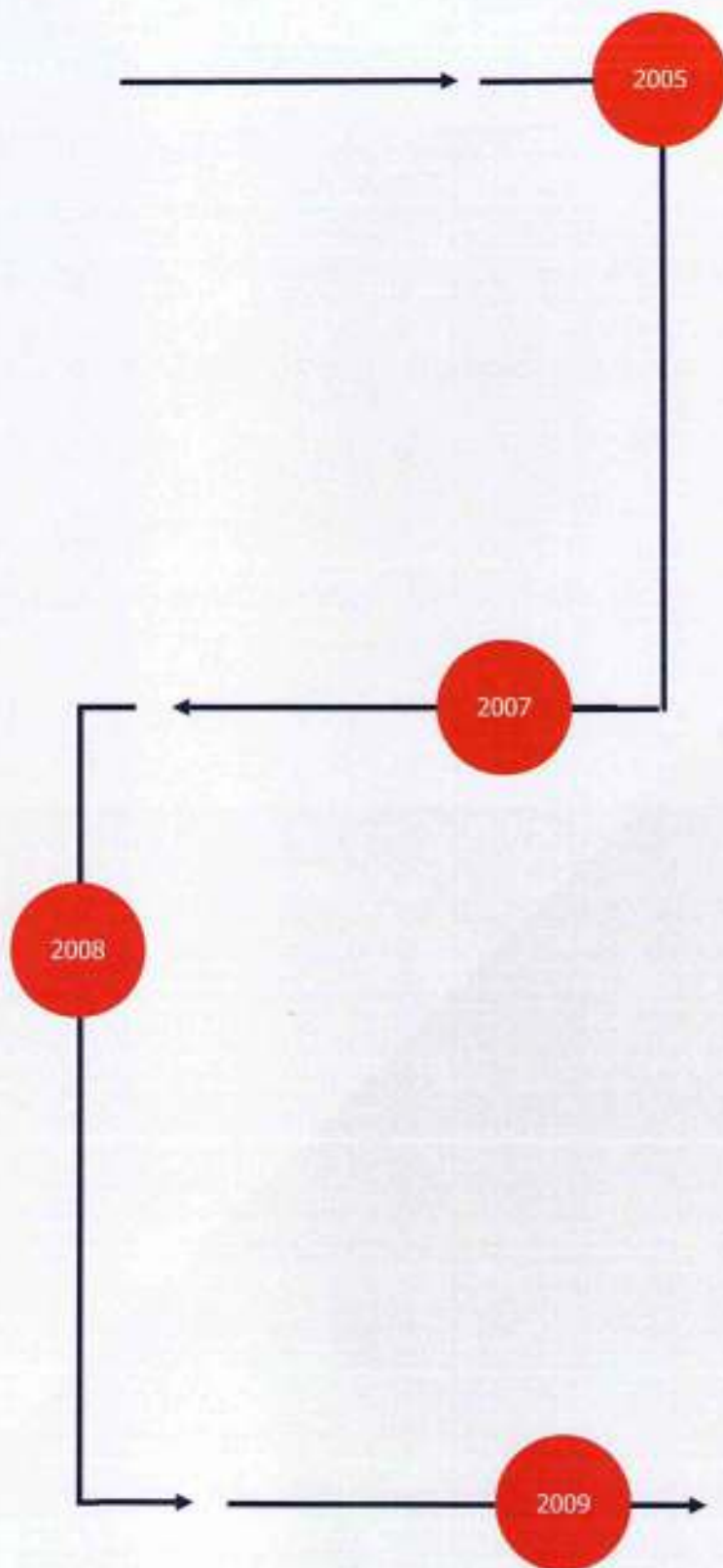
Tổng Công ty thực hiện tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng vào tháng 02/2007 và thực hiện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh vào tháng 8/2007 với tổng số lượng cổ phiếu niêm yết là 32 triệu cổ phiếu.

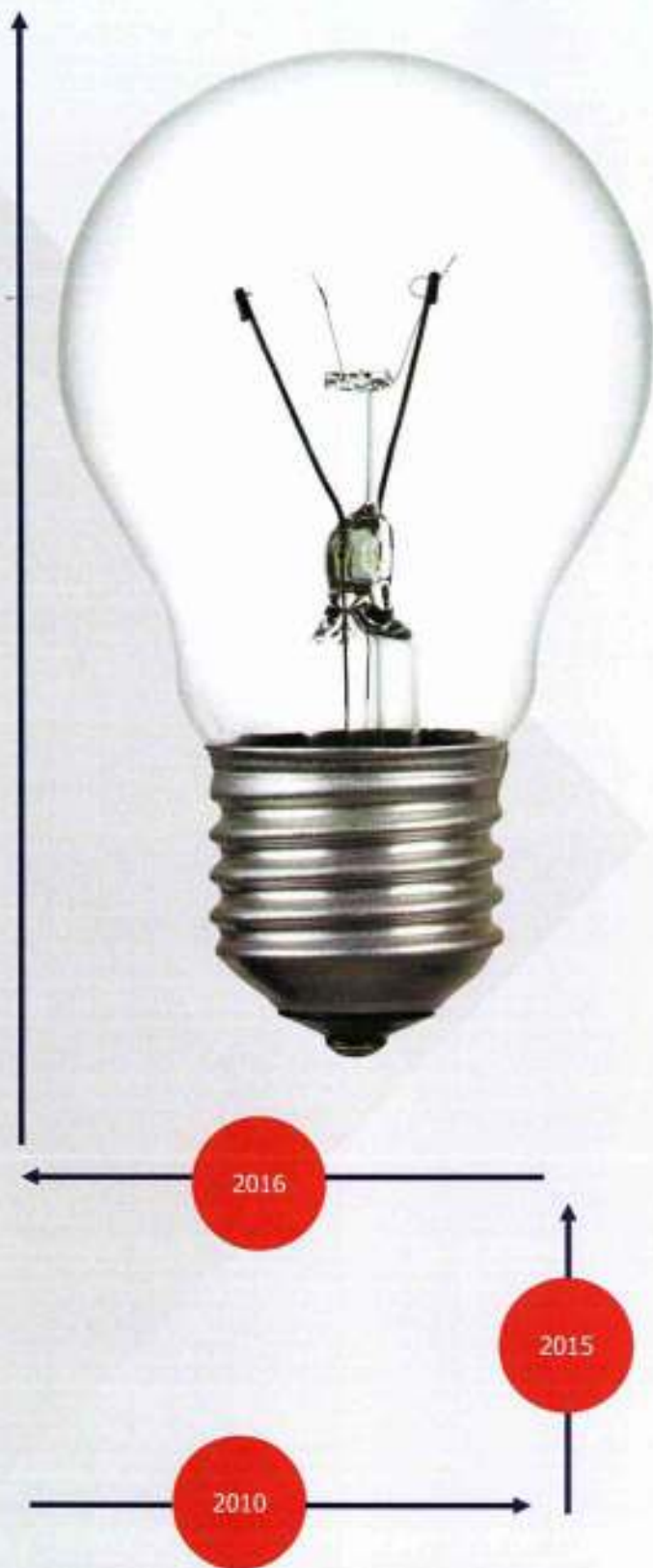
Khách sạn Xanh Huế với tiêu chuẩn 4 sao đi vào hoạt động.

## 2008 - 2009

Thực hiện triển khai các dự án đầu tư và kinh doanh du lịch, dịch vụ với vai trò là chủ đầu tư.

Hoàn thành công trình khách sạn cao cấp đạt tiêu chuẩn 4 sao tại Đà Nẵng.





## 2010

Quý 4 năm 2010, Tổng Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 637 tỷ đồng.

Ngày 27/10/2010, niêm yết bổ sung 31.721.061 cổ phiếu.

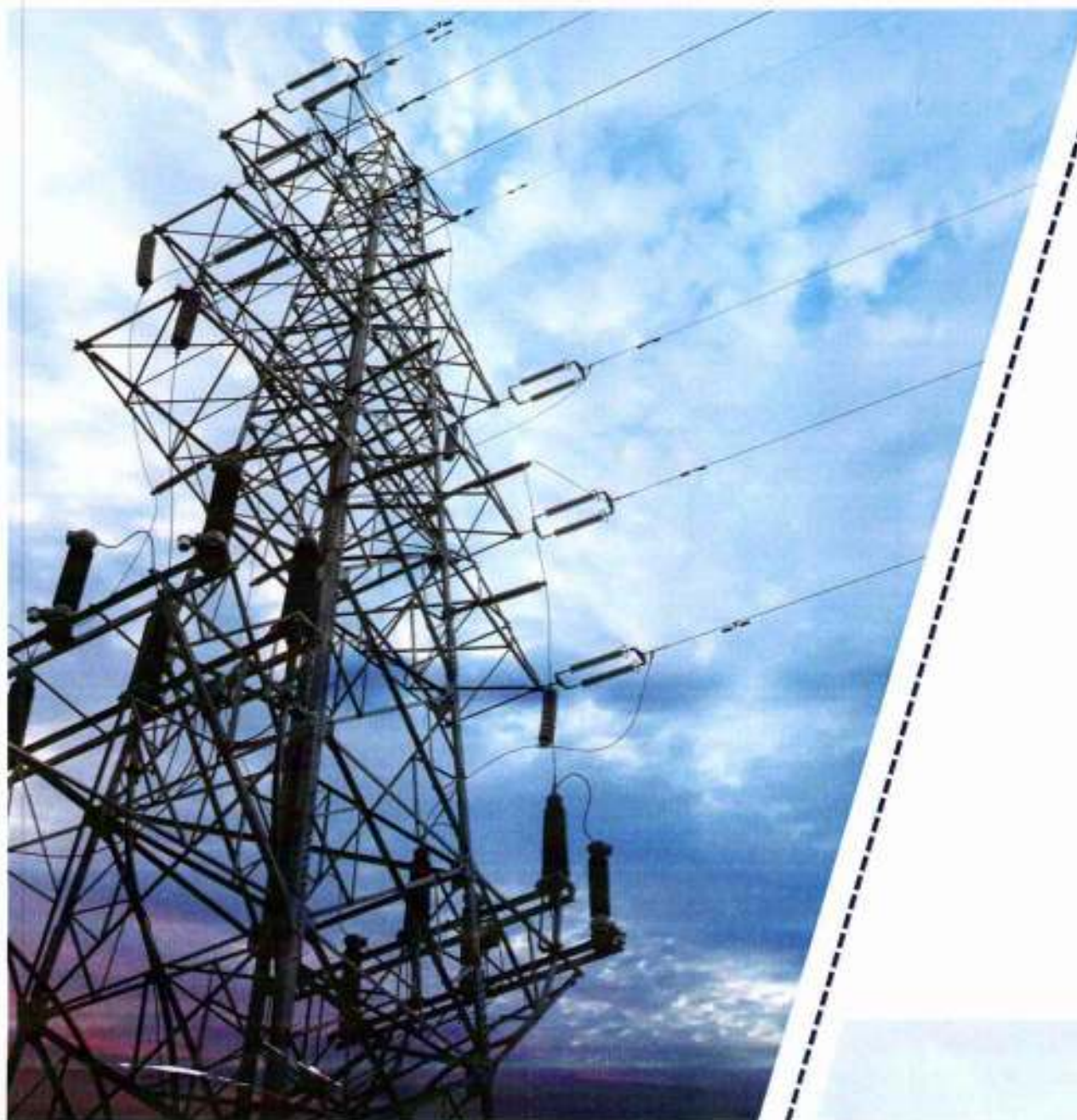
## 2015

Thực hiện chủ trương tăng vốn điều lệ được thông qua tại phiên họp ĐHĐCĐ 2015, Tổng Công ty đã phát hành thành công 18.636.642 cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 637,21 tỷ đồng lên 823,58 tỷ đồng.

## 2016

Tiếp tục thực hiện nghị quyết số 01/2016 NQ/VNECO-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, Công ty đã phát hành thành công 8.075.448 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2015, nâng số vốn điều lệ hiện nay tại công ty lên 904,33 tỷ đồng.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC



Tổng Công ty đã được tặng hàng trăm bằng khen của UBND các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, Nam Bộ và các ban ngành Trung ương

01 Huân chương Độc lập hạng Nhì (1994)

Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng 03 cờ thi đua xuất sắc năm 1992 - 1994, 1993 - 1998 và 2005.

Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng 05 cờ đơn vị xuất sắc trong năm 1992 - 1994, 1993 - 1998, 1995 - 2000, 2004, 2006.

01 Huân chương Độc lập hạng Ba (1998)

06 Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ tặng năm 1992, 1993, 1992 - 1994, 2000, 2004, 2006

Thành ủy Đà Nẵng công nhận Đảng bộ Tổng Công ty đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh tiêu biểu năm 1999, 2000, 2003, 2004,

03 Huân chương Lao động hạng Nhất.

42 Huân chương Lao động hạng Ba.

Thành ủy Đà Nẵng công nhận Đảng bộ Tổng Công ty đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh năm 2001, 2002, 2005, 2006.

16 Huân chương Lao động hạng Nhì.

Bộ trưởng Bộ tài chính và Tổng Cục Thuế khen tặng về thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2004, 2005, 2006.

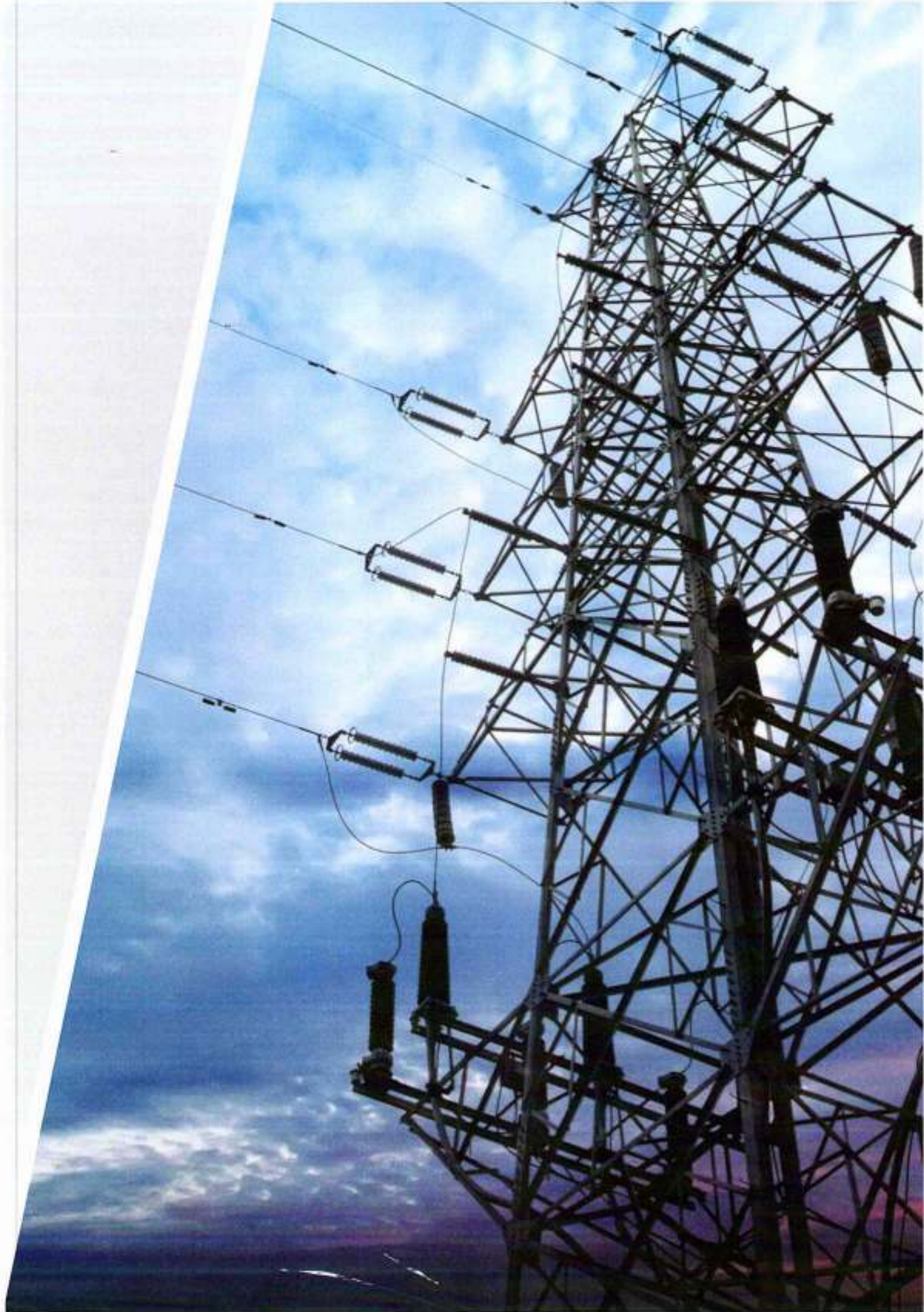
### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hiện nay Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam đang hoạt động trong các lĩnh vực chính như sau:

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định các dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư nhà máy điện độc lập;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Đầu tư tài chính;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

### ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn hoạt động của VNECO hầu như khắp cả nước: các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực phía Nam (từ Khánh Hòa vào các tỉnh phía Nam); các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực miền Trung và Tây Nguyên; các công trình xây dựng, xây lắp điện khu vực phía Bắc (từ Thanh Hóa ra các tỉnh phía Bắc).





### THI CÔNG XÂY LẬP

Thi công xây lắp là thế mạnh truyền thống của VNECO từ khi thành lập đến nay. Ở lĩnh vực này Tổng công ty thực hiện thi công xây lắp các hạng mục công trình nguồn điện, nhà máy thủy điện, các công trình truyền tải điện đường dây và trạm biến áp đến 500KV. Với nhu cầu phát triển của hệ thống hạ tầng viễn thông, Tổng Công ty cũng đã và đang thực hiện xây lắp nhiều công trình hệ thống thông tin liên lạc như thi công hàn nối cáp quang truyền hình, thi công hệ thống truyền hình, hệ thống điện thoại, tổng đài nội bộ và hệ thống mạng máy tính. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng thực hiện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp như xây dựng các nhà cao tầng, cao ốc văn phòng, khu nhà ở, các nhà máy thủy điện và đường giao thông.



### *Sản xuất cột điện, Gia công cơ khí - Mạ kẽm nhúng nóng, Kết cấu thép, Khung nhà tiền chế.*

VNECO có bốn đơn vị thành viên có dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng, được trang bị các máy công cụ điều khiển kỹ thuật số tự động và dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng tiên tiến của Đức chế tạo vào năm đầu của thế kỷ 21. Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm ISO:9001 - 2000. Các sản phẩm cơ khí của VNECO đa dạng về chủng loại như khung nhà tiền chế, trụ tháp cao, cột điện, đường dây tải điện, xà giá trụ đỡ cho thiết bị điện và các sản phẩm cơ khí khác..., đặc biệt năng suất gia công lớn và độ chính xác cao nhờ hệ thống máy cắt đột liên hợp thép hình đều cạnh điều khiển tự động của Pháp.

### SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Hiện tại, các sản phẩm chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp bao gồm sản xuất cột điện, gia công cơ khí, mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép, khung nhà tiền chế và sản xuất cột điện bê tông ly tâm, sản xuất gạch block các loại.



### *Sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông ly tâm các loại.*

VNECO có sáu đơn vị thành viên có dây chuyền sản xuất cột bê tông, và các sản phẩm bê tông ly tâm đúc sẵn. Sản phẩm bê tông ly tâm do VNECO sản xuất có chất lượng cao, được Trung tâm kỹ thuật đo lường khu vực 1 (Quatest 1) cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và được sử dụng trong các công trình đường dây và trạm tại khắp các tỉnh thành đất nước.

## DỊCH VỤ DU LỊCH

Khách sạn Xanh Huế - Nhà hàng Elegant, Nhà hàng Dynasty, Lobby bar, Nhà hàng royal

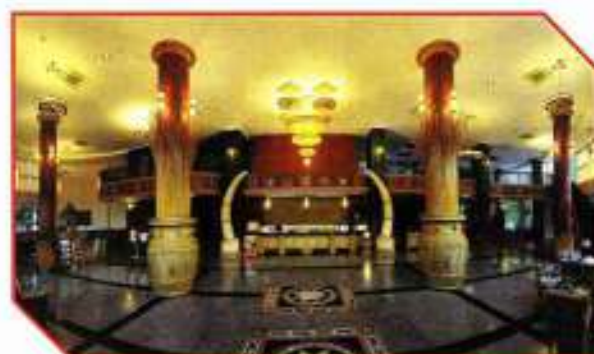
- 📍 Số 2 Lê Lợi - Tp Huế - TT Huế
- 📞 Tel: (84)54 2220555
- 📠 Fax: (84)54 2220272
- ✉ Mail: [smm@greenhotel-hue.com](mailto:smm@greenhotel-hue.com)
- 🌐 Website: [www.greenhotel-hue.com](http://www.greenhotel-hue.com)



Khu biệt thự Cẩm Tú - Vườn Quốc gia Bạch Mã - Thừa Thiên - Huế

Khu du lịch Xanh Lăng Cô - Thừa Thiên Huế (Thị trấn Lăng Cô - huyện Phú Lộc - Thừa Thiên Huế)

Nhà hàng Xanh Huế



## BẤT ĐỘNG SẢN

Để phát triển mảng dịch vụ, VNECO cũng đang triển khai mở rộng các dịch vụ về bất động sản, kinh doanh cao ốc, văn phòng cho thuê đi liền với các dự án thi công xây dựng bất động sản như dự án khu đô thị Mỹ Thượng là khu trung tâm của khu đô thị mới An Vân Dương (1.800 ha) nằm ở phía đông Thành phố Huế với tổng mức đầu tư trên 300 tỷ đồng và tổng diện tích quy hoạch là 435.335 m<sup>2</sup>. Đang đầu tư xây dựng dự án Siêu thị Xanh VNECO tại 66 Hoàng Văn Thái, TP Đà Nẵng trên diện tích đất 1,3ha; đang triển khai đầu tư dự án Khu du lịch sinh thái Xanh Lăng Cô với quy mô diện tích khu đất đầu tư 8,437ha.

### *Khu đô thị mới Mỹ Thượng*

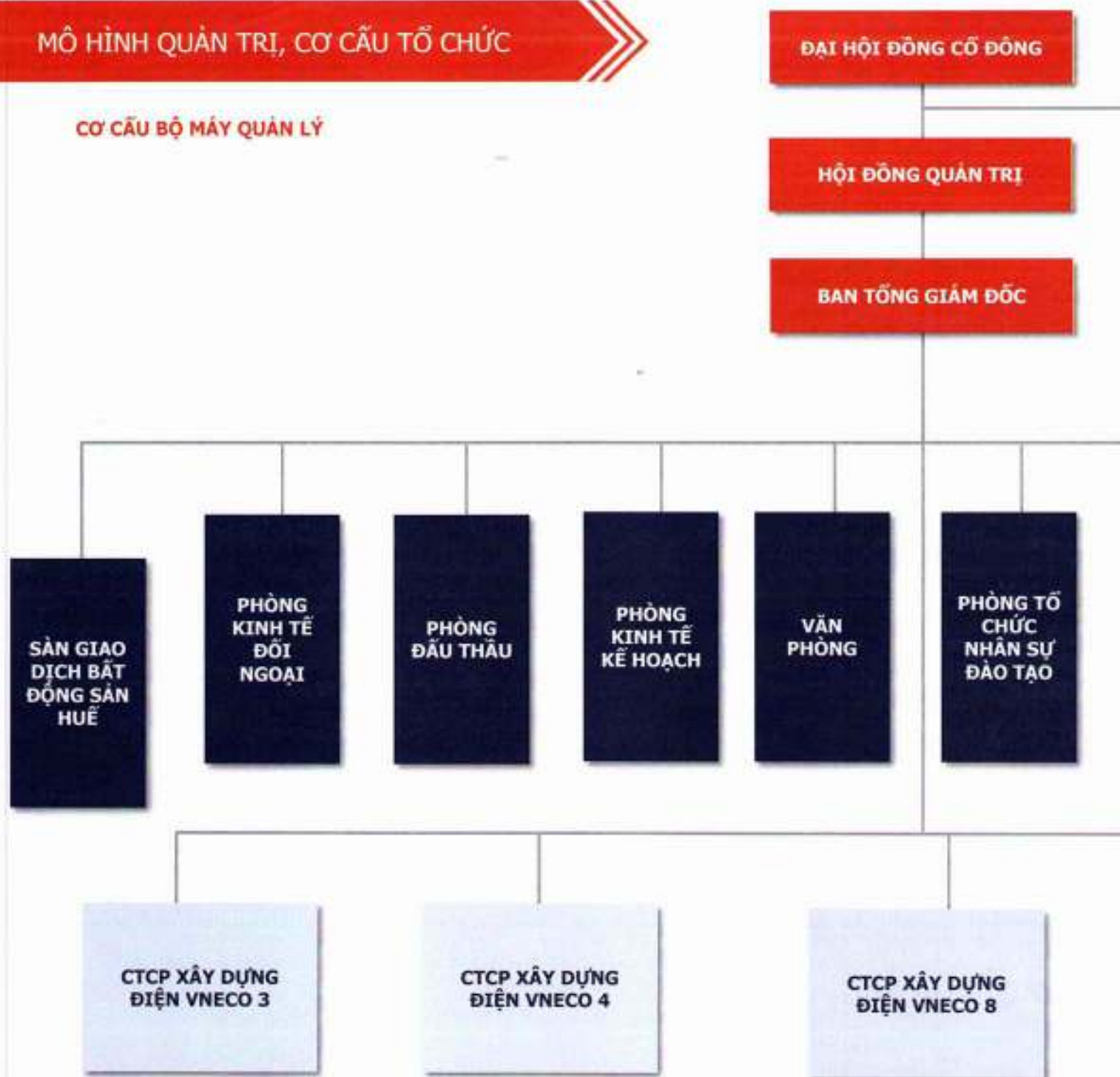
- 📍 Vị trí đầu tư: Tỉnh Thừa Thiên - Huế
- 📏 Diện tích: 73ha
- 📅 Thời gian bắt đầu: 2006
- 📅 Thời gian kết thúc: 2017

### *Khu dân cư Nguyễn Chánh Vị trí đầu tư: Hòa Khánh - Liên Chiểu - TP Đà Nẵng*

- 📏 Diện tích: 2,47 ha Thời gian bắt đầu: 2006
- 📅 Thời gian kết thúc: 2008

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

### CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



#### CƠ CẤU TỔ CHỨC:

Tổng Công ty hoạt động dưới hình thức mô hình Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty có Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

#### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng Công ty.

#### BAN KIỂM SOÁT:

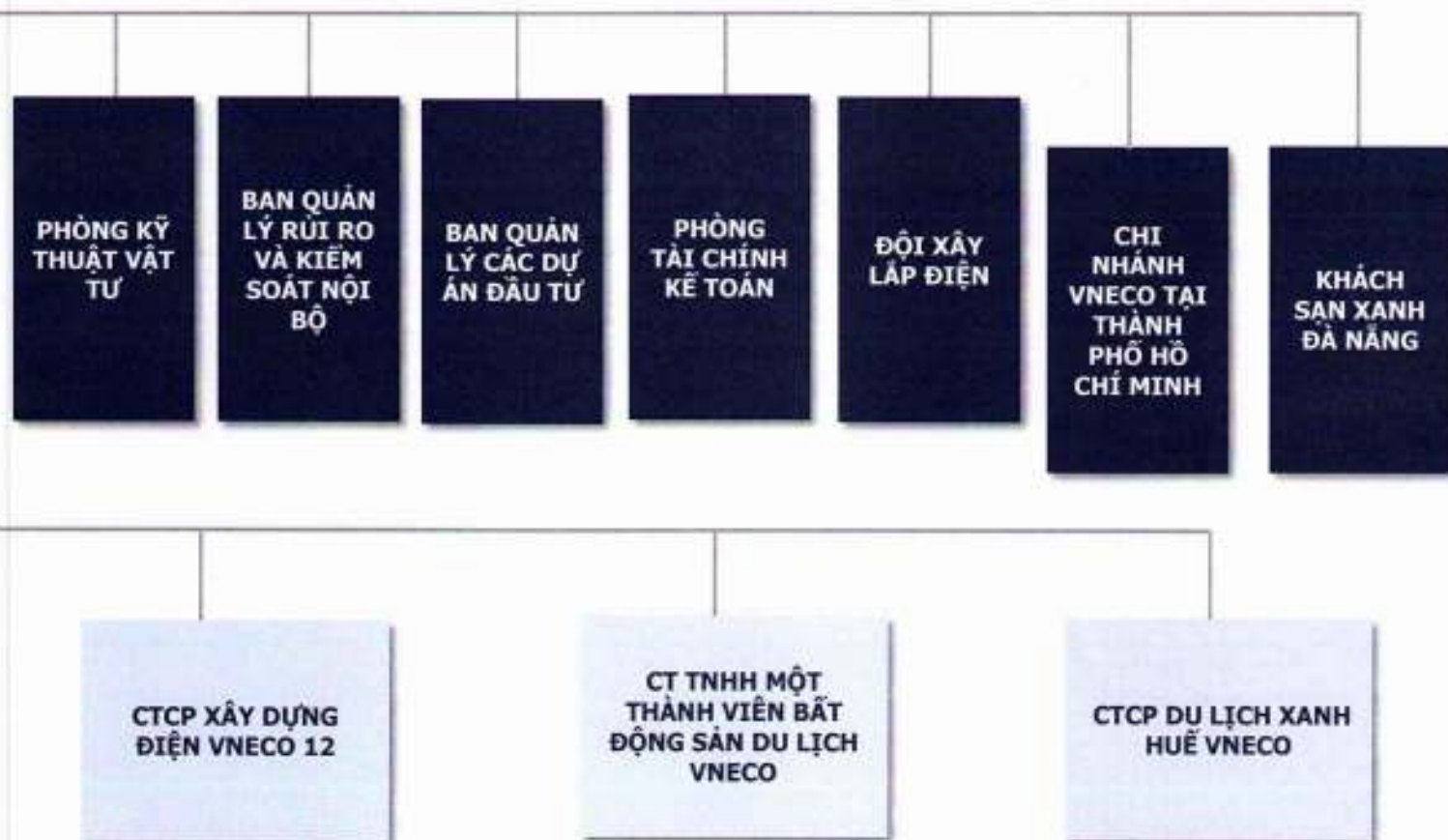
Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của mình.

## BAN KIỂM SOÁT

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của VNECO được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban kiểm soát
- Hội đồng quản trị
- Ban Tổng Giám đốc



### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Là cơ quan quản lý Tổng Công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế phân cấp của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

## CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### Công ty con

STT	Tên công ty	Vốn góp	% Vốn điều lệ
1	Công ty cổ phần XD điện VNECO 3	6.985.720.000	52,93%
2	Công ty cổ phần XD điện VNECO 4	5.192.580.000	54,73%
3	Công ty cổ phần XD điện VNECO 8	9.746.980.000	55,93%
4	Công ty cổ phần XD điện VNECO 12	7.887.000.000	65,73%
5	Công ty CP DL Xanh Huế VNECO	58.938.000.000	98,40%
6	Công ty TNHH một thành viên bất động sản – du lịch VNECO	-	-

### Công ty liên kết

STT	Tên công ty	Vốn góp	% Vốn điều lệ
1	Công ty cổ phần XD điện VNECO 2	5.854.100.000	32,37%
2	Công ty cổ phần XD điện VNECO 7	9.560.000.000	33,34%
3	Công ty cổ phần XD điện VNECO 10	3.000.000.000	30,05%
4	Công ty TNHH quản lý dự án CORE ASIA	1.020.000.000	38,23%



# CORE

Project Management



### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA TỔNG CÔNG TY

Là một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp hệ thống, công trình điện với quy mô lớn, Tổng Công ty đã đặt ra cho mình các mục tiêu phát triển chủ yếu như sau:

- Phân đấu sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Tổng Công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển Tổng Công ty ngày càng lớn mạnh.
- Tiếp tục phát triển các hệ thống máy móc, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu điện năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội đất nước.
- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Tổng Công ty minh bạch tạo sự phát triển mạnh mẽ.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

***Trong thời gian tới chiến lược phát triển trung và dài hạn được Tổng Công ty đặt như sau:***

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng điện phát huy tối đa ưu thế về ngành nghề truyền thống;
- Thực hiện tổng thầu một số dự án nhà máy điện
- Đầu tư khai thác các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Phát triển và khai thác các dự án bất động sản;
- Đầu tư tài chính;
- Bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với tình hình kinh doanh, phát huy tối đa sức mạnh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con cổ phần.

Các chiến lược phát triển đã đề ra nhằm phát triển Tổng công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam trở thành một tổ chức sản xuất kinh doanh đa ngành, với các lĩnh vực chủ yếu: Xây dựng điện (Tổng thầu các dự án nguồn điện, lưới điện, sản xuất các sản phẩm phục vụ xây dựng điện,); kinh doanh bất động sản, Bất động sản du lịch, phát triển kinh doanh dịch vụ-du lịch; Đầu tư tài chính (chủ yếu là đầu tư tài chính vào các công ty trong tổ hợp VNECO). Phân đấu mức tăng trưởng ổn định và bền vững cho cả tổ hợp Công ty mẹ - con; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; nâng cao mức cổ tức hàng năm cho các cổ đông, tối đa hoá tài sản của cổ đông, giải quyết việc làm, thường xuyên cải thiện điều kiện làm việc và tăng thu nhập cho người lao động.



## **CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI, CỘNG ĐỒNG**

### ***Các mục tiêu đối với môi trường***

- Trong thời gian tới Tổng Công ty sẽ thực hiện nghiêm túc các chương trình giám sát và quản lý môi trường; thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại đối với từng dự án nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
- Đồng thời xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để kịp thời triển khai nhằm giảm thiểu thiệt hại đến đời sống cộng đồng và môi trường tự nhiên.
- Đầu tư hiệu quả các hoạt động kiểm soát ô nhiễm, tăng cường chất lượng môi trường trên tất cả các công trình do VNECO đầu tư, sở hữu.

### ***Các mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng***

Tổng Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại các lợi ích kinh tế xã hội của địa phương bao gồm: Tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại các nhà máy công trường; tăng thu nhập cho người dân; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp hệ thống đường điện;....



## TẦM NHÌN SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



### Tầm nhìn:

VNECO mong muốn trở thành Tổng Công ty hàng đầu trong lĩnh vực kỹ thuật, xây lắp, cung cấp thiết bị trọn gói, chuyển giao công nghệ và đầu tư các dự án về nguồn điện, hệ thống lưới điện cho ngành điện, công nghiệp và hạ tầng tại Việt Nam.

### Sứ mệnh:



- Chung tay phát triển ngành điện Việt Nam
- Mang điện đến mọi miền đất nước
- Phát triển năng lượng xanh (điện gió, điện mặt trời, điện sinh học...)
- Góp phần phát triển kinh tế quốc gia
- Mang đến cơ hội phát triển cá nhân, chăm lo cuộc sống tinh thần và vật chất đầy đủ đến nhân viên.
- Nâng cao giá trị cho cổ đông.





### Giá trị văn hóa của toàn thể CBCNV VNECO

- 📍 **Đổi mới:** Tinh thần học hỏi, luôn cải tiến để nâng cao hiệu quả công việc.
- 📍 **Đồng đội:** Tinh thần đồng đội, chia sẻ, hợp tác, đồng tâm hiệp lực cùng hướng tới mục tiêu chung.
- 📍 **Cống hiến:** Tinh thần thể hiện bản thân, đóng góp cho xã hội, cộng đồng thông qua công việc.

### Giá trị văn hóa của cấp quản lý

- 📍 **Khát vọng:** Luôn có mục tiêu và hành động với niềm đam mê.
- 📍 **Chính trực:** Nền tảng để ra quyết định đúng đắn, không vì lợi ích cá nhân.
- 📍 **Trí - Tín:** Trí tuệ sáng suốt, khả năng nhìn xa, tính quyết đoán và coi trọng uy tín.

### **RỦI RO KINH TẾ**

Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng là 6,7% đã đề ra nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận lợi, trong nước gặp nhiều khó khăn thì kết quả trên cũng là một tín hiệu đáng mừng cho nền kinh tế Việt Nam.

Sự thay đổi của nền kinh tế sẽ có những tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty khi nhu cầu sử dụng điện và xây lắp điện sẽ vì thế mà biến đổi. Chính vì thế, đây là rủi ro không thể không nhắc đến trong quá trình hoạt động của VNECO.

Để giảm thiểu những tác động từ kinh tế, Ban Điều hành Tổng Công ty vẫn thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời phát hiện và kịp thời đưa ra các biện pháp ngăn chặn các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

### **RỦI RO PHÁP LUẬT**

Là một công ty cổ phần, VNECO chịu sự chi phối bởi hệ thống luật pháp Việt Nam mà trực tiếp là Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, Luật Đất đai, và các Bộ Luật chuyên môn khác...

Trong những năm gần đây, các văn bản luật nền tảng cùng với các quy định về kế toán, thuế, chứng khoán đã có sự thay đổi, điều này tạo ra những thách thức trong công tác cập nhật và triển khai thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty.

Để giảm thiểu loại rủi ro này, Tổng Công ty thường xuyên chủ động cập nhật liên tục sự thay đổi các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực kinh doanh, cũng như các văn bản pháp lý khác chi phối đến hoạt động của mình từ đó có thể đưa các chiến lược phát triển phù hợp, giảm thiểu tác động xảy ra, đảm bảo công tác thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty được diễn ra thuận lợi, bên cạnh đó hoạt động kinh doanh của VNECO cũng được duy trì ổn định.

**MIN**

## **RỦI RO MÔI TRƯỜNG**

Với hoạt động chính là xây dựng các công trình hệ thống điện, trong quá trình hoạt động Tổng Công ty không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực thi công các công trình. Một số yếu tố có thể kể đến như các loại khí thải từ các phương tiện vận tải, tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng,...

VNECO luôn ý thức được trách nhiệm đối môi trường thông qua các công tác kiểm tra, giám sát mức độ ảnh hưởng của việc thi công các công trình, dự án mà VNECO đang triển khai nhằm đảm bảo giảm thiểu tối đa các tác động đến môi trường sống.

## **RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH**

Ngành xây lắp điện có tính không ổn định, trong quá trình thi công phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp hàng của chủ đầu tư và công tác đền bù giải phóng mặt bằng. Đồng thời, nghề xây lắp điện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do làm việc trên cao có thể xảy ra tai nạn lao động.

Bên cạnh đó tình hình cạnh tranh gay gắt cũng là một trong những rủi ro đáng lo ngại trong quá trình hoạt động của VNECO, khi thực tế cho thấy Tổng Công ty đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và thị phần lớn trong ngành xây lắp điện.

Hiện nay công ty có kế hoạch rõ ràng cho các công trình, dự án do mình thi công. Tiến độ và các công tác liên quan đến nguyên vật liệu dùng trong quá trình hoạt động, cũng như các thủ tục hành chính đối với các công trình được VNECO theo dõi khoa học và thực hiện sát sao, đảm bảo thời gian thi công đúng như dự kiến và thỏa mãn được nhu cầu của khách hàng.

Đối với áp lực cạnh tranh từ các đối thủ, với những thế mạnh nhất định về tài chính, quy mô tổ hợp, mô hình hoạt động, cùng các mối quan hệ lâu năm với nhiều khách hàng Tổng Công ty tin tưởng rằng, mình vẫn có thể đối mặt và hạn chế đi những rủi ro này. VNECO sẽ luôn cố gắng duy trì và hoàn thiện hơn nữa khả năng hoạt động nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu mà mình đã đề ra.

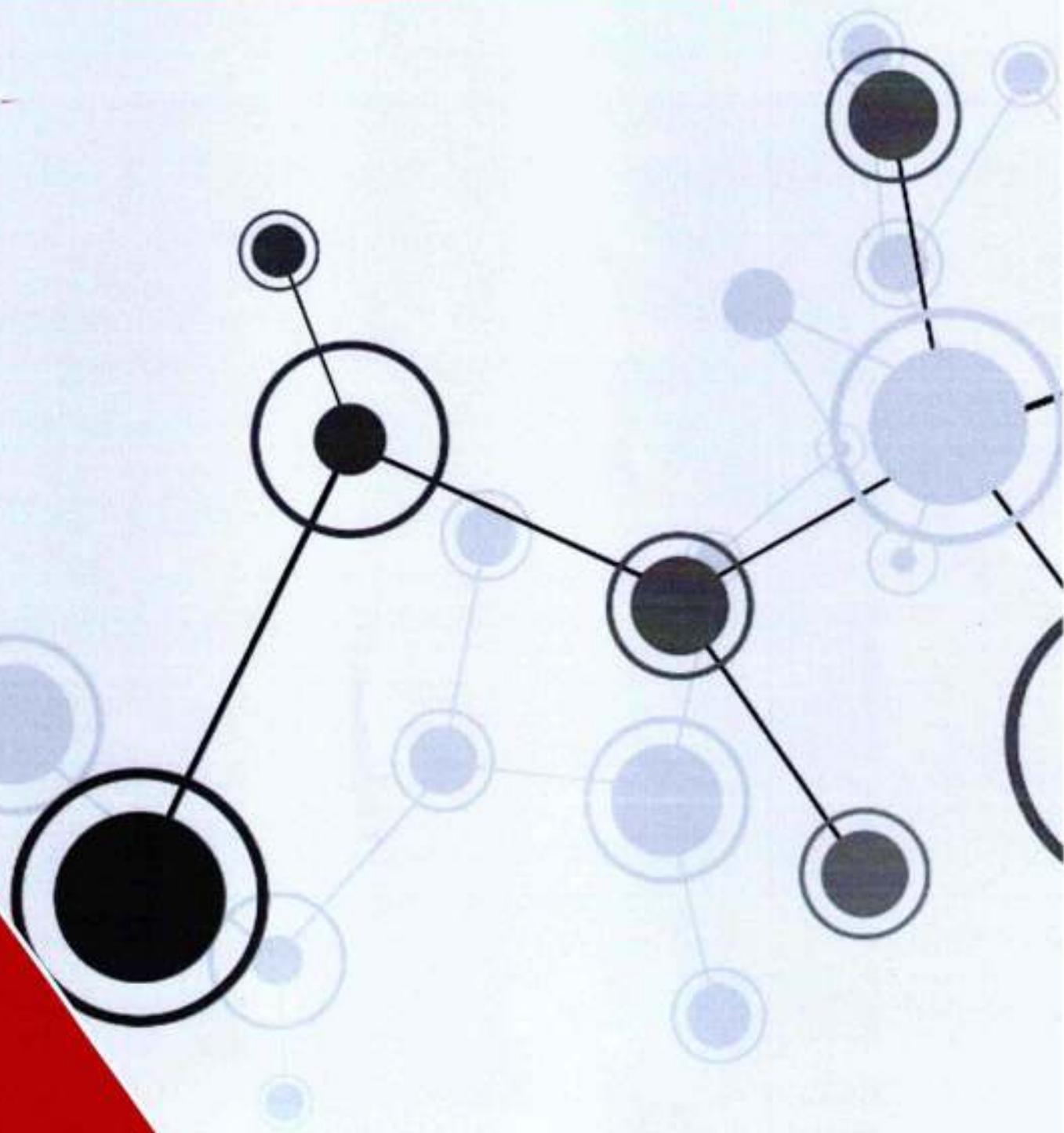
## **RỦI RO KHÁC**

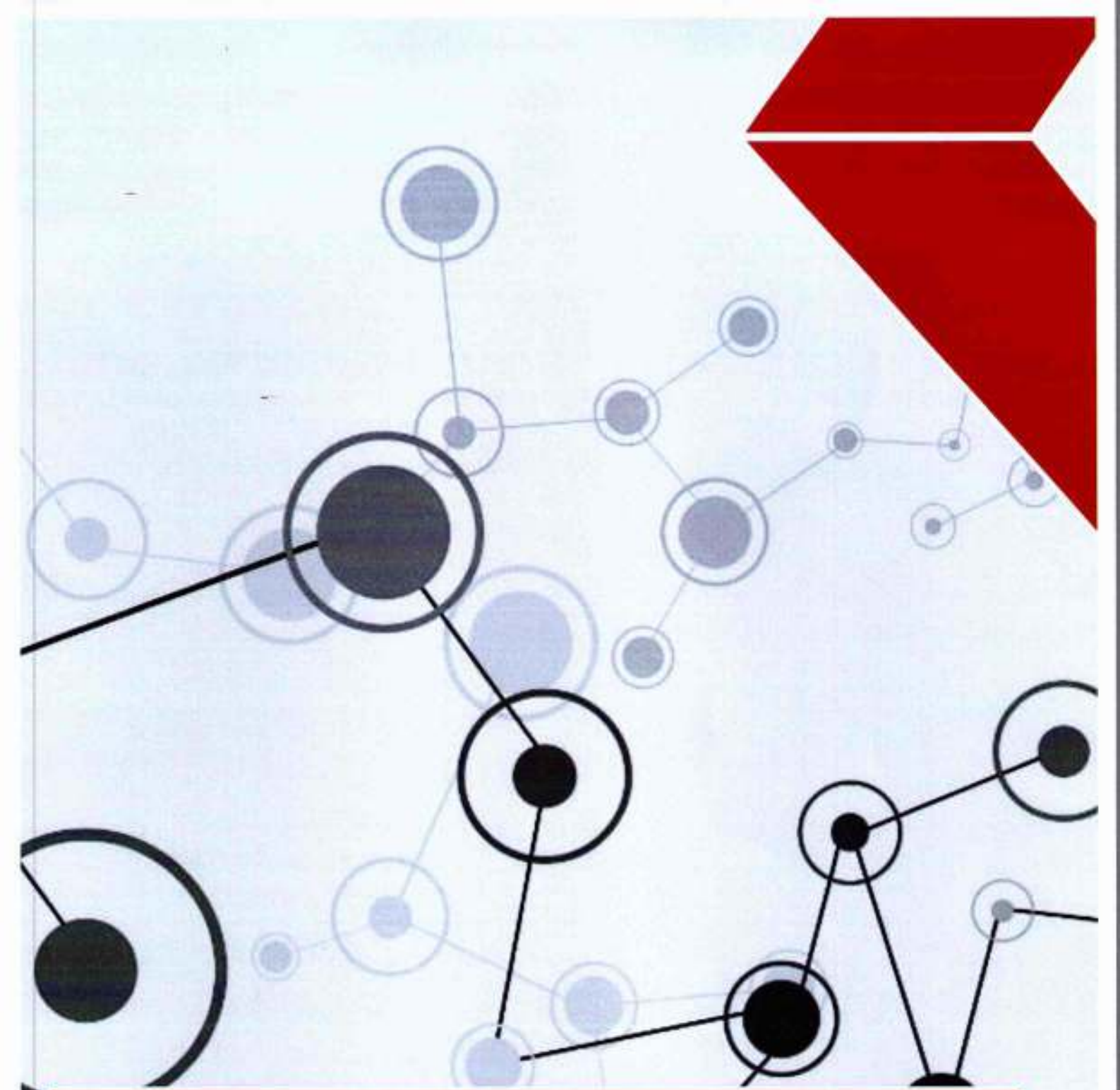
Các rủi ro khác như thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh, thời tiết,... là những rủi ro không thể tránh khỏi, gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.

Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện cán bộ công nhân viên về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động,...

The logo consists of the word "MAX" in a bold, black, sans-serif font. To the left of the text is a large, stylized graphic element: a thick, dark grey arc that curves from the bottom left towards the center, with a horizontal line segment extending from its inner edge. Several small, dark grey circles are arranged in a vertical line to the right of the arc, resembling rivets or bolts on a metal surface.

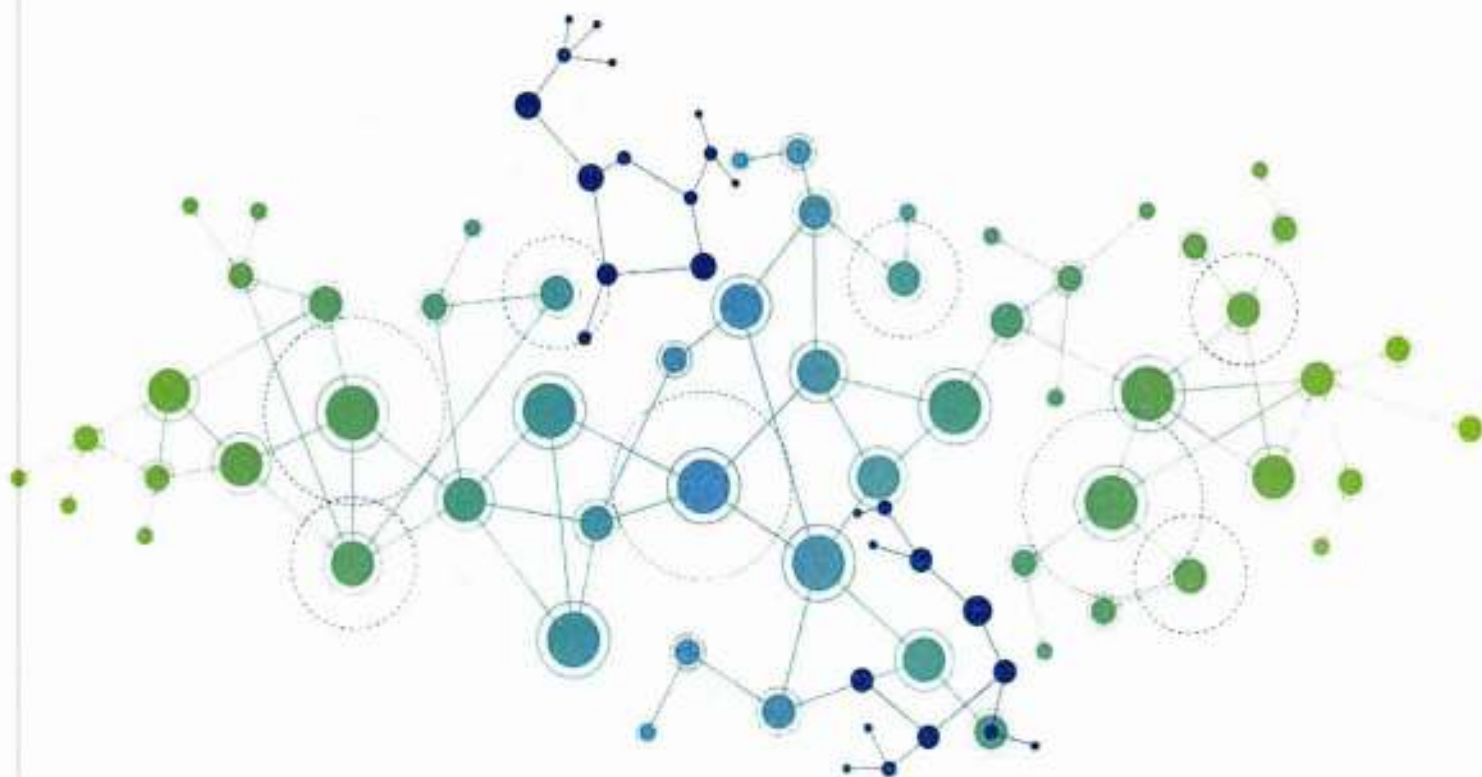
## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- 
- BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY
  - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
  - BAN KIỂM SOÁT
  - NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH
  - TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Cơ cấu Ban Điều hành của Công ty như sau:

Thành viên Ban Điều hành	Chức Vụ
Ông Ngô Văn Cường	Tổng Giám Đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Mai Anh Hoàng	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Phan Anh Quang	Kế Toán trưởng





**Ông Ngô Văn Cường**

**Tổng Giám đốc VNECO**

**Năm sinh:** 30/05/1974

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Hệ thống điện

**Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017:** 104.500 cổ phần - tỷ lệ 0,116% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

08/1997 - 06/1999	Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
07/1999 - 11/2002	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
12/2002 - 11/2005	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
12/2005 - 09/2009	Trưởng phòng Kỹ thuật Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
10/2009 - 06/2016	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
06/2016 đến nay	Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



**Ông Lê Văn Khôi**

**Phó Tổng Giám đốc**

**Năm sinh:** 30/04/1974

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư điện

**Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017:** 32.450 cổ phần - tỷ lệ 0,036% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

8/1997 - 4/2003	Cán bộ phòng Vật tư Công ty Xây lắp điện 3
5/2003 - 3/2004	Phó phòng Vật tư - Xuất nhập khẩu Công ty Xây lắp điện 3
4/2004 - 7/2009	Phó phòng Kỹ thuật - Vật tư Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam (VNECO)
8/2009 - 6/2013	Phó Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO11
7/2013 - 5/2014	Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO11
6/2014 - 5/2016	Chủ tịch Hội đồng quản trị, kiêm Giám đốc Công ty CP Xây dựng điện VNECO11
6/2016 đến nay	Phó Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam





**Ông Nguyễn Tịnh**

Thành viên HĐQT VNECD, Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 05/05/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017: 171.099 cổ phần - tỷ lệ 0,189% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

- 08/1997-10/2002 Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2002 – 10/2003 Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2003 – 03/2004 Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 04/2004 - 11/2005 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2005 - 09/2009 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 10/2009 - 04/2015 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 05/2015 đến nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



**Ông Trần Văn Huy**

Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 01/05/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị

Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017: 104.500 cổ phần - tỷ lệ 0,116% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

- 7/1987 - 2/1988 Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế - Đại học Kinh tế - Đại học Huế
- 3/1988 - 10/1994 Cán bộ kinh tế dự toán, Phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 11/1994 - 11/1995 Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 12/1995 - 8/1999 Phó chánh Văn phòng, Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3
- 9/1999 - 9/2002 Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch – Công ty Xây lắp điện 3
- 10/2002 - 11/2005 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước - Bộ Công nghiệp)
- 12/2005 - 12/2006 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 01/2007 đến nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



**Ông Mai Anh Hoàng**

Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 05/06/1969

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

- 08/1993-08/1994 Nhân Viên Phòng Cơ Điện Tổng Cty May Việt Tiến
- 09/1994-04/1996 Cán Bộ kinh doanh mặt hàng - Cty May Mặc Tiếp Khắc.
- 06/1996-02/2002 Cán bộ kinh doanh- Clipsal VTEC Việt Nam
- 04/2003-04/2004 Giám Đốc Kinh Doanh - SME Electric SDN BHD
- 05/2004-05/2011 Trưởng Đại Diện- VP Đại Diện Hager Electro Limited
- 06/2011-03-2013 Trưởng Đại Diện - VP Đại Diện Electrical Hub Limited
- 04/2013-05/2015 Giám đốc kinh doanh dự Án - Cty Cổ Phần Khải Toàn
- 06/2015-06/2016 Cổ vấn Cho Tổng Công Ty CP Xây Dựng điện Việt Nam
- 01/7/2016 đến nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công Ty CP Xây Dựng điện Việt Nam



**Ông Phan Anh Quang**

Thành viên HĐQT VNECO, Kế Toán trưởng

Năm sinh: 04/09/1974

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính kế toán, Thạc sỹ kinh tế

Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017: 228.800 cổ phần - tỷ lệ 0,253% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

- 3/1997 - 10/2002 Là Cán bộ Phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2002 - 11/2005 Là Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2005 - 8/2006 Là Phó phòng Tài chính kế toán - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 9/2006 - 12/2006 Là Trưởng phòng TCKT - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 01/2007 đến nay Là Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng - Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

**Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty như sau:**

Thành viên HĐQT	Chức Vụ
Ông Đoàn Đức Hồng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Ông Trương Phước Nghĩa	Thành viên HĐQT
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT
Ông Lê Thanh Hồng	Thành viên HĐQT
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT





**Ông Đoàn Đức Hồng**

Chủ tịch Hội Đồng Quản trị VNECO

**Năm sinh:** 10/06/1963

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Kinh tế công nghiệp, Cao cấp lý luận chính trị

**Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017:** 1.430.000 cổ phần - tỷ lệ 1,581% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

3/1986 - 3/1988	Cán bộ phòng Kế hoạch - Công ty Xây lắp đường dây và Trạm III - Bộ Năng lượng
4/1988 - 12/1990	Cán bộ dự toán Phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3
1/1991 - 2/1998	Phó phòng, Trưởng phòng Kinh tế Dự toán Công ty Xây lắp điện 3
3/1998 - 6/1998	Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Xây lắp điện 3
7/1998 - 3/1999	Phó Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
4/1999 - 9/2002	Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3
10/2002 - 11/2005	Tổng Giám đốc Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) - Bộ Công nghiệp
12/2005 - 5/2015	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
05/2015 - 06/2016	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
07/2016 - 03/2017	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
03/2017 - nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

**Ông Nguyễn Tịnh**

*(Xem thông tin ở mục Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành)*

**Ông Phan Anh Quang**

*(Xem thông tin ở mục Sơ yếu lý lịch Ban Điều hành)*



**Ông Trương Phước Nghĩa**

Thành viên Hội Đồng Quản trị VNECO

**Năm sinh:** 22/10/1978

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Tài chính – tiền tệ

**Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017:** 0 cổ phần – tỷ lệ 0% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

2000 - 2003	Quản lý kinh doanh - Công ty LG VINA
2003 - 2007	Phó Chủ tịch, Chủ tịch Hội sinh viên sáng tạo Sài Gòn
2007- /2009	Giám đốc kinh doanh Miền Nam Công ty Việt Tiếp
2009 - 2012	Giám đốc kinh doanh Sunhouse Miền Nam
2009 - 2013	Phó Chủ tịch Hội Gia dụng Miền Nam - Việt Nam
2010 - 2013	Thành viên HĐQT Công ty Du lịch Đông Minh
05/2015 đến nay	Là Thành viên HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



**Ông Phan Trịnh Anh Tuấn**

Thành viên Hội Đồng Quản trị VNECO

**Năm sinh:** 25/04/1979

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh

**Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017:** 55.000 cổ phần – tỷ lệ 0,061% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

Từ 01/2004 đến nay	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần Khai Toàn, Giám đốc Công ty CP phân phối thiết bị điện KTG
05/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.



**Ông Lê Thanh Hồng**

Thành viên Hội Đồng Quản trị VNECO

**Năm sinh:** 15/05/1979

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư

**Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017:** 55.000 cổ phần – tỷ lệ 0,061% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

- Từ 12/2009 - 03/2011 Phụ trách các vấn đề về Đầu tư xây dựng của Tập đoàn Đức Long Gia Lai, Trưởng Ban Quản lý dự án Khách sạn KHÁCH SẠN MỸ KHÊ ĐỨC LONG
- 05/2010 - 09/2012 Làm việc tại DNTN Đặng Duy Phương, Trưởng Ban Quản lý dự án KHÁCH SẠN SÔNG CÔNG
- 03/2011 đến nay Là Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần Bảo Phước
- 05/2015 đến nay Là Thành viên HĐQT - Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam



**Ông Lê Mạnh Hùng**

Thành viên Hội Đồng Quản trị VNECO

**Năm sinh:** 05/08/1977

**Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

**Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017:** 0 cổ phần – tỷ lệ 0% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

- 01/2000-06/2002 Cán bộ tín dụng Ngân hàng liên doanh Shinnhan Bank Hà Nội
- 06/2002-05/2005 Du học Đại học California State University
- 06/2005-11/2007 Trưởng phòng Kinh doanh, Phó Giám đốc Công ty CP Quốc tế APEX
- 12/2007 đến nay Phó phòng, Trưởng phòng đầu tư, Phó Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán NHTMCP Ngoại thương Việt Nam
- 06/2016 đến nay Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam

Thành viên Ban kiểm soát của công ty như sau:

Thành viên Ban kiểm soát	Chức Vụ
Ông Lê Chí Dũng	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên



Ông Lê Chí Dũng

Trưởng Ban Kiểm soát VNECO

Năm sinh: 04/08/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính – kế toán

Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017: 21.450 cổ phần – tỷ lệ 0,024%

Quá trình công tác:

1992 - 1996	Cán bộ phòng Tài Chính Kế Toán – Công ty Xây lắp điện 3
1996 - 1999	Kế toán trưởng Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2000 - 2001	Phó giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2002 - 2004	Giám giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2004 - 2007	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Đà Nẵng - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;
2007 - 2008	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 11 - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2008 - 2009	Phó Giám đốc Khách sạn Green Plaza - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2009 - 2015	Phó phòng Tài chính – Kế toán - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
06/2015 đến nay	Trưởng Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.



**Bà Nguyễn Thị Thủy Vinh**

Thành viên Ban Kiểm soát VNECO

**Năm sinh:** 24/05/1978

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế

**Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017:** 0 cổ phần – tỷ lệ 0% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

2000 - 2002                      Kế toán tổng hợp Công ty TNHH mực in Royal

2002 - 2006:                      Kế toán Tổng hợp - Công ty CP Thiết bị điện & chiếu sáng Hồng Phúc

2006 - 2012                      Kế toán trưởng - Công ty CP

Thiết bị điện & chiếu sáng Hồng Phúc

12/2012 - 2015                      Kế toán trưởng - Công ty CP Phân phối KTG Miền Bắc

1/2015 - 4/2015                      Là Phó Giám đốc Hậu cần - Công ty CP phân phối KTG Miền Bắc;

4/2015 đến nay                      Giám đốc Công ty CP phân phối KTG Miền Bắc; Chức vụ công tác hiện nay tại VNECO: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



**Ông Lê Minh Tuấn**

Thành viên Ban Kiểm soát VNECO

**Năm sinh:** 28/06/1983

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân khoa kinh tế

**Số cổ phần nắm giữ tại 07/03/2017:** 0 cổ phần – tỷ lệ 0% vốn điều lệ

**Quá trình công tác:**

2006 - 2013                      Làm việc tại Công Ty CP Chứng Khoán NHNN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM

2013 đến nay                      Làm việc tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Tp.HCM; Chức vụ công tác hiện nay tại VNECO: Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm Công ty đã có những sự thay đổi trong Hội đồng quản trị và Ban Điều hành như sau:

- Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 đã chính thức bầu cử bổ sung ông Lê Mạnh Hùng là Thành viên Hội đồng quản trị VNECO.
- Ngày 23/03/2017, Ông Đặng Trọng Ngôn đã gửi đơn từ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị trị cũng đã có nghị quyết số 09 NQ/VNECO-HĐQT về việc bầu Ông Đoàn Đức Hồng giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 23/03/2017.
- Bổ nhiệm Ông Mai Văn Hoàng đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/7/2016 theo quyết định số 16/QĐ – HĐQT – VNECO.
- Ông Đoàn Đức Hồng đã thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 15/06/2016, theo đó Hội đồng quản trị cũng đã có Nghị quyết số 11 NQ/VNECO-HĐQT bổ nhiệm Ông Ngô Văn Cường làm Tổng giám đốc Tổng Công ty.
- Bổ nhiệm Ông Lê Văn Khôi đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc theo quyết định số 12/QĐ – HĐQT – VNECO từ ngày 15/06/2016.

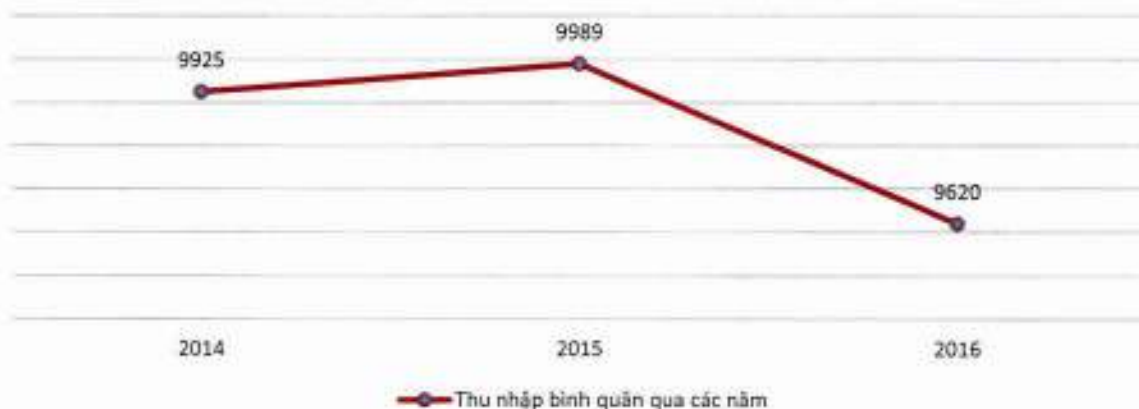
## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tính chất phân loại	Năm 2016	Tỷ trọng 2016
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>171</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ đại học, trên đại học	87	50,88%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	16	9,36%
3	Khác	68	39,76%
<b>B</b>	<b>Theo hợp đồng lao động</b>	<b>171</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	135	78,95%
2	Hợp đồng từ 1-3 năm	28	16,37%
3	Hợp đồng thử việc	02	1,17%
4	Hợp đồng thời vụ	06	3,51%

## THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM (ĐỒNG/THÁNG/NGƯỜI)

STT	Năm	Mức lương bình quân (triệu đồng/ người /tháng)
1	2014	9,925
2	2015	9,989
3	2016	9,620

Thu nhập bình quân qua các năm



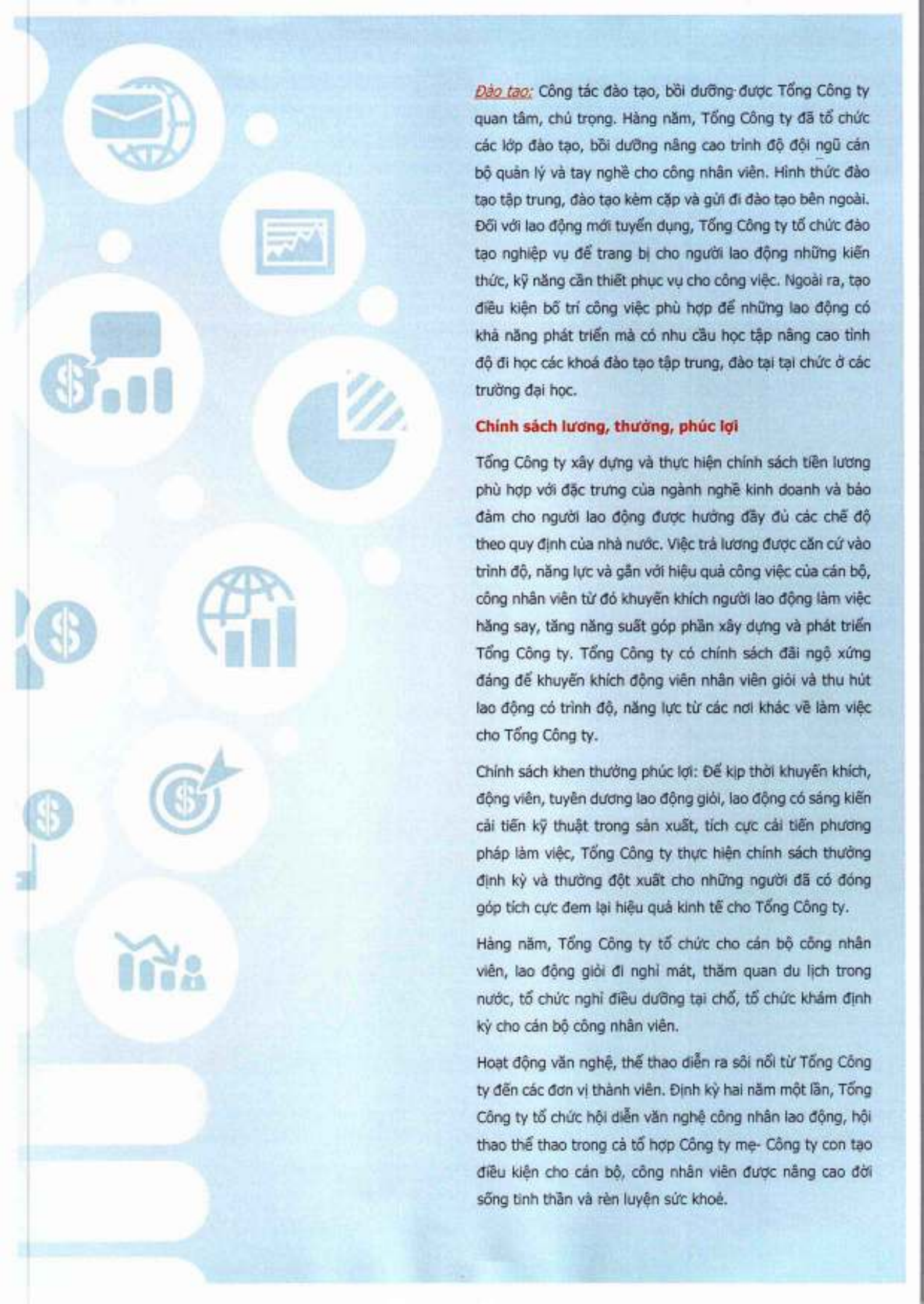
## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

### Chế độ làm việc

Tổng công ty đã xây dựng thoả ước lao động tập thể được Hội nghị Người lao động thông qua và xây dựng Nội qui lao động được Sở lao động thương binh xã hội thành phố Đà Nẵng chấp nhận, được thông báo đến từng người lao động để thực hiện. Theo đó, giờ làm việc được qui định 40 giờ/tuần, nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật, những trường hợp không thể nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật thì sẽ bố trí nghỉ luân phiên hoặc thanh toán tiền làm thêm giờ theo qui định của Bộ luật Lao động và của Tổng công ty. Chế độ làm thêm giờ: Người sử dụng có thể thỏa thuận với người lao động để làm thêm giờ. Vào ngày thường bằng 150%; Vào ngày nghỉ hàng tuần bằng 200%; Vào nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ có hưởng lương bằng 300% chưa kể tiền lương ngày nghỉ lễ, tết; Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường. Chế độ nghỉ hàng năm: Người lao động có 12 tháng làm việc tại Tổng Công ty thì được nghỉ 12 ngày phép/năm, Người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc; Ngoài ra, cứ mỗi 05 năm làm việc tại Tổng Công ty, người lao động được cộng theo 01 phép. Nghỉ lễ, tết : Tổng cộng 10 ngày theo qui định hiện hành. Tuy nhiên do đặc thù của ngành xây lắp, người lao động có thể được nghỉ thêm vào dịp tết Nguyên đán tùy thuộc vào mức độ hoàn thành kế hoạch trong năm và không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của năm sau; Chế độ ốm, đau, thai sản thực hiện theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và theo hướng có lợi hơn cho người lao động.

### Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Về tuyển dụng: Tổng Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự qua các nguồn học sinh tốt nghiệp các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực sản xuất điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh du lịch. Đối với các vị trí chủ chốt, yêu cầu tuyển dụng rất khắt khe, các tiêu chuẩn bắt buộc về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, khả năng phân tích và dự báo.



**Đào tạo:** Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Tổng Công ty quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Tổng Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và tay nghề cho công nhân viên. Hình thức đào tạo tập trung, đào tạo kèm cặp và gửi đi đào tạo bên ngoài. Đối với lao động mới tuyển dụng, Tổng Công ty tổ chức đào tạo nghiệp vụ để trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp để những lao động có khả năng phát triển mà có nhu cầu học tập nâng cao trình độ đi học các khoá đào tạo tập trung, đào tạo tại chức ở các trường đại học.

### **Chính sách lương, thưởng, phúc lợi**

Tổng Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương được căn cứ vào trình độ, năng lực và gắn với hiệu quả công việc của cán bộ, công nhân viên từ đó khuyến khích người lao động làm việc hăng say, tăng năng suất góp phần xây dựng và phát triển Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi và thu hút lao động có trình độ, năng lực từ các nơi khác về làm việc cho Tổng Công ty.

Chính sách khen thưởng phúc lợi: Để kịp thời khuyến khích, động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Tổng Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho những người đã có đóng góp tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty.

Hàng năm, Tổng Công ty tổ chức cho cán bộ công nhân viên, lao động giỏi đi nghỉ mát, thăm quan du lịch trong nước, tổ chức nghỉ điều dưỡng tại chỗ, tổ chức khám định kỳ cho cán bộ công nhân viên.

Hoạt động văn nghệ, thể thao diễn ra sôi nổi từ Tổng Công ty đến các đơn vị thành viên. Định kỳ hai năm một lần, Tổng Công ty tổ chức hội diễn văn nghệ công nhân lao động, hội thao thể thao trong cả tổ hợp Công ty mẹ- Công ty con tạo điều kiện cho cán bộ, công nhân viên được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khoẻ.

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



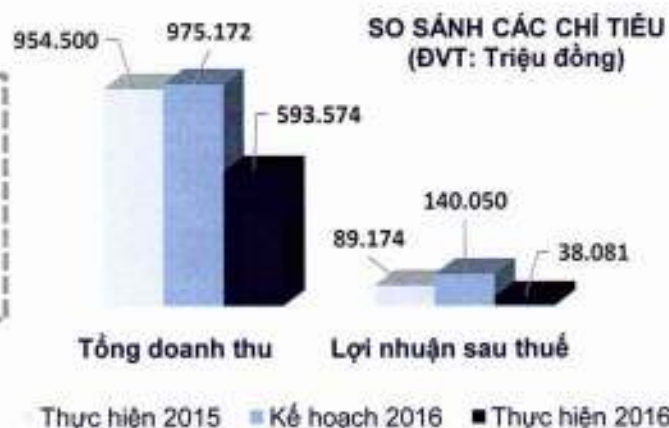
- 
- The image shows several stacks of large pipes. The pipes are arranged in three rows. The top row has two pipes with black ends. The middle row has four pipes with black ends followed by three pipes with red ends. The bottom row has five pipes with black ends followed by three pipes with red ends. The background is a clear blue sky. A large red arrow graphic points downwards from the top right corner. A red box with a white border is at the bottom, containing a list of topics.
- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
  - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ
  - TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
  - CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Tỷ lệ %	
					TH/KH 2016	TH 2016/TH 2015
Tổng doanh thu và thu nhập	Triệu đồng	954.500	975.172	593.574	60,87%	62,19%
Vốn điều lệ	Triệu đồng	823.575	905.933	904.330	99,82%	109,81%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	89.174	140.050	38.081	27,19%	42,70%
LNST/Tổng doanh thu	%	9,34%	14,36%	6,42%	-	-
LNST/VĐL	%	10,83%	15,46%	4,21%	-	-
Tỷ lệ cổ tức	%	10%	10%	-	-	-

### Kết quả kinh doanh hợp nhất của tổ hợp VNECO

- ✓ Tổng doanh thu, thu nhập: 796,195 tỷ đồng.
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: 10,205 tỷ đồng.
- ✓ Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ: 10,082 tỷ đồng.



Năm 2016, với việc gặp phải những khó khăn do ảnh hưởng bởi tình hình cạnh tranh gay gắt trong thị trường ngành xây dựng điện khi nhiều doanh nghiệp có năng lực thi công đến cấp điện áp 220 KV đã có sự thay đổi chiến lược một cách hiệu quả nâng cao đáng kể năng lực cạnh tranh của họ, lĩnh vực kinh doanh chính của VNECO đã không đạt kết quả như kế hoạch. Bên cạnh đó, áp lực về chi phí tài chính từ các khoản nợ mà Tổng Công ty đã vay sử dụng cho hoạt động kinh doanh của mình cùng với ảnh hưởng từ việc hoạt động không hiệu quả của các công ty liên doanh, liên kết cũng đã gây ra những tác động không tốt đến kết quả kinh doanh của VNECO trong năm 2016.

Trong thời gian tới, ngành điện được dự đoán sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, bên cạnh đó Tổng Công ty cũng là một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện cao áp, sở hữu đội ngũ công nhân giàu kinh nghiệm, có khả năng thi công các công trình đòi hỏi tiến độ theo quy mô, địa hình phù hợp yêu cầu chủ đầu tư đây được xem là cơ hội để Công ty mẹ và các Công ty trong tổ hợp của mình tham gia đấu thầu, phục hồi và lấy lại đà tăng trưởng cho hoạt động kinh doanh cốt lõi của mình. Các mảng hoạt động mang lại doanh thu khác của VNECO như hoạt động kinh doanh bất động sản, phát triển lĩnh vực năng lượng tài tạo đã có sự chuyển biến tích cực khi giá trị và tỷ trọng mang lại đóng góp ngày càng lớn trong tổng doanh thu, các lĩnh vực hoạt động này sẽ có nhiều triển vọng góp phần gia tăng doanh thu Công ty trong thời gian tới.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

### **Dự án Khu tổ hợp trung tâm thương mại dịch vụ & căn hộ cao cấp VNECO PLAZA tại phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:**

Hiện Tổng Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Singer Chenchin Singh Yeo Studio LLP Singapore (SCSY) để thực hiện công tác thiết kế ý tưởng cho dự án. Giá trị hợp đồng 153.000 USD; Với Inter Continental Hotels Group (Asia Pacific) Pte. Ltd. (IHG) thực hiện dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật cho công tác thiết kế cho phần khách sạn của dự án. Giá trị hợp đồng 37.000 USD; Với Công ty TNHH Bureau Veritas Việt Nam thực hiện công tác tư vấn thẩm tra thiết kế PCCC. Giá trị hợp đồng 0,433 tỷ đồng; Với Công ty TNHH Archetype Việt Nam phối hợp thiết kế kết cấu, PCCC giai đoạn thiết kế ý tưởng. Giá trị hợp đồng 0,880 tỷ đồng; Với Viện Quy hoạch Đà Nẵng thực hiện hỗ trợ làm hồ sơ trình duyệt giai đoạn thiết kế ý tưởng. Giá trị hợp đồng 0,280 tỷ đồng; Với Công ty TNHH quản lý dự án Core Asia thực hiện quản lý dự án giai đoạn tiền khởi công, giá trị hợp đồng 6,200 tỷ đồng. Tổng giá trị hợp đồng đã ký với các đơn vị là: 12,080 tỷ đồng, Tổng giá trị đã thanh toán năm 2016 là: 5,030 tỷ đồng, lũy kế đã thanh toán là: 5,030 tỷ đồng.

Dự án đã lập xong thiết kế ý tưởng phương án kiến trúc trình UBND TP Đà Nẵng với quy mô 47 tầng trong đó: 2 tầng hầm chiều cao 150 mét, sau khi xem xét UBND TP Đà Nẵng yêu cầu điều chỉnh số tầng cho đáp ứng hệ số sử dụng đất, bãi đậu xe và diện tích căn hộ quy định lớn hơn 45 mét. Hiện tại các đơn vị tư vấn đang thực hiện điều chỉnh thiết kế ý tưởng cho phù hợp quy định.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2017 số 01/NQ/VNECO-DHĐCĐ ngày 24/03/2017 V/v thông qua việc không tiếp tục triển khai dự án Khu tổ hợp trung tâm thương mại dịch vụ & căn hộ cao cấp VNECO PLAZA tại phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Tim đối tác chuyển nhượng toàn bộ dự án theo phương án Công khai minh bạch. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện phương án chuyển nhượng ngay trong năm 2017.

### **Các dự án tại TP Hồ Chí Minh**

Đang làm việc với TriLaw để tư vấn hoàn tất thủ tục chuyển Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho VNECO.

### **Khu đất 489-493 đường Nguyễn Lương Bằng quận Liên Chiểu TP Đà Nẵng**

Đã có Hợp đồng thuê đất từ năm 2001 đến 2020 với diện tích 12.000m<sup>2</sup>, đã nộp tiền thuê đất đến năm 2005; Gửi văn bản Sở TNMT TP Đà Nẵng về việc ký lại hợp đồng thuê đất và xác định lại diện tích của khu đất là 8.604 m<sup>2</sup>. Công ty đã hợp đồng với Trung tâm đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai Đà Nẵng thực hiện công tác đo đạc toàn bộ khu đất đang sử dụng.

### **Nhà làm việc Tổng Công ty tại 344 Phan Châu Trinh, TP Đà Nẵng**

Hiện tại Bộ chỉ huy quân sự TP Đà Nẵng đang trình thủ tục cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất ở lâu dài cho VNECO. Tổng Công ty đã làm văn bản gửi UBND và Sở TNMT TP Đà Nẵng cấp Giấy CNQSDĐ và xây dựng đầu tư căn hộ. Ký hợp đồng với Viện quy hoạch Đà Nẵng thực hiện thiết kế quy hoạch và đã trình các phương án quy hoạch cho VNECO xem xét. Giá trị hợp đồng là 250 triệu đồng.



### Dự án Khu du lịch Xanh Lăng Cô

Công ty đã phối hợp với đơn vị Tư vấn thiết kế, tư vấn quản lý dự án tổ chức báo cáo trước UBND tỉnh và các Sở, Ban ngành liên quan để xin điều chỉnh quy hoạch và tiến độ thực hiện dự án.



Hiện tại đang trình nhiệm vụ thiết kế quy hoạch và làm hồ sơ báo cáo về thực hiện dự án, phương án bố trí nguồn vốn. Làm việc với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Phú Lộc lập phương án bồi thường cho 5 hộ dân để hoàn thiện hợp đồng thuê đất cho 5,9 ha còn lại:

- ✓ Chi phí đo đạc phục vụ lập hồ sơ đền bù: 0,04 tỷ đồng.
- ✓ Tổng giá trị hợp đồng: Tổng thanh toán chi phí xây dựng khu nghỉ trang, đơn vị tư vấn Indochinabay và tư vấn quản lý dự án Core Asia: 3,483 tỷ đồng.

Tổng giá trị hợp đồng đã ký với các đơn vị là: 9,694 tỷ đồng, tổng giá trị đã thanh toán năm 2016 là: 3,483 tỷ đồng, lũy kế đã thanh toán là: 7,138 tỷ đồng.



### Hợp đồng EPC đường dây 110 kV và trạm biến áp Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong

- ✓ Đường dây 110kV Thuận Nhiên Phong - Mũi Né: Lũy kế xong móng: 104 VT, cột: 91 VT, rải căng dây: từ khoảng cột 1 - 88: 15,784 km, đã nghiệm thu khối lượng dây và khối lượng phát sinh.
- ✓ Trạm biến áp 110/22kV Thuận Nhiên Phong: Lũy kế xong phần xây dựng móng thiết bị, cột cống; Lắp xong trụ đỡ thiết bị, cột cống; Hệ thống tiếp địa, mương cáp: đang thi công. Máy biến áp 40MVA đã được nạp dầu theo yêu cầu nhà sản xuất.
- ✓ Ngăn xuất tuyến 110kV Mũi Né: Lũy kế đóng cừ, san nền trạm, xây hàng rào. Gia công cốt thép móng trụ đỡ thiết bị, Thi công mương thoát nước. Phần thiết bị trạm biến áp và ngăn xuất tuyến: Đã vẽ đưa vào kho bảo quản.
- ✓ Thực hiện kết luận của HĐQT ngày tháng 26/10/2016, Ban điều hành đã xúc tiến đàm phán mua lại dự án. Ngày 17/03/2017, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành nghị quyết số 07/NQ/VNECO-HĐQT về việc VNECO nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty CP Năng lượng Tái tạo Châu Á vào Công ty TNHH Thuận Nhiên Phong 1.




### Khách sạn Xanh Đà Nẵng và Green Mart Đà Nẵng

Ký hợp đồng với Tư vấn Savills định giá đối với khách sạn Xanh Đà Nẵng và Green Mart, giá trị hợp đồng là 150 triệu đồng. Kết quả định giá của Savills: Green Mart Đà Nẵng: 79,713 tỷ đồng; Khách sạn Xanh Đà Nẵng: 34,342 tỷ đồng.

**Green Mart Đà Nẵng:** Tại cuộc họp ngày 26/10/2016, HĐQT thống nhất chủ trương đầu tư thành khu làm việc VNECO kết hợp cho thuê. Tổng mức đầu tư sau thuế 107,139 tỷ đồng. Trong đó: Giá trị đầu tư tiếp để đưa vào sử dụng: 46,471 tỷ đồng; Chi phí đã thực hiện: 60,668 tỷ đồng.

Ký hợp đồng với Công ty CP Tư vấn Xây dựng Đà Nẵng CDC thực hiện công tác thiết kế bản vẽ thi công, giá trị hợp đồng: 898 triệu đồng. Tư vấn CDC đã lập xong giai đoạn thiết kế cơ sở trình VNECO.

**Khách sạn Xanh Đà Nẵng:** Thực hiện chủ trương cải tạo khách sạn đảm bảo theo tiêu chuẩn 3 sao và khu dịch vụ ăn uống Buffet beer, với quy mô: Khu nhà 4 tầng cải tạo các phòng khách sạn, quầy lễ tân và quầy dịch vụ. Khu nhà 3 tầng: tầng 1 hội trường, tầng 2 làm khu Buffet beer & lẩu nướng, tầng 3 làm 8 phòng nghỉ. Khu massage chuyển thành khu Homestay. Dự toán chi phí đầu tư là 15 tỷ đồng.



*Tận hưởng cuộc sống đầy tiện nghi*

#### **Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng, tỉnh Thừa Thiên Huế**

Hiện Tổng Công ty đã lập bổ sung thủ tục pháp lý để hoàn chỉnh việc thu hồi đất, giao đất bổ sung đầu tư hạ tầng kỹ thuật và gia hạn tiến độ thực hiện dự án: Quý 1/2016. Thỏa thuận phương án thiết kế bổ sung các mẫu nhà còn thiếu theo QĐ 1.103/QĐ-SXD của Sở Xây dựng Thừa Thiên Huế: đã hoàn thành thiết kế, trình và phê duyệt.

Hoàn thiện tồn tại của các hạng mục cấp điện, cấp nước, giao thông, chiếu sáng, thoát nước mưa, thoát nước thải trong phạm vi dự án để bàn giao cho các đơn vị tiếp nhận. Bàn giao được các hạng mục: Hệ thống đường giao thông, cấp nước, cấp điện.

Hoàn thành 5 căn nhà xây thô dọc Tỉnh lộ 10 để chuyển nhượng; Hoàn thiện 01 căn nhà D19 làm căn nhà mẫu và văn phòng bán hàng cho Công ty CP Đất Xanh Miền Trung; Đầu tư 01 bảng tên dự án và cảnh quan cây xanh tại khu đất CT2 phục vụ công tác bán hàng theo hợp đồng đã ký với Công ty CP Đất Xanh Miền Trung; Chi phí đầu tư đã thực hiện: 6,518 tỷ đồng.



Đã làm việc với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế và Sở Xây dựng Thừa Thiên - Huế điều chỉnh mẫu nhà từ 4 tầng xuống 2 tầng và 3 tầng cho các khu D, C đất xây nhà.

Thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư: 54,373 tỷ đồng. Trong đó: Công ty TNHH Hùng Quý: 11,060 tỷ đồng; Công ty TNHH Vệ Nguồn: 43,313 tỷ đồng.

Đã đàm phán và ký kết hợp đồng với Công ty CP Đất Xanh Miền Trung để tiếp thị và phân phối độc quyền cho dự án. Đã ký kết hợp đồng công chứng: 90 lô đất nền và 1 căn nhà xây thô. Doanh thu: 52,819 tỷ đồng. Tổng doanh thu bất động sản: 106,155 tỷ đồng so kế hoạch 102,593 tỷ đồng đạt 103,47%.



## CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ VÀ ĐANG THI CÔNG

### Xây lắp công trình đz

STT	Tên công trình	Chiều dài/ công suất (KM/KVA)	Năm hoàn thành
<b>Đường dây 500KV</b>			
1	ĐZ 500 Kv Bắc - Nam	524	1992 - 1994
2	ĐZ 500kv Yaly - Pleiku	40	1997- 1999
3	ĐZ 500kv Pleiku - Phú Lâm	134,623	2001- 2006
4	ĐZ 500kv Phú Mỹ- Nhà Bè- Phú Lâm	11,483	2001- 2006
5	ĐZ 500kv Pleiku- Đốc Sỏi - Đà Nẵng	76,567	2001- 2006
6	ĐZ 500kv Đà Nẵng - Hà Tĩnh	152,01	2001- 2006
7	ĐZ 500kv Hà Tĩnh - Thương Tín	89,584	2001- 2006
8	ĐZ 500kv Nhà Bè - Ô Môn (đoạn Ô Môn - Cai Lậy)	24,585	2001- 2006
9	Đz 500kv Quảng Ninh - Thương Tín	23,96	2007- 2009
10	Đz 500kv Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.1)	34,504	2012-2014
11	Đz 500kv Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.2)	34,494	2012-2014
12	Đz 500kv Vĩnh Tân - Sông Mây	35,2	2010-2014
13	Đz 500kv Pleiky - Mỹ Phước - Cầu Bông	67	2010-2014
14	Đz 500kv Phú Mỹ - Sông Mây	29,57	2009-2013
15	Đz Đz 500kv Sơn La - Lai Châu (gói thầu số 9 và 12)	33,552	2013-2015
16	Đz 500kv Long Phú - Ô Môn	17,078	2014-2016
17	TBA 500kv Duyên Hải	450MVA	2013-2015
18	Đz 500kv Duyên Hải - Mỹ Tho	29,45	2014-2016
19	Đz 500kv Dự án Xây dựng đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	5,4	2014-2016
20	TBA 500kv Pleiku 2	3,453	2015-2016
21	Đz 500kv Sông Mây - Tân Uyên	5,3	2015-2017
22	Đz 500kv Vĩnh Tân - Rẽ Sông Mây - Tân Uyên	33,7	2015-2017
23	TBA 500kv Tân Uyên và đấu nối	300MVA	2015-2017
24	Đz 500kv Mỹ Tho-Đức Hòa	17,08	2016-2018
25	Đz 500kv Đấu nối NMND Thăng Long	4,37	2016-2017
26	ĐZ 500/ 220kv Hiệp Hòa - Đông Anh- Bắc Ninh 2	8,01	2016-2017

STT	Tên công trình	Chiều dài/ công suất (KM/KVA)	Năm hoàn thành
<b>Đường dây 220 KV</b>			
1	ĐZ 220kV Vinh – Đồng Hới	214	
2	ĐZ 220kV Quy Nhơn – Pleiku	76	
3	ĐZ 220kV Pleiku – KrôngBúk	102,4	
4	ĐZ 220kV KrôngBúk – Nha Trang	147	
5	ĐZ 220kV Đà Nẵng – Hoà Khánh	13,3	
6	ĐZ 220kV Hàm Thuận – Bảo Lộc	28	
7	ĐZ 220kV Ninh Bình – Thanh Hoá	28,415	
8	ĐZ 220kV Hoà Khánh – Huế	82,17	
9	ĐZ 220kV đấu nối sau TBA 500kV Hà Tĩnh	7,34	
10	ĐZ 220kV Rạch Giá – Bạc Liêu	50	
11	ĐZ 220kV Đa Nhim – Nha Trang	113,33	
12	ĐZ 220kV Đà Nẵng – Đốc Sỏi	104,6	
13	ĐZ 220kV Đa Nhim – Long Bình	6,44	
14	ĐZ 220kV Cà Mau – Ô Môn (đoạn 4 mạch)	29,702	
15	ĐZ 220kV Thốt Nốt – Châu Đốc-Tĩnh Biên	96,198	
16	Nâng cấp ĐZ 220kV Thủ Đức – Long Bình	5,232	
17	ĐZ 220 KV Thanh Thủy - Hà Giang – Tuyên Quang	35	
18	ĐZ 220kV Tuyên Quang – Yên Bái (VT: 1 -> VT:65)	38	
19	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ ĐĐ-G33)	38,82	2007- 2009
20	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ G33-G50) 29,41km	29,41	2007- 2009
21	Đz 220kV Hạ Sông Ba - Tuy Hòa 35,46km	35,46	2007- 2009
22	Đz 220kV Quy Nhơn - Tuy Hòa (đoạn từ ĐĐ-G34) 46,85km	46,85	2007- 2009
23	Đz 220kV Thanh Hóa - Vinh	32,76	2011-2014
24	Đz 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh (gói 6.2 và 6.4)	40,735	2011-2013
25	Đz 220kV Duyên Hải - Trà Vinh	45,7	2012-2014
26	Đz đấu nối 110/220 vào TBA Sông Mỹ	8,2	2011-2014
27	Đz 220kV Vĩnh Tân - Phan Thiết	53	2012-2014

STT	Tên công trình	Chiều dài/ công suất (KM/KVA)	Năm hoàn thành
<b>Đường dây 220 KV</b>			
28	Đz 220kV Phan Thiết - Phú Mỹ 2	46,67	2013-2016
29	Đz 220kV Duyên Hải - Mỏ Cày	1,8	2014-2015
30	Đz 220kV Vân Trì - Chèm	17	2012-2015
31	Đz 220kV Nhiệt điện Thái Bình	9	2013-2015
32	Đz 220kV Long Phú - Sóc Trăng	17,8	2014-2016
33	TBA 220kV Kon Tum và đấu nối	125MVA	2014-2015
34	220kV Vũng áng - Ba Đồn - Đồng Hới	26,8	2014-2015
35	Đz 220kV An Khê - Quy Nhơn	25,776	2014-2015
36	Đz 220kV Đà Nẵng - Quận 3	13,39	2014-2016
37	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.1	33,988	2015-2016
38	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lô 8.2	40,45	2015-2016
39	Đz 220kV Thái Bình - Trạm 220kV Thái Bình	2,3	2014-2015
40	Đz 220kV Vĩnh Tường	4,1	2014-2016
41	Đz 220kV Hòa Bình - Tây Hà Nội	14,2	2015-2016
42	Đz 220kV Nhà máy Thủy điện Hồi Xuân - đấu nối vào HT điện Quốc gia	15,394	2013-2016
43	Đz đấu nối vào TBA 500kV Tân Uyên	4,7	2016-2017
44	Đz 220kV Cầu Bông-Bình Tân	2,7	2016-2017
45	ĐZ 220kV Thái Bình-Tiền Hải-Trực Ninh	8,01	2016-2017
46	Đz 220kV Di Linh-Bảo Lộc	9,75	2016-2017
28	Đz 220kV Phan Thiết - Phú Mỹ 2	46,67	2013-2016
<b>Đường dây 110KV: 1.578.349 Km</b>			
<b>Đường dây đến 35KV: 4.400 Km</b>			

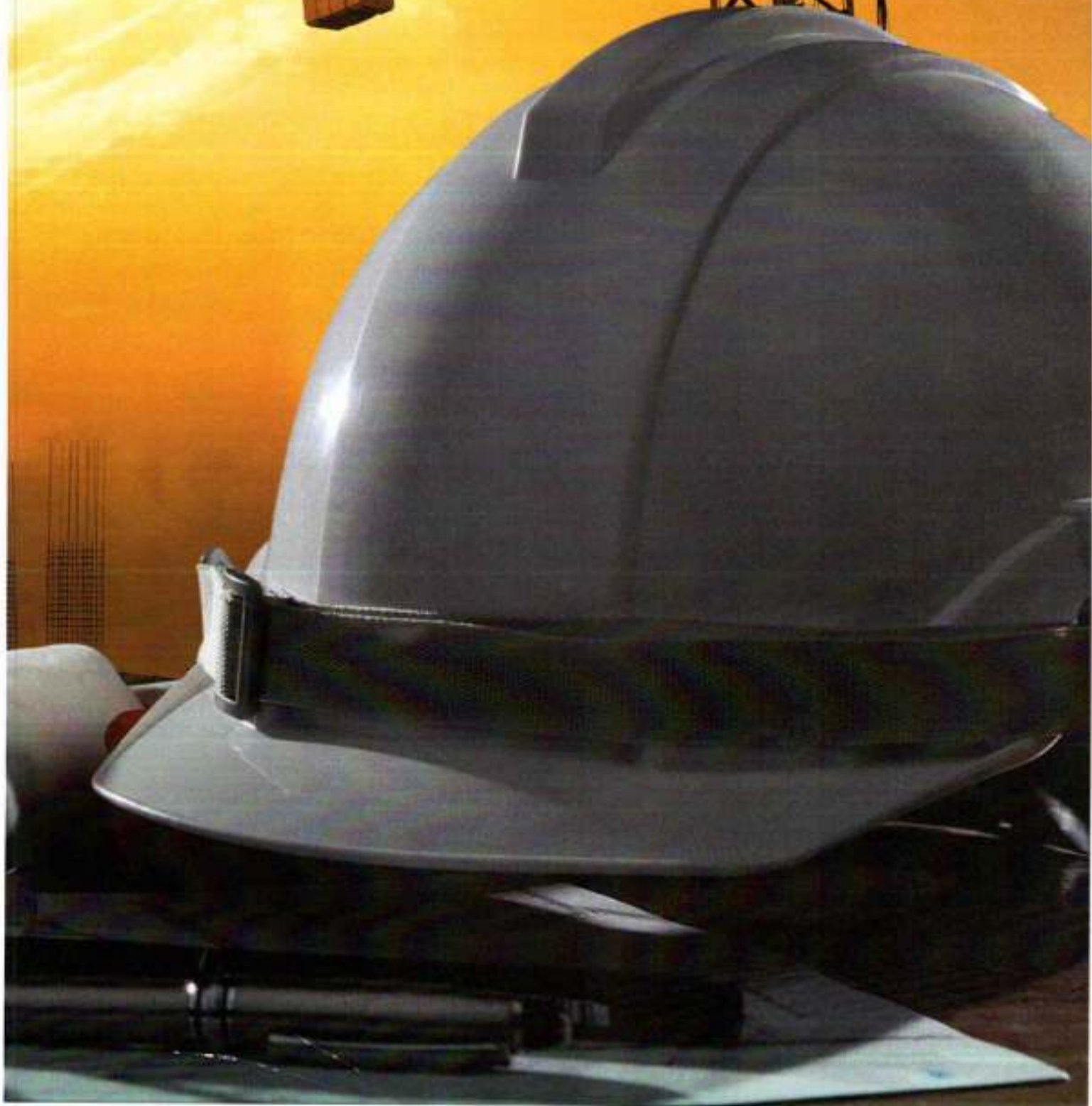
## Xây lắp trạm biến áp

STT	Tên công trình	Chiều dài/ công suất (KM/KVA)
<b>Trạm biến áp: 220KV</b>		
1	Trạm biến áp 220kV Vinh	125
2	Trạm biến áp 220kV Đồng Hới	63
3	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn	63
4	Trạm biến áp 220kV Đa Nhim	63
5	Trạm biến áp 220kV KrôngBúk	63
6	Trạm biến áp 220kV Nha Trang	123
7	Trạm biến áp 220kV Vinh (MR)	125
8	Trạm biến áp 220kV Huế	125
9	Trạm biến áp 220kV Hoà Khánh	125
10	Trạm biến áp 220kV Đốc Sỏi	63
11	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn (MR)	125
12	Trạm biến áp 220kV Nha Trang (MR)	125
13	TBA 220KV Long Xuyên 2 & Đz đấu nối	250MVA
<b>Trạm biến áp 110kV</b>		
1	Trạm biến áp 110kV Xuân Hà	50
2	Trạm biến áp 110kV Đồng Hới	16
3	Trạm biến áp 110kV Huế	25
4	Trạm biến áp 110kV Đông Hà	16
5	Trạm biến áp 110kV Quảng Ngãi	5
6	Trạm biến áp 110kV Cam Ranh	16
7	Trạm biến áp 110kV Văn Xá	25
8	Trạm biến áp 110kV Quy Nhơn 2	40
9	Trạm biến áp 110kV Tuy Hoà 2	25
10	Trạm biến áp 110kV Đồn Phó	16
11	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh + đấu nối	25
12	Trạm biến áp 110kV Hà Tĩnh (M2)	25



STT	Tên công trình	Chiều dài/ công suất (KM/KVA)
13	Trạm biến áp 110kV Linh Cảm	25
14	Trạm biến áp 110kV Bến Thủy	25
15	Trạm biến áp 110kV Liên Trì	25
16	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Long (MR)	25
17	Trạm biến áp 110kV Dung Quất	25
18	Trạm biến áp 110kV Cầu Đỏ (MR)	25
19	Trạm biến áp 110kV An Đồn	25
20	Trạm biến áp 110kV Ba Đồn	25
21	Trạm biến áp 110kV Diên Hồng	25
22	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng (M2)	40
23	Trạm biến áp 110kV Tháp Chàm (M2)	25
24	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng	40
25	Trạm biến áp 110kV Điện Ngọc	40
26	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25
27	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Linh	25
28	Trạm biến áp 110kV Liên Chiểu	40
29	Trạm biến áp 110kV Suối Dầu	25
30	Trạm biến áp 110kV Eakar	25
31	Trạm biến áp 110kV Cầu Hai	25
32	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25
33	Trạm biến áp 110kV Lao Bảo & ngăn xuất tuyến	25
34	Trạm biến áp 110kV Eakar & ngăn xuất tuyến	25
35	Trạm biến áp 110kV Đắc Tô & ngăn xuất tuyến	16
36	Trạm biến áp 110kV Lệ Thủy & nhánh rẽ	25
37	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh (MR)	25
38	Trạm biến áp 110kV Kon Tum (MR)	25
39	Trạm biến áp 110kV Cư Jút	25
40	Trạm biến áp 110kV Lăng Cô	25
41	Trạm biến áp 110kV Xi măng Sông Gianh	25
42	TBA 110kV Đăk Hà và nhánh rẽ	40MVA

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

#### CÁC CÔNG TY CON CỦA VNECO

##### *Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 3*

Địa chỉ: Khối 3, Trung Đô, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0383 855006; Fax: 0383 855263

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công trình công nghiệp và dân dụng; Sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống bê tông cốt thép, sản phẩm bê tông tươi, các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí, mạ kẽm;...

Vốn điều lệ tại 31/12/2016 là: 13.197.100.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2016 là 6.985.720.000 đồng, tương đương 52,93% vốn điều lệ

##### *Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 4*

Địa chỉ: 197 Nguyễn Trường Tộ, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0383 538019; Fax: 0383 853433

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi; Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí; Kinh doanh vật liệu xây dựng...

Vốn điều lệ tại 31/12/2016 là: 10.280.000.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2016 là 5.192.580.000 đồng, tương đương 54,73% vốn điều lệ.

##### *Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 8*

Địa chỉ: số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại: 050 859807; Fax: 050 858921

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện thế đến 500 KV, các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao; Sản xuất các cấu kiện bê tông và cột điện bê tông ly tâm các loại, các sản phẩm bê tông đúc sẵn;...

Vốn điều lệ tại 31/12/2016 là: 18.000.000.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2016 là 9.746.980.000 đồng, tương đương 55,93% vốn điều lệ.

### ***Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 12***

Địa chỉ: 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình

Điện thoại: 052 839142; Fax: 052 838875

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, công trình công nghiệp và dân dụng; Sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống bê tông cốt thép, sản phẩm bê tông tươi, các sản phẩm bê tông đúc sẵn; Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí; Sản xuất và kinh doanh điện...

Vốn điều lệ tại 31/12/2016 là: 12.000.000.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2016 là 7.887.000.000 đồng, tương đương 65,73% vốn điều lệ.

### ***Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO***

Địa chỉ: Số 02 Lê Lợi, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế

Điện thoại: 054.2220555 ; Fax: 054.3824527

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch; vận tải hàng hoá đường bộ;...

Vốn điều lệ tại 31/12/2016 là: 59.900.000.000 đồng

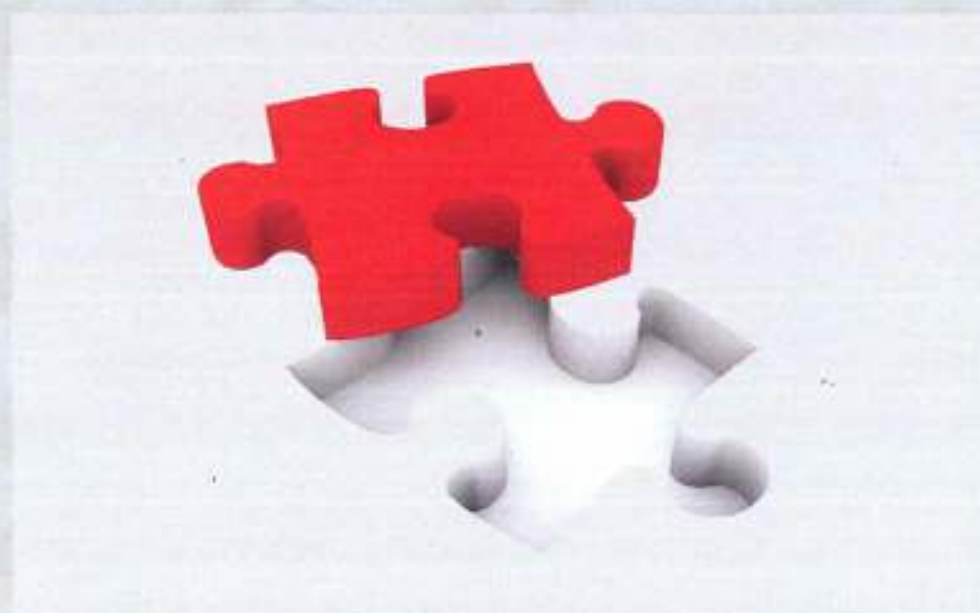
Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2016 là 58.938.000.000 đồng, tương đương 98,40% vốn điều lệ.

### ***Công ty TNHH một thành viên bất động sản – du lịch VNECO***

Địa chỉ: Phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình lưới điện, kinh doanh bất động sản, dịch vụ

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng



### CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA VNECO

#### *Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 7*

Địa chỉ: 51 Phạm Như Xương, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.3735517 Fax: 0511.3735516

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:

Xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện thế đến 500KV; Sản xuất các cấu kiện bê tông và cột bê tông ly tâm các loại, khai thác và kinh doanh đá xây dựng, đá Granit, cát, sỏi và các chủng loại vật liệu xây dựng; Kinh doanh vận tải hàng hóa; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới; Kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn; Kinh doanh khai thác, tận thu khoáng sản;...

Vốn điều lệ tại 31/12/2016: 30.677.700.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2016: 9.560.000.000 đồng, tương đương 33,34% vốn điều lệ.

#### *Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia*

Địa chỉ: Lầu 1, Tòa nhà Sông Đà, 14B Kỳ Đồng, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Tư vấn, Quản lý các dự án đầu tư...

Vốn điều lệ tại 31/12/2016 là: 2.668.000.000 đồng

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2016 là 1.020.000.000 đồng, tương đương 38,23% vốn điều lệ.



### **Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 10**

Địa chỉ: Phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: 056 841115

Fax: 056 841330

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi; Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới và dịch vụ nhà đất...

Vốn điều lệ tại 31/12/2016: 9.984.500.000 đồng.

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2016: 3.000.000.000 đồng, tương đương 30,05% vốn điều lệ.

### **Công ty cổ phần Xây dựng điện VNECO 2**

Địa chỉ: 13 Mai Hắc Đế, thành phố Vinh, Nghệ An

Điện thoại: 038 3840941

Fax: 038 3840944

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện trạm biến áp điện đến 500KV; Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng, gạch Block, gạch Terrazzo, gạch Daramic; Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị...

Vốn điều lệ tại 31/12/2016: 21.588.800.000

Vốn thực góp của VNECO đến 31/12/2016: 5.854.100.000 đồng, tương đương 32,27% vốn điều lệ.

## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT**

Hiện nay, hoạt động kinh doanh tại Công ty con, Công ty liên kết vẫn diễn ra bình thường, năm 2016 VNECO thành lập thêm một công ty con là Công ty TNHH một thành viên Bất động sản – Du lịch VNECO chuyên hoạt động kinh doanh bất động sản. Nhìn chung, việc chịu ảnh hưởng từ tình hình cạnh tranh trong suốt thời gian qua cùng với hệ thống nhân sự quản lý còn nhiều hạn chế đã gây ra những khó khăn trong quá trình hoạt động của các đơn vị này làm kết quả kinh doanh đã có sự sụt giảm so với năm trước. Trong thời gian tới, với việc thực hiện các biện pháp tái cấu trúc tài sản và các khoản đầu tư tài chính, Tổng Công ty kỳ vọng sẽ có được sự cải thiện về năng lực và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong tổ hợp, góp phần thực hiện mục tiêu kinh tế chung, đảm bảo việc làm ổn định cho người lao động, gia tăng lợi ích mang lại cổ cổ đông.

## CHỈ TIÊU KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### Công ty con

#### *Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3*

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	9,14	5,62
- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	8,89	5,86
- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	18,49	14,35

#### *Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4*

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	6,12	6,19
- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	7,79	7,30
- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	14,08	16,94

#### *Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8*

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	6,89	5,57
- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,55	3,27
- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	14,70	13,71

**Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12**

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	5,71	6,62
- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,31	6,71
- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	14,10	16,15

**Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO**

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	(6,27)	(7,76)
- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	(20,92)	(26,91)
- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%		

**Công ty liên kết****Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2**

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	8,49	6,27
- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,77	10,92
- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	20,66	10,23



## *Công ty cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7*

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	1,78	0,43
- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,03	0,52
- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	4,27	1,08

## *Công ty cổ phần Xây dựng Điện 10*

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	4,63	4,42
- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,85	4,12
- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	13,48	10,37

## *Công ty Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia*

Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016
<b>Tỷ suất lợi nhuận (TSLN)</b>			
- TSLN sau thuế/Tổng tài sản	%	(42,21)	3,64
- TSLN sau thuế/Doanh thu thuần	%	(203,48)	3,33
- TSLN sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	(69,20)	18,14

## KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY CON, CÔNG TY

TT	Đơn vị	Chi tiêu	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Doanh thu, thu nhập khác	Lợi nhuận khác	Lợi nhuận sau thuế TNDN
<b>Công ty con</b>								
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 3		45,02	6,96	2,42	0,98	0,89	2,64
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 4		39,65	5,74	0,90	2,86	2,69	2,89
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 8		89,43	10,79	3,95	0,04	(0,02)	2,93
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 12		40,29	7,65	3,43	0,14	0,02	2,70
5	Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO		36,33	(0,72)	(11,09)	1,33	1,31	(9,78)
<b>Công ty liên kết</b>								
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 2		24,22	5,75	2,45	0,81	0,80	2,65
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 7		36,98	3,70	0,14	0,24	0,17	0,31
3	Công ty Cổ phần Xây dựng Điện VNECO 10		38,67	5,72	1,54	0,77	0,49	1,59
4	Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia		12,30	5,89	0,33	-	(0,20)	0,41



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

*ĐVT: Đồng*

Chi tiêu	Thực hiện 2015	Thực hiện 2016	% tăng giảm
Tổng tài sản	1.873.342.400.662	1.531.873.471.144	-18,23%
Doanh thu thuần	1.043.551.848.907	774.181.808.558	-25,81%
Giá vốn hàng bán	875.402.056.559	657.444.369.869	-24,90%
Lợi nhuận từ HĐKD	107.393.467.938	19.487.338.726	-81,85%
Lợi nhuận trước thuế	128.951.536.707	10.204.990.838	-92,09%
Lợi nhuận sau thuế	106.545.887.900	5.480.344.174	-94,86%

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

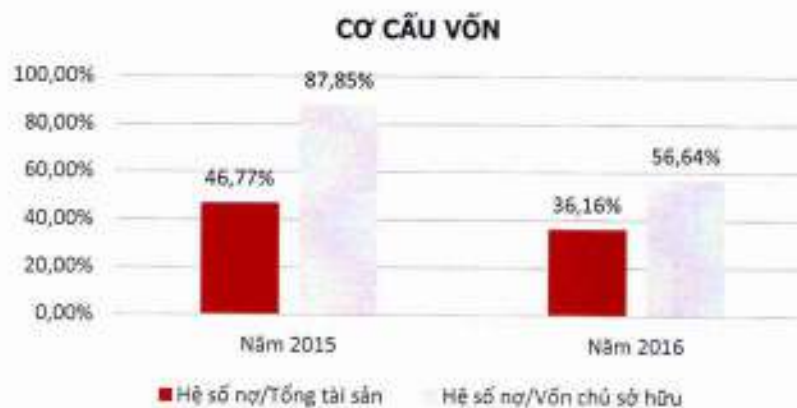
Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,29	1,70
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,21	1,60
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,77	36,16
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	87,85	56,64
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,16	11,21
Vòng quay tài sản	Vòng	0,6	0,45
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	10,21	0,71
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	11,80	0,55
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	6,10	0,32
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	10,29	2,52

## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



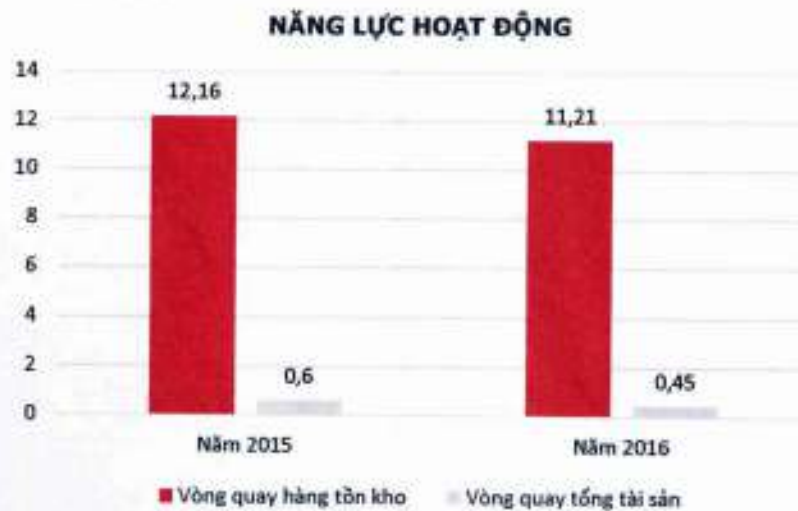
So với cùng kỳ, cả hai hệ số khả năng thanh toán của Tổng Công ty đều đã tăng nhẹ, Theo đó, Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng 0,41 lần (từ 1,29 lần lên 1,70 lần) và hệ số thanh toán nhanh cũng tăng 0,39 lần (từ 1,21 lần lên 1,60 lần). Cả hai khoản mục tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn đều có sự sụt giảm, tuy nhiên do trong năm Tổng Công ty đã chi trả phần lớn khoản vay tài chính ngắn hạn cụ thể hơn khoản mục vay nợ tài chính ngắn hạn đã giảm từ 433 tỷ đồng xuống 162 tỷ đồng làm nợ ngắn hạn giảm đi với tỷ lệ cao hơn tài sản ngắn hạn đầy cũng chính là nguyên nhân làm hệ số thanh toán ngắn hạn tăng lên. Hàng tồn kho trong năm mặt dù đã giảm 15,20% nhưng do giá trị khá nhỏ so với quy mô tài sản ngắn hạn nên không ảnh hưởng nhiều đến sự biến động của hệ số thanh toán nhanh.

## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Tổng Công ty năm nay đều chuyển biến theo hướng giảm đi các khoản nợ đối với Tổng Công ty cho thấy VNECO đã nâng cao được khả năng tự chủ tài chính, giảm sự phụ thuộc vào vốn vay. Cụ thể, mặc dù tổng tài sản đã giảm đến 18,23% so với năm trước đạt mức 1.531,9 tỷ đồng, nhưng nợ phải trả đã giảm với tỷ lệ cao hơn đến 36,78%, đạt mức 553,9 tỷ đồng, điều này làm cơ cấu nợ trên tổng tài sản sụt giảm. Vốn chủ sở hữu không có nhiều biến động so với năm trước, chỉ giảm nhẹ 1,93%, đạt mức 978,0 tỷ đồng, cũng đã góp phần tích cực vào việc giảm đi cơ cấu nợ trên vốn chủ sở hữu.

## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Trong năm vừa qua khoản mục giá vốn hàng bán và doanh thu thuần đã có mức giảm khá cao, cụ thể các khoản mục này đã giảm lần lượt 24,90% và 25,81% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, hàng tồn kho chỉ giảm đi với tỷ lệ 15,20% so với cùng kỳ, chính vì thế vòng quay hàng tồn kho của Tổng Công ty đã có sự sụt giảm từ 12,16 vòng xuống còn 11,21 vòng. Tổng tài sản năm qua đã giảm 18,23% cũng đã góp phần làm vòng quay tài sản giảm nhẹ từ mức 0,6 vòng xuống còn 0,45 vòng. Như vậy với việc gặp phải những khó khăn nhất định trong năm qua, năng lực hoạt động của VNECO đã có sự sụt giảm so với năm trước.



## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

### KHẢ NĂNG SINH LỜI



Các chỉ số khả năng sinh lời đã giảm mạnh so với năm trước, điều này được lý giải do Tổng Công ty gặp phải nhiều khó khăn trong năm vừa qua, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh khi lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đã giảm đi lần lượt đến 94,86% và 81,85% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó doanh thu thuần, vốn chủ sở hữu và tổng tài sản cũng đã giảm đi phần nào giá trị khi chịu tác động của những khó khăn mang lại từ sự cạnh tranh, áp lực về chi phí tài chính cũng như việc hợp nhất các khoản lỗ từ các công ty trong tổ hợp.



## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN

Cổ phần phổ thông : 90.432.953 cổ phần

Cổ phần ưu đãi : 0 cổ phần

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 88.834.033 cổ phần

Cổ phiếu quỹ : 1.598.920 cổ phần

Mệnh giá : 10.000 VNĐ

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần



### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG NĂM 2016

STT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1.	Nhà nước	-	-
2.	Người nội bộ	13.656.512	15,10
3.	Cổ phiếu quỹ	1.598.920	1,77
4.	Cổ đông trong nước	61.318.368	67,81
	Tổ chức	36.530.728	40,40
	Cá nhân	24.787.640	27,41
5.	Cổ đông nước ngoài	13.859.153	15,32
	Tổ chức	4.607.791	5,10
	Cá nhân	9.251.362	10,23
	<b>Tổng cộng</b>	<b>90.432.953</b>	<b>100%</b>



## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên Cổ đông lớn	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Tỷ lệ
1	Công ty cổ phần Khai Toàn	11.450.710	12,66%
2	Pyn Elite Fund (NON – UCITS)	8.244.036	9,12%
3	Công ty TNHH Chứng khoán ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.150.002	7,91%
4	Bà La Mỹ Phượng	4.842.970	5,36%
<b>Tổng cộng</b>		<b>31.687.718</b>	<b>35,05%</b>

## TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

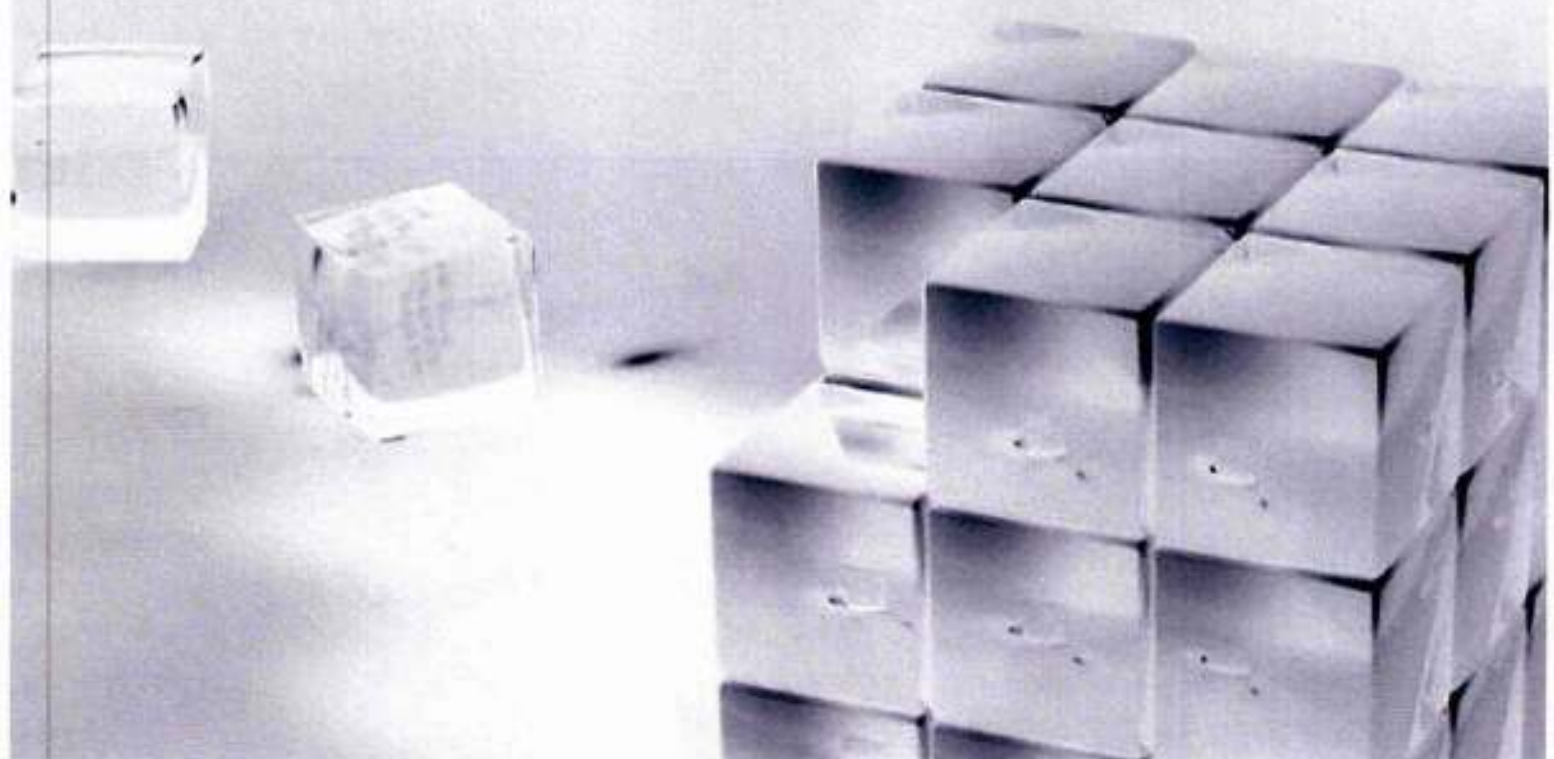
Tiếp tục thực hiện nghị quyết số 01/2016 NQ/VNECO-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016, Tổng Công ty đã phát hành thành công 8.075.448 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2015, nâng số vốn điều lệ của VNECO hiện nay lên 904,33 tỷ đồng.

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

## CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có







## BÁO CÁO BAN TỔNGGIÁM ĐỐC

VNEI

LỄ KỶ

G



# VNECO

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT

CADIVI

## KẾT HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC GIỮA VNECO VÀ CADIVI

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 6 năm 2016



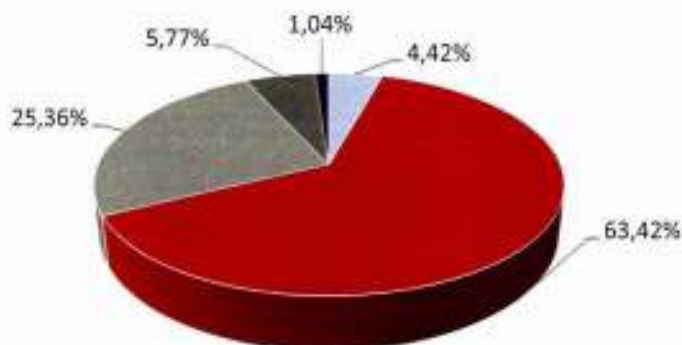
- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- NHỮNG CẢI TIẾN VỀ TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
- GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2015	KH 2016	TH 2016	TH/KH 2016 (%)	TH 2016/TH 2015 (%)
Tổng doanh thu và thu nhập	954.500	975.172	593.574	60,87%	62,19%
Vốn điều lệ	823.575	905.933	904.330	99,82%	109,81%
Lợi nhuận sau thuế	89.174	140.050	38.081	27,19%	42,70%

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng hóa	32.552	3,12%	34.215	4,42%
Doanh thu hoạt động xây lắp	919.088	88,07%	491.195	63,42%
Doanh thu kinh doanh bất động sản	42.108	4,03%	196.337	25,36%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	49.314	4,73%	44.532	5,77%
Doanh thu khác	523	0,05%	8.410	1,04%
<b>Doanh thu</b>	<b>1.043.585</b>	<b>100,00</b>	<b>774.689</b>	<b>100,00%</b>

## Cơ cấu doanh thu năm 2016



- Doanh thu bán hàng hóa
- Doanh thu hoạt động xây lắp
- Doanh thu kinh doanh bất động sản
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu khác

Năm 2016, Tổng Công ty có sự thay đổi về nhân sự lãnh đạo, công tác quản lý điều hành có nhiều thay đổi. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận không đạt so với kế hoạch đề ra do các nguyên nhân: Chủ đầu tư giãn tiến độ, vật tư A cấp chậm, vướng đến bù giải phóng mặt bằng.

Cơ cấu doanh thu cũng có sự thay đổi đáng kể, doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản đã tăng dần tỷ trọng, cụ thể năm 2016 hoạt động này đã mang về 196,34 tỷ đồng chiếm đến 25,36% tổng doanh thu so với mức 4,03% của năm trước. Hoạt động xây lắp gặp phải những khó khăn nhất định cũng chính vì thế tỷ trọng trong tổng doanh thu chỉ còn 63,42%, thay vì mức 88,07% như năm 2015, tuy nhiên mảng này vẫn giữ được vị trí dẫn đầu và chúng tôi được tầm quan trọng của mình qua các chính sách định hướng chiến lược tập trung phát triển trong suốt thời gian qua, các hoạt động khác trong năm không có nhiều biến động.

### **CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG TÌM KIẾM VIỆC LÀM**

Được đánh giá là năm thành công khi tiếp cận được nhiều khách hàng mới (EVNHCM, EVNCPC, EVNNPC...), lĩnh vực mới như EPC, PC.

### **CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG, TIẾN ĐỘ THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU THANH QUYẾT TOÁN**

Đã lập hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, theo dõi tiến độ, an toàn lao động, quy trình nghiệm thu, thanh quyết toán với chủ đầu tư, với nhà thầu phụ phù hợp với yêu cầu ngày càng khắt khe hơn của các chủ đầu tư. Ngày 23/6/2016 tổ chức thành công hội thảo liên quan đến công tác quản lý chất lượng, an toàn lao động trên các công trình; Công tác quản lý vật tư, đưa ra các quy định liên quan đến kỹ nghiệm thu, quyết toán khối lượng, quyết toán nội bộ, công tác lưu trữ hồ sơ theo ISO. Các chuyên đề này đang được áp dụng trên các công trình nhằm nâng cao hơn nữa công tác kiểm soát chất lượng, an toàn lao động, kiểm soát tiến độ.

Đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nội bộ mới cho công tác giám sát thi công nên chất lượng công trình đã được kiểm soát chặt chẽ, có sự thay đổi căn bản, nhiều công trình khi đóng điện không còn phụ lục.

Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán đã ban hành quy trình nội bộ và thực hiện nghiêm túc.

Đã nghiên cứu, áp dụng và đầu tư các dụng cụ thi công tiên tiến về xây lắp đường dây và trạm biến áp mới để đầu tư kịp thời trang bị cho các đơn vị thành viên trong tổ hợp nhằm theo kịp xu thế hiện đại hóa trong thi công, rút ngắn thời gian thi công, tăng hiệu quả. Trong năm 2016, đã mua máy lọc dầu 12.000 lít/giờ và áp dụng tại trạm 220kV Ngũ Hành Sơn rút ngắn thời gian lọc dầu, đã trang bị 1 bộ kéo dây không chạm đất tiên tiến trong ngành xây lắp cho Đội xây lắp điện trực thuộc Tổng Công ty.

## **CÔNG TÁC TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN**

### ***Công tác chi trả cổ tức và tăng vốn điều lệ***

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 03/06/2016 của ĐHĐCĐ, hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 823,575 tỷ đồng lên 904,330 tỷ đồng. Cụ thể, phát hành tăng vốn trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 10% cho cổ đông hiện hữu 8.075.448 CP tương đương 80,75 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 và lợi nhuận giữ lại tại 31/12/2015.

### ***Công tác vay, trả nợ gốc và lãi vay ngân hàng***

Tổng giá trị giải ngân vốn vay: 572,289 tỷ đồng, trong đó vay dài hạn 1,600 tỷ đồng; vay ngắn hạn 570,689 tỷ đồng.

Tổng giá trị trả nợ vốn vay: 699,960 tỷ đồng, trong đó trả vay dài hạn 43,835 tỷ đồng, trả nợ vay ngắn hạn 656,125 tỷ đồng.

Tổng giá trị tiền lãi thanh toán (không tính lãi trái phiếu) cho các Ngân hàng 20,574 tỷ đồng, trong đó lãi vay vốn ngắn hạn 17,210 tỷ đồng, trung và dài hạn 3,364 tỷ đồng.

Dư nợ vay cuối năm tại các Ngân hàng 127,609 tỷ đồng, trong đó nợ vay dài hạn: 2,950 tỷ đồng, nợ vay ngắn hạn: 124,659 tỷ đồng.

### ***Nợ vay trái phiếu***

Trong năm 2016, VNECO đã hoàn thành việc trả nợ gốc và lãi trái phiếu VNECO\_BOND2()14 cho trái chủ. Trong đó đã trả nợ gốc 150 tỷ đồng; lãi trái phiếu năm 2016 VNECO đã thanh toán cho trái chủ: 8,251 tỷ đồng.

### ***Công tác thanh toán vốn các công trình với chủ đầu tư***

Công tác thu hồi vốn thi công năm 2016 khá tốt, tổng giá trị phải thu đầu năm và phát sinh tăng trong năm: 936,682 tỷ đồng (trong đó phát sinh tăng trong năm: 689,494 tỷ đồng), giá trị thu nợ đạt 765,367 tỷ đồng đạt 76,43%.

Giá trị các chủ đầu tư còn nợ tại 31/12/2016: 171,314 tỷ đồng, chủ yếu giá trị giữ lại 5% chờ quyết toán và các khoản đã hoàn thành thủ tục cuối tháng 12/2016 chuyển sang thanh toán năm 2017.

### ***Công tác đầu tư tài chính và thoái vốn tại các đơn vị trong và ngoài tổ hợp***

Đã thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Mê Ca VNECO, cụ thể:

- o Số cổ phần thoái vốn tại đơn vị : 6.380.000 cổ phần
- o Số vốn đầu tư đã thoái : 63,198 tỷ đồng
- o Giá trị vốn đã trích lập dự phòng đầu tư lũy kế: 56,473 tỷ đồng
- o Giá trị thu được khi thoái vốn : 4,798 tỷ đồng
- o Lỗ từ hoạt động thoái vốn : 1,926 tỷ đồng

Đã thực hiện thoái vốn đầu tư ngắn hạn tại một số đơn vị khác, cụ thể:



Mã cổ phiếu	Số lượng CP đã bán	Giá gốc đầu tư ban đầu	Giá bán thoái vốn	Giá trị đã trích lập dự phòng lũy kế đến thời điểm thoái vốn	Lãi (lỗ) đầu tư
VFR	130.000	3.947.111.800	1.820.000.000	(2.010.111.800)	(117.000.000)
SDP	32.700	782.351.220	196.200.000	(651.551.220)	65.400.000
LCG	102.000	1.742.466.000	530.008.000	(1.212.458.000)	-
GEX	4.548.200	94.343.312.600	97.162.810.000	-	2.819.497.400

Trong năm 2016, Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO đã thực hiện đấu giá bán Khách sạn Xanh Huế 03 lần nhưng không thành công.

Đến thời điểm 31/12/2016, đầu tư vốn của VNECO vào các Công ty con, liên kết trong tổ hợp 150,923 tỷ đồng, chiếm 16,69% vốn điều lệ. Tuy nhiên, do tình hình kinh doanh tại một số đơn vị chưa được tốt, giá trị dự phòng đầu tư tài chính VNECO phải trích lập đến thời điểm 31/12/2016 là 70,259 tỷ đồng (chiếm 46,55%) vốn đầu tư tại các đơn vị.

#### **Công tác kiểm soát vốn đầu tư tại các đơn vị trong tổ hợp**

Nhằm tăng cường công tác quản lý, kiểm tra kiểm soát phần vốn đầu tư của VNECO tại các đơn vị trong tổ hợp, Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ đã kết hợp với Ban Kiểm soát, Phòng TC-KT và các phòng ban chuyên môn đã tiến hành kiểm toán tại một số đơn vị: VNECO 3, VNECO 4 và VNECO 12. Thông qua công tác kiểm toán nội bộ, ban lãnh đạo đã có đầy đủ, kịp thời các thông tin hoạt động tại các đơn vị.

#### **Công tác nộp thuế và các nghĩa vụ với Nhà nước**

Trong năm, Tổng Công ty đã nộp tổng cộng 40,734 tỷ đồng (trong đó thuế GTGT: 22,055 tỷ đồng, thuế TNDN (bao gồm thuế chuyển nhượng bất động sản):

18,075 tỷ đồng, thuế khác: 0,601 tỷ đồng) cho Cục thuế TP Đà Nẵng và các địa phương khác. VNECO không có các khoản nợ thuế tại cơ quan thuế địa phương.

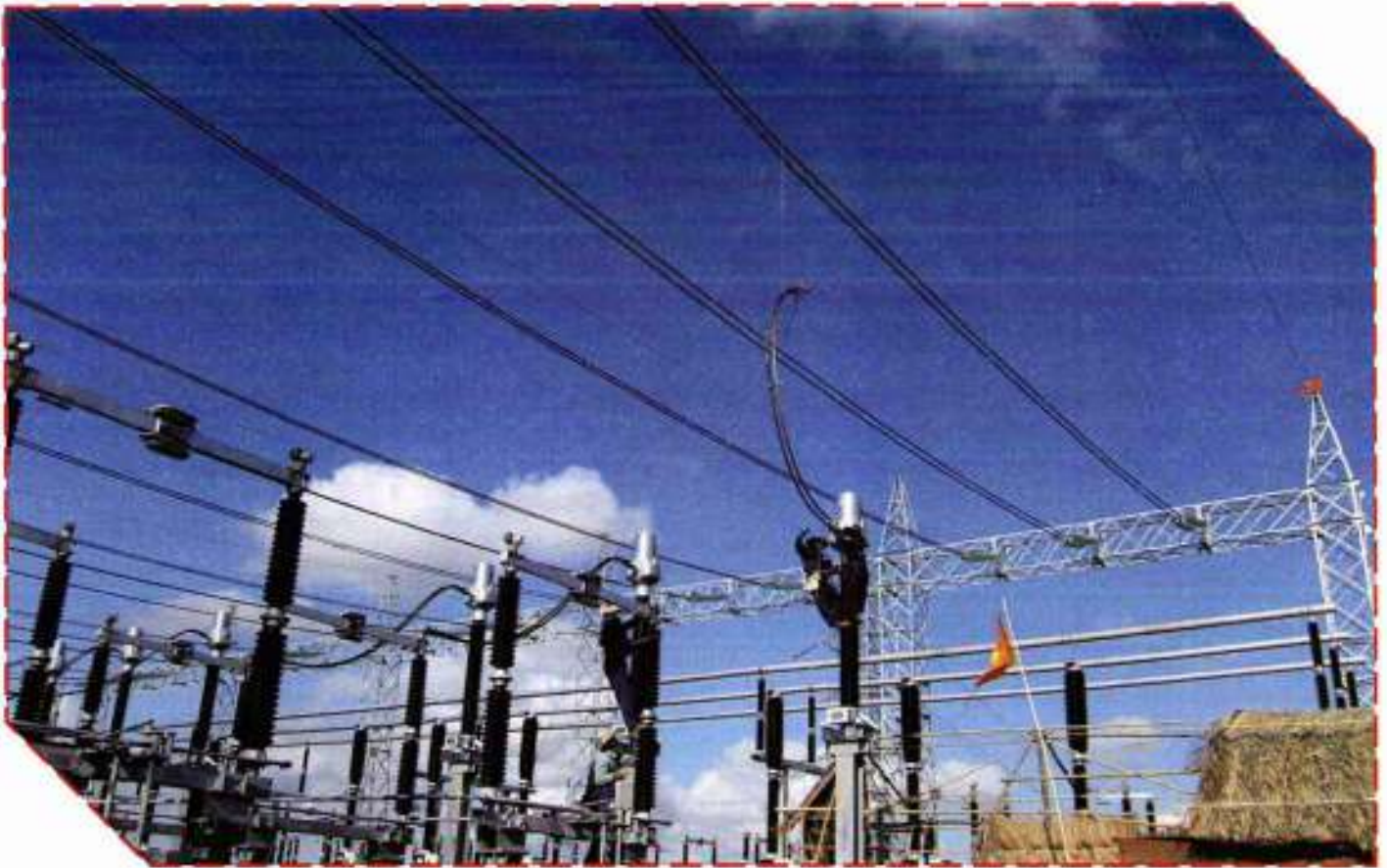
#### **Công tác báo cáo kế toán, thống kê**

Do thực hiện tốt công tác quản trị tài chính, VNECO luôn thực hiện tốt chế độ lập báo cáo tài chính, thống kê theo luật định. Báo cáo tài chính, báo cáo thống kê được lập, gửi và công bố thông tin đầy đủ kịp thời cho các cơ quan chức năng và trên thị trường chứng khoán.

### CÔNG TÁC TỔ CHỨC, NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

- Hoàn thành hồ sơ thủ tục bổ nhiệm nhân sự các chức năng các vị trí bộ máy điều hành.
- Thành lập: Phòng đấu thầu, Chi nhánh VNECO tại TP Hồ Chí Minh, Ban Quản lý rủi ro và Kiểm soát nội bộ.
- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Bất động sản - Du lịch VNECO là Công ty con của Tổng Công ty.
- Thành lập Đội Xây lắp điện trực thuộc Tổng Công ty.
- Xây dựng tiêu chí đánh giá nhân viên, mô tả công việc cho các vị trí thuộc phòng, ban Tổng Công ty.
- Thực hiện công tác đào tạo năm 2016: Đào tạo tiếng Anh giao tiếp; Cấp ngăm, trạm GIS tại Nhật Bản; KPI, Chuyển đổi ISO phiên bản 2015; Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ; Đào tạo vận hành thiết bị bay rải cấp mỗi; Năng đoạn kim cương Level 1; Kỹ năng thuyết trình; Văn bản hướng dẫn pháp luật lao động; Phối hợp tổ chức hội thảo công tác quản lý kỹ thuật, đấu thầu.





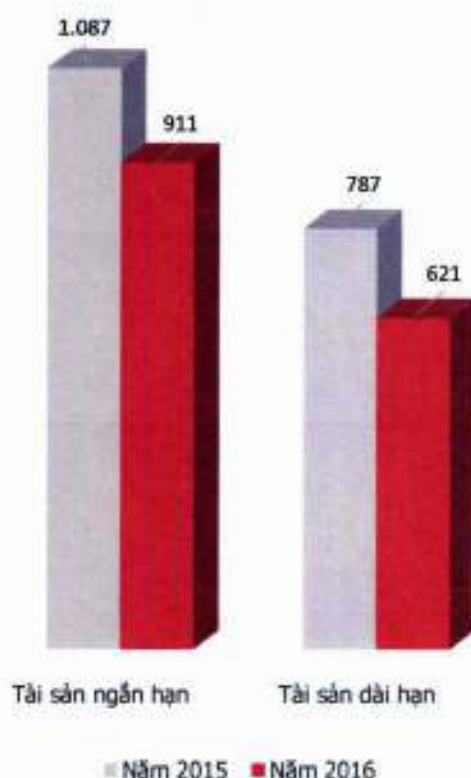
- Thực hiện soát xét, đánh giá năng lực CBNV, sắp xếp, bố trí lực lượng lao động các phòng, ban Tổng Công ty, tinh giản biên chế với tỷ lệ giảm 23% số lao động tại các phòng, ban Tổng Công ty (số lao động đã chấm dứt hợp đồng trong năm 2016: 25 người).
- Đánh giá kết quả công việc và thực hiện trả lương, giải quyết chế độ chính sách đối với người lao động kịp thời, phù hợp quy định, quy chế quản lý về tiền lương chế độ chính sách lao động và quy chế quản lý của Tổng Công ty.
- Thực hiện tuyển dụng bổ sung một số vị trí chuyên viên kỹ thuật, quản trị rủi ro, các vị trí lĩnh vực kinh tế đối ngoại và các vị trí của Chi nhánh TP Hồ Chí Minh.
- Giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể và bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động.
- Huấn luyện lực lượng tự vệ năm 2016. Thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, chăm sóc các Mẹ Việt Nam Anh hùng Tổng Công ty phụng dưỡng.



DVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% Thay đổi
<b>Tài sản</b>	<b>1.873.342.400.662</b>	<b>1.531.873.471.144</b>	<b>-18,23%</b>
Tài sản ngắn hạn	1.086.704.337.081	911.145.121.420	-16,16%
Tài sản dài hạn	786.638.063.581	620.728.349.724	-21,09%
<b>Nguồn vốn</b>	<b>1.873.342.400.662</b>	<b>1.531.873.471.144</b>	<b>-18,23%</b>
Nợ ngắn hạn	845.041.847.012	535.713.939.502	-36,61%
Nợ dài hạn	31.060.008.591	18.197.304.130	-41,41%
Vốn chủ sở hữu	997.240.545.059	977.962.227.512	-1,93%

**Cơ cấu tài sản qua các năm  
(Tỷ đồng)**



## TÀI SẢN

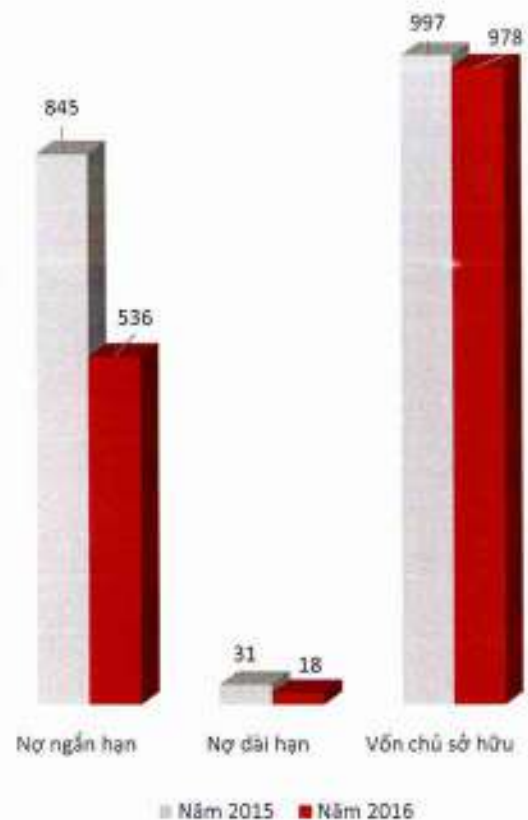
Cơ cấu tài sản của Tổng Công ty vẫn không có nhiều thay đổi khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản, theo đó khoản mục này đạt mức 911,14 tỷ đồng. Tuy nhiên so với năm 2015, tài sản ngắn hạn chỉ bằng 83,84%, nguyên nhân dẫn đến kết quả này các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty đã có sự sụt giảm đáng kể trong năm, theo đó VNECO đã có các khoản trích lập dự phòng cho chứng khoán kinh doanh của mình và các khoản góp vốn vào đơn vị khác. Ngoài ra lượng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng cũng đã được Tổng Công ty sử dụng cho các hoạt động trong năm. Tài sản dài hạn cũng đã giảm 21,09%, đạt mức 620,73 tỷ đồng, chủ yếu do Công ty đã thực hiện giao dịch thành công khoản bất động sản đã đầu tư năm vừa qua làm khoản mục ghi nhận giá trị của bất động sản đầu tư giảm đi so với năm trước. Như vậy, với sự giảm đi của cả tài sản ngắn hạn và dài hạn, tổng tài sản của VNECO đã có sự sụt giảm 18,23% so với năm 2015, đạt mức 1.531,87 tỷ đồng.

## NGUỒN VỐN

Tình hình nguồn vốn của Tổng Công ty vẫn tiếp tục duy trì cơ cấu, trong đó nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ phải trả, trong năm qua khoản mục này có sự biến động lớn khi đã giảm đến 36,61%, đạt mức 535,71 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thay đổi này, do Tổng Công ty đã trả đi các khoản nợ ngắn hạn tại một số ngân hàng mà mình đã vay phục vụ cho các hoạt động kinh doanh. Nợ dài hạn có sự sụt giảm 41,41% so với năm trước, đạt mức 18,20 tỷ đồng, chủ yếu do VNECO đã thực hiện trả đi các khoản thuế thu nhập bị hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tổng nợ phải trả của Tổng Công ty đã giảm đi đáng kể so với năm trước, đây là tín hiệu đáng mừng khi áp lực tài chính trong thời gian tới sẽ không còn ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động kinh doanh của VNECO.

Vốn chủ sở hữu trong năm có sự biến đổi đáng chú ý tại vốn đầu tư của chủ sở hữu, khi Tổng Công ty đã phát hành thành công 8.075.448 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2015, nâng số vốn điều lệ hiện nay tại Tổng Công ty lên 904,33 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn qua các năm  
(Tỷ đồng)



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm vừa qua, để đảm bảo hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đã thông qua việc sửa đổi một số điều của điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty theo thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ tài chính.

Trong năm VNECO cũng đã thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO, đây là Công ty con với 100% vốn góp của VNECO để đảm nhận thực hiện đầu tư các dự án theo định hướng chuyên kinh doanh bất động sản. Hoàn thành thoái vốn đầu tư tại CTCP Đầu tư và Xây dựng Điện Mê Ca VNECO do đơn vị hoạt động không hiệu quả.

Trong thời gian tới kết quả của việc thực hiện kế hoạch tái cấu trúc và định hướng chiến lược giai đoạn 2012-2020, chắc chắn sẽ còn mang lại nhiều cải tiến trong cơ cấu tổ chức của VNECO.

## CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Tỷ lệ % 2017/2016
Tổng doanh thu và thu nhập	Triệu Đồng	593.574	1.112.852	187,48%
Vốn điều lệ	Triệu Đồng	904.330	904.330	100,00%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu Đồng	38.081	111.005	291,50%
Tỷ suất LNST/Tổng doanh thu	%	6,42%	9,97%	-
Tỷ suất LNST/VĐL	%	4,21%	12,27%	-
Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	0%	10%	-

## CÁC BIỆN PHÁP CỤ THỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

### *Công tác điều hành hoạt động xây lắp*

Tập trung chỉ đạo thi công các công theo đúng tiến độ kế hoạch. Cụ thể:

- Điều chuyển kịp thời khối lượng của các đơn vị không quyết liệt trong công tác đền bù, thi công, chỉ nhận khối lượng rồi thi công cầm chừng.
- Hàng quý sẽ đánh giá năng lực thi công của nhà thầu để có cơ sở giao khối lượng phù hợp hơn.
- Tăng cường năng lực đền bù giải phóng mặt bằng.
- Tăng cường đầu tư nhân lực, máy móc hiện đại phục vụ thi công.
- Củng cố và duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng hiện tại, phát triển mối quan hệ với khách hàng mới.
- Tăng cường hợp tác, liên kết trong đấu thầu giữa các công ty con trong tổ hợp để chiếm thị phần đối với các gói thầu vừa và nhỏ.
- Tiếp tục tìm kiếm các đối tác để hợp tác nhằm tạo kinh nghiệm và năng lực trong các lĩnh vực mới.

### **Công tác đầu tư dự án**

Thực hiện triệt để các công tác liên quan đến việc trình xin duyệt dự án, các thủ tục pháp lý cần thiết để triển khai đền bù, giải tỏa đối với các cơ quan ban ngành khu vực. Từ đó, đôn đốc các hợp đồng đầu tư triển khai thực hiện đúng với tiến độ đã đề ra. Xem xét các phương án chuẩn bị vốn phục vụ cho quá trình hoạt động đảm bảo cân đối được tình hình tài chính và mang lại hiệu quả kinh tế tốt nhất cho Tổng Công ty.

### **Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng công trình**

Tiếp tục nâng cao trình độ thi công cáp ngầm, trạm GIS và tìm hiểu thêm về lĩnh vực xây lắp điện gió để đầu tư trang thiết bị, dụng cụ thi công cho một số đơn vị thi công; Cập nhật biện pháp thi công, những quy định mới hoàn chỉnh các quy trình quản lý chất lượng, kỹ thuật, an toàn lao động về xây lắp đường dây và trạm, cáp ngầm, trạm GIS, điện gió; Phổ biến hướng dẫn cho các đơn vị nhằm tăng cường công tác quản lý kỹ thuật và giám sát chất lượng công trình; Tổ chức vận hành công tác kiểm soát tiến độ và chất lượng theo quy trình mới để ngăn chặn tình trạng làm ẩu, làm kém chất lượng, Tổng Công ty sẽ kiên trì duy trì hệ thống quản lý chất lượng nội bộ cho từng hạng mục công việc, các Ban chỉ đạo tăng cường công tác nghiệm thu nội bộ, giảm bớt những sai sót do chủ quan, không phải sửa sai nhiều làm ảnh hưởng đến tiến độ và tăng chi phí; Phối hợp giám sát chủ đầu tư để cùng kiểm tra kiểm soát chất lượng công trình ngay từ khâu vật liệu đầu vào đến khi kết thúc công việc.

Các Ban Chỉ đạo thường xuyên cập nhật tiến độ thi công hàng tuần các công trình, bố trí cán bộ kỹ thuật phối hợp với đơn vị thi công chuẩn bị trước hồ sơ nghiệm thu, đến khi triển khai nghiệm thu sẽ tổ chức nghiệm thu ngoài hiện trường song song với việc hoàn thiện hồ sơ để rút ngắn thời gian của quá trình này.

Tăng cường kiểm tra công tác an toàn, bảo hộ lao động, Tổng Công ty đã trang bị thêm một số dụng cụ thi công kéo dây vượt đường dây trung và hạ áp, kéo vượt sông.... Kiên quyết xử lý những đơn vị, cá nhân vi phạm quy định về công tác an toàn, kiểm tra thường xuyên biện pháp thi công của các đơn vị (nhân lực, dụng cụ thi công, PATCXD, biện pháp an toàn lao động,...). Đặc biệt trong hạng mục lắp dựng cột, rải căng dây.

Trong năm 2017, áp dụng thí điểm công tác kéo dây theo công nghệ mới "kéo dây không chạm đất" cho Đội Xây lắp điện trực thuộc Tổng Công ty tại đường dây 500kV Long Phú - Ô Môn, khi áp dụng thành thạo sẽ nhân rộng mô hình ra cho các Công ty con áp dụng nhằm nâng cao chất lượng công trình, tăng năng suất, giảm lao động chân tay.

Tăng cường công tác quản lý vật tư trên các công trình tránh thất thoát, đảm bảo cung cấp kịp thời, đồng thời tính toán để phân bổ chính xác hợp lý một số vật tư chủ đầu tư cấp theo khối lượng công việc mà đơn vị được Tổng Công ty giao.

Do từ tháng 11/2016 EVN đã không cho cắt điện thường xuyên các đường dây 110kV nên bộ phận kỹ thuật phải không ngừng xem xét, cải tiến để tham mưu các biện pháp thi công phù hợp với từng địa hình đảm bảo tiến độ thi công an toàn nhất và tiết kiệm kinh phí.

## **Công tác tài chính – kế toán**

Một số giải pháp nhằm ổn định tình hình tài chính và nâng cao hiệu quả SXKD cho năm 2017 và các năm tiếp theo:

- 📍 Thực hiện quyết liệt việc lên phiếu giá thu hồi vốn công trình từ các chủ đầu tư.
- 📍 Tìm giải pháp giải quyết dứt điểm các thủ tục pháp lý để có thể chuyển nhượng các dự án BĐS tại TP Hồ Chí Minh thu hồi vốn hoặc khi hoàn thành thủ tục sở hữu có thể lập phương án kinh doanh nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn cho phần vốn đã bỏ ra. Trước mắt tìm giải pháp thu hồi các khu đất có hợp đồng công chứng mua đất của Tổng Công ty mà các tổ chức, cá nhân đang sử dụng. –
- 📍 Quyết liệt thực hiện phương án tái cấu trúc tài sản tại Công ty mẹ và Công ty con theo Nghị quyết HĐQT số 41 NQ/VNECO-HĐQT ngày 01/12/2015 nhằm tăng lợi nhuận và thu hồi vốn. Trong đó ưu tiên thực hiện sớm các công việc gồm:
  - Tìm kiếm các đối tác để thực hiện chuyển nhượng được tài sản Khách sạn Xanh Huế thu hồi nợ nhằm bố trí cân đối lại nguồn vốn mất cân đối và đảm bảo dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận đã Hoàn thành các hồ sơ pháp lý để xử lý dứt điểm các dự án BĐS ở thành phố Hồ Chí Minh từ đó mới có thể xây dựng phương án kinh doanh đối với các dự án trên.
  - Tiếp tục thoái vốn các Công ty không có hiệu quả như Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO, Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7.
  - Nghiên cứu đầu tư tài chính vào một số đơn vị theo định hướng phát triển trung và dài hạn; của Tổng Công ty.
  - Xem xét lại tất cả các dự án đã và đang triển khai, các tài sản chưa sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định chuyển nhượng nhằm hiện thực hóa dòng tiền để tập trung nguồn lực tài chính ưu tiên cho sự phát triển theo đúng định hướng chiến lược của Tổng Công ty trong thời gian tới.
  - Ưu tiên nguồn lực tài chính đầu tư trang thiết bị, nhân lực nhằm từng bước tham gia sâu rộng vào các dự án năng lượng tái tạo.
  - Đối với công trình đường dây và trạm biến áp 110kV Thuận Nhiên Phong: Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để hoàn tất việc nhận chuyển nhượng lại trước 30/06/2017. Xây dựng phương án đầu tư và phát triển năng lượng xanh cụ thể dựa trên nguồn lực hiện có.
  - Tăng cường hơn nữa công tác quản lý giám sát phần vốn đầu tư tại các đơn vị, đẩy mạnh công tác kiểm toán nội bộ, đảm bảo thực hiện tối đa quyền của cổ đông lớn đối với phần vốn đầu tư tại các đơn vị xây dựng năm 2017.

### **Công tác quản lý điều hành**

Sửa đổi bổ sung quy chế quản lý: Quy chế tài chính; Quy chế quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ; Quy chế phân phối trả lương;

Xây dựng quy trình, biểu mẫu đánh giá kết quả công việc bằng KPI; hoàn thành chuyển đổi ISO 9001:2008 sang phiên bản ISO 9001:2015 và các quy định trong hoạt động điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Thực hiện kế hoạch đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ CBNV; chuẩn bị đội ngũ thi công cáp ngầm, rải dây cáp mỗi bằng phương tiện máy bay và công tác bảo dưỡng, bảo trì nhà máy điện, trạm biến áp thông qua hợp tác với Fuji.

Tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực; sắp xếp bố trí cán bộ nhân viên các Phòng, ban, đơn vị đúng người, đúng việc đảm bảo tinh gọn, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.



## **GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN**

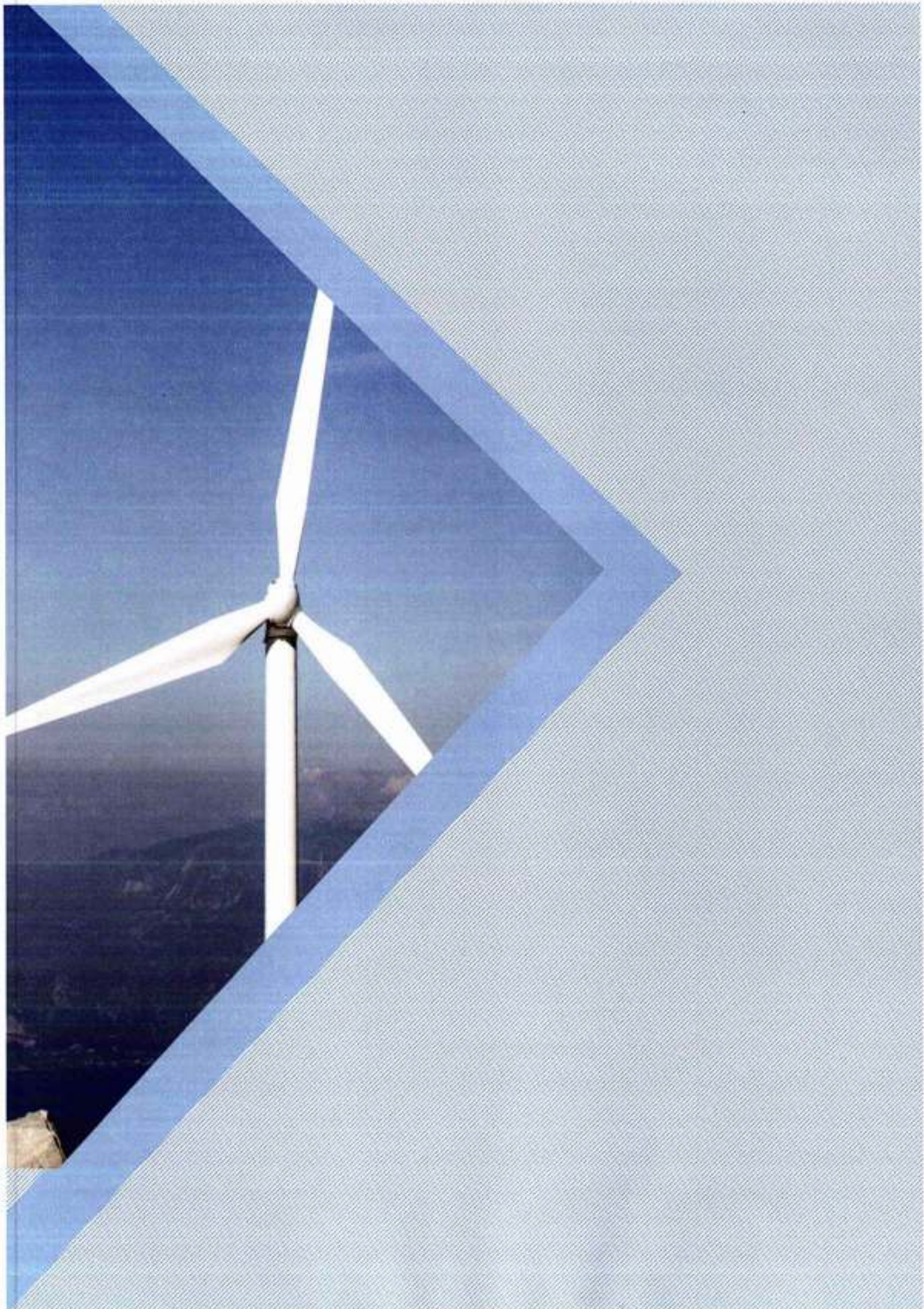
Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2016, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam vì không đủ cơ sở để định giá trị khối tài sản đảm bảo (các giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng của những bất động sản có giá trị) so với khoản nợ gốc đang thu hồi.

Ban Tổng Giám đốc xin được giải trình như sau: Hiện nay, VNECO đang nắm giữ các giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng đất của nhiều bất động sản có giá trị tại trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh để làm tài sản đảm bảo cho các khoản tiền đã ứng, liên quan đến giao dịch mua các bất động sản này. Trong phạm vi một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính thông thường, Kiểm toán viên không thể xác định giá trị trường của khối bất động sản này là bao nhiêu nên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ nêu trên.

# BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2016	Thực hiện Năm 2016	So sánh
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Triệu đồng	975.172	593.574	60,87%
2	Vốn điều lệ	Triệu đồng	905.933	904.330	99,82%
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	140.050	38.081	27,19%
4	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	%	14,36%	6,42%	-
5	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	%	15,46%	4,21%	-
6	Cổ tức bằng cổ phiếu	%	10%	-	-

## ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Phát triển bền vững ngành nghề truyền thống: Năm 2016, Tổng Công ty đã đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thành bàn giao nhiều công trình Đường dây 220kV Vũng Áng - Ba Đôn - Đồng Hới, đường dây 500kV Giao chéo đường cao tốc, đường dây 500kV Duyên Hải - Mỹ Tho, đường dây 220kV Phan Thiết - Phú Mỹ 2, Nhánh rẽ 500kV đầu nối trạm biến áp 500kV Pleiku 2, đường dây 220kV Xekaman 1 — Pleiku 2, đường dây 220kV cầu Đông - Hóc Môn - rẽ Bình Tân, trạm biến áp 220/110 kV Vĩnh Tường và các Đường dây đầu nối 220kV, 110kV... được chủ đầu tư đánh giá cao về chất lượng, tiến độ thi công. Tích cực thanh quyết toán khối lượng hoàn thành với chủ đầu tư kịp thời theo đúng quy trình nội bộ. Ưu tiên đẩy mạnh tham gia đấu thầu, tìm kiếm việc làm, đã trúng thầu một số công trình lớn, giá trị trúng thầu năm 2016 đạt hơn: 551 tỷ đồng; với một số công trình: Đường dây đầu nối vào trạm biến áp 500kV Tân Uyên, đường dây 500kV Mỹ Tho - Đức Hòa, đường dây cầu Bông - Bình Tân, đường dây 220kV mạch kép Thái Bình - Tiên Hải - Trục Ninh, đường dây 500kV Đầu nối vào NMNĐ Thăng Long, đường dây 220kV Di Linh - Bảo Lộc, trạm biến áp 110kV Đắk Hà và nhánh rẽ (EPC)..., góp phần chủ động triển khai kế hoạch kinh doanh cho năm 2017 của Tổng Công ty.

Chiến lược mở rộng khách hàng mới: Ngoài khách hàng truyền thống các Ban Quản lý dự án - Tổng Công ty truyền tải điện quốc gia, năm 2016 Tổng Công ty đã tích cực tìm kiếm, mở rộng thị trường khách hàng mới trong và ngoài ngành EVN, các dự án hạ tầng công nghiệp....VNECO đã trúng được hợp đồng EPC dự án Đắk Hà và hợp đồng EPC cho dự án Thuận Nhiên Phong. Đây là thuận lợi trong tương lai để tham gia đấu thầu EPC theo xu hướng của ngành điện.

Chiến lược mở rộng dịch vụ xây lắp mới và cung cấp thiết bị: Ký kết hợp tác với Ankura để tham gia xây lắp cáp ngầm; ký kết với Fuji để cung cấp thiết bị cho ngành điện, công nghiệp, hạ tầng và thi công trạm GIS và Ký kết hợp tác chiến lược với Cadivi cung cấp vật tư thiết cho các dự án do VNECO tham gia đấu thầu. Tiếp tục tìm kiếm, mở rộng lĩnh vực xây lắp EPC nhà máy điện gió, điện mặt trời tại tỉnh Vĩnh Long, năng lượng tái tạo...

## **ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP**

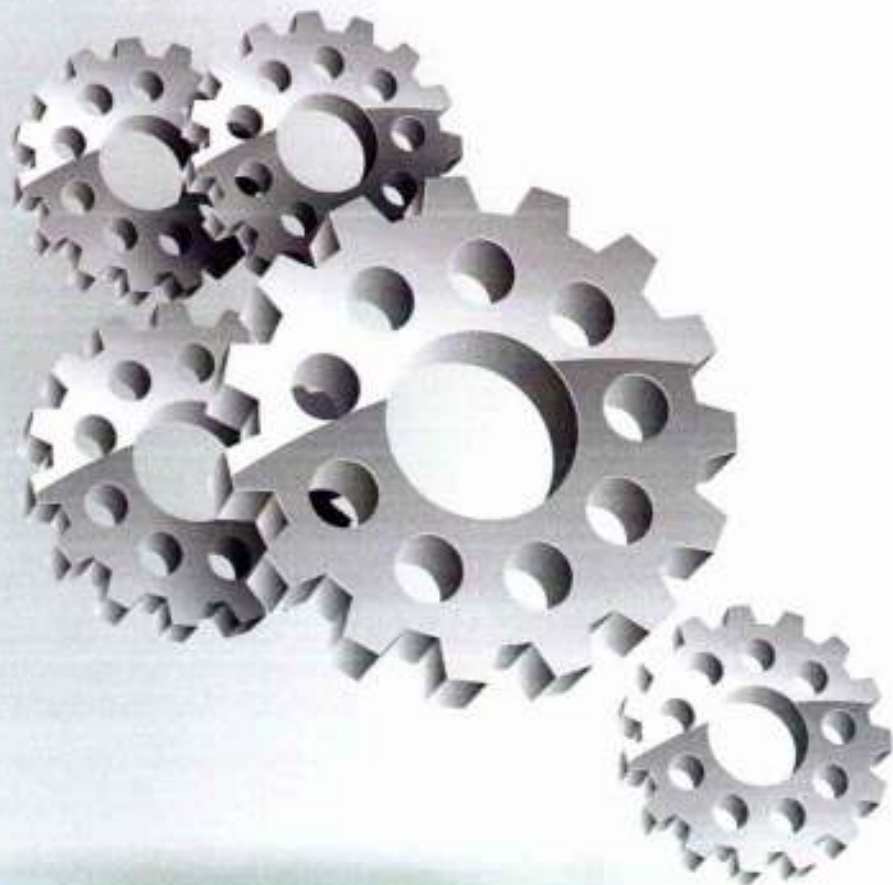
Thực hiện định hướng hiện đại hoá doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản trị và xây dựng đội ngũ năm 2016 đã có những bước tiến trong chuẩn bị lực lượng từ đội ngũ thi công và đội ngũ cấp quản lý, điều hành từ Công ty mẹ đến các Công ty con;

Tăng cường công tác giám sát hoạt động của các công ty con: cử thay thế người đại diện đối với những đơn vị hoạt động chưa hiệu quả; tiến hành kiểm tra kiểm soát phần vốn đầu tư của VNECO tại các đơn vị trong tổ hợp: VNECO 3, VNECO 4, VNECO 12 và VNECO 7, từ đó có đầy đủ thông tin hoạt động của các đơn vị nhằm hỗ trợ triển khai hoặc điều chỉnh hoạt động kinh doanh tại các đơn vị phù hợp, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Du lịch Xanh Huế VNECO (Công ty con) vẫn còn gặp nhiều khó khăn khi đã tiếp tục lỗ hơn 9 tỷ đồng, doanh thu không đạt kế hoạch năm 2016.

Thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO để đảm nhận thực hiện đầu tư các dự án theo định hướng chuyên kinh doanh bất động sản;

Công tác quản trị tài chính, công bố thông tin hoạt động được thực hiện nghiêm túc, tuân thủ chế độ lập báo cáo tài chính, thống kê theo luật định, công bố thông tin đầy đủ kịp thời cho cổ đông, các cơ quan chức năng và trên thị trường chứng khoán;

Định hướng hiện đại hoá doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản trị và xây dựng đội ngũ nhân sự dồi dào là công tác mà HĐQT và Ban Điều hành phải tiếp tục triển khai mạnh mẽ hơn nữa trong năm 2017.



## ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

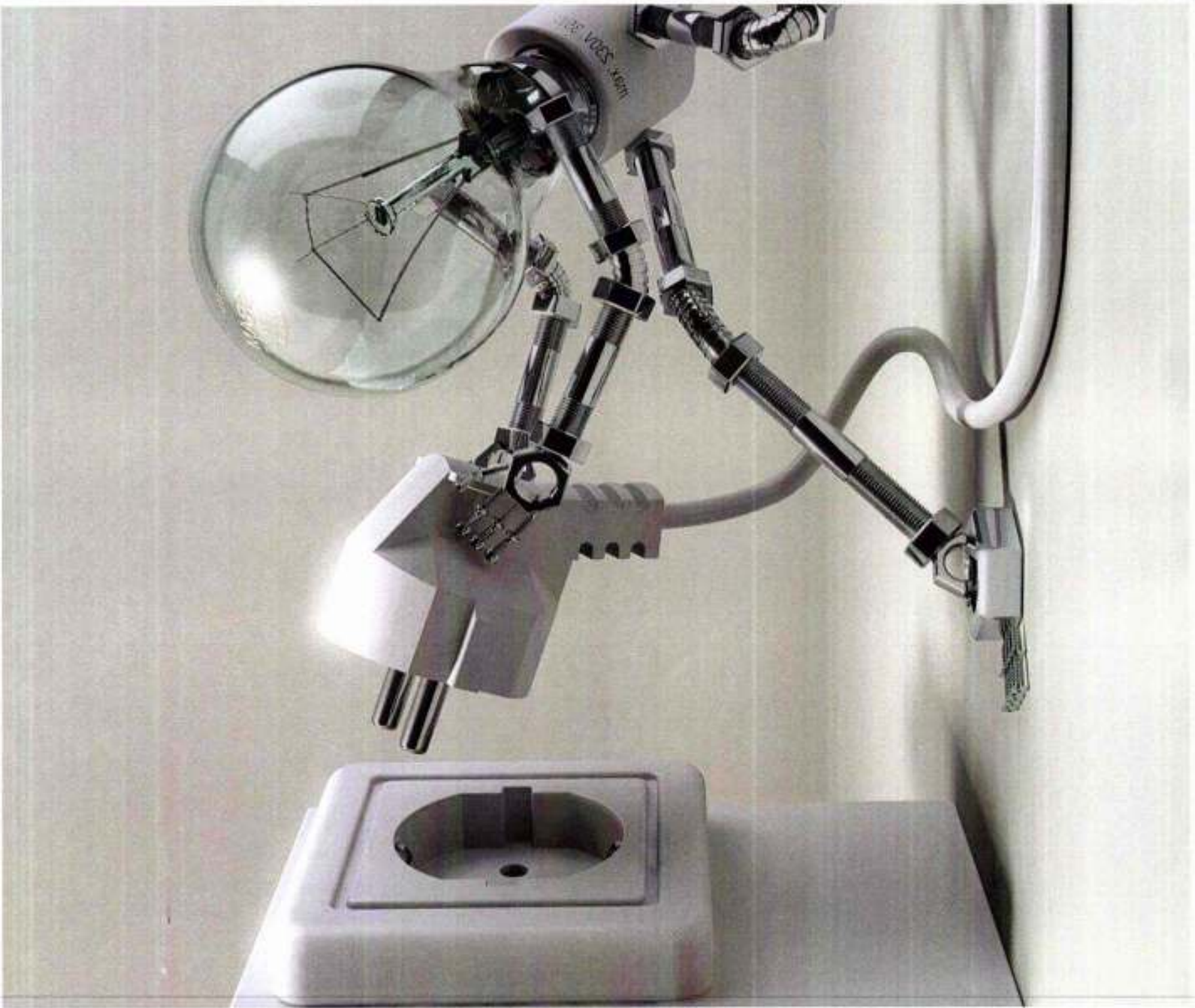
Năm qua, HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết HĐQT, ĐHĐCĐ. Đồng thời phối hợp với BKS nắm rõ tình hình hoạt động của Tổng Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban Điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó Ban Giám đốc Tổng Công ty đã luôn cố gắng phối hợp thực hiện chắc chắn, hiệu quả trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông giao phó.

HĐQT đánh giá rất cao nỗ lực của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Tổng Công ty, các cấp đã quyết tâm cao trong việc thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp bố trí, tinh giản biên chế, củng cố năng lực đấu thầu, mở rộng khách hàng, mở rộng thị trường, mạnh dạn áp dụng các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp tiên tiến và chủ động thực hiện các mục tiêu của Tổng công ty trong năm 2016. Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh doanh còn nhiều khó khăn, chủ đầu tư các dự án chưa thu xếp được vốn do vậy nhiều công trình phải gián tiến độ, không giải phóng được mặt bằng, lùi thời hạn cấp vật tư đối với nhiều công trình, kể cả công trình mới trúng thầu cũng chậm triển khai... cho nên Tổng Công ty đã không hoàn thành được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà ĐHĐCĐ đã giao trong năm 2016;

Ban Điều hành đã đề xuất những thay đổi hợp lý đầu tư nâng cao năng lực xây lắp điện, bổ sung chiến lược xây lắp, mở rộng sang lĩnh vực năng lượng tái tạo. Đẩy mạnh tái cấu trúc, duy trì ổn định hoạt động Tổng Công ty, hoàn thành thoái vốn đầu tư tại CTCP Đầu tư và Xây dựng Điện Mê Ca VNECO do đơn vị hoạt động không hiệu quả; hoàn thành việc trả nợ gốc và lãi trái phiếu VNECO\_BOND2014 cho trái chủ, đã trả nợ gốc 150 tỷ đồng.

Trong quá trình hoạt động, Ban Điều hành đã nghiêm túc tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị Quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT. Thay mặt Tổng Công ty, Hội đồng quản trị xin ghi nhận những cống hiến và giá trị mà Ban Điều hành đã mang lại cho VNECO trong năm 2016





### CÔNG TÁC NHÂN SỰ

- Xây dựng khung chính sách và quy trình nhân sự cho Tổng Công ty và toàn bộ các Công ty thành viên;
- Triển khai kế hoạch phát triển nguồn nhân lực kế thừa, đề xuất, bổ nhiệm, bãi nhiệm, chính sách đãi ngộ và đánh giá hiệu quả hoạt động của các nhân sự thuộc thẩm quyền của HĐQT, người đại diện vốn;
- Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao. Xây dựng văn hoá doanh nghiệp lành mạnh, hiện đại.



### CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

- Tiếp tục nâng cao công tác quản trị Tổng Công ty theo chuẩn quốc tế, ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại, ứng dụng hệ thống quản lý BSC trong quản trị chiến lược;
- Nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp;
- Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao vai trò của thành viên HĐQT;
- Tăng cường việc đào tạo quản trị công ty cho các thành viên trong HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.

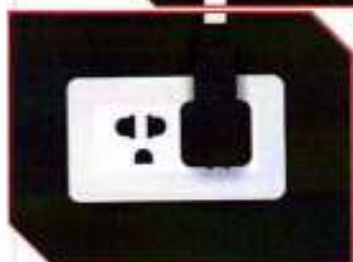


## ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

- Lĩnh vực xây lắp truyền thống đường dây truyền tải và trạm điện: Nâng cao năng lực đấu thầu, mở rộng khách hàng, đặt mục tiêu tăng trưởng bình quân 15%/năm;
- Lĩnh vực cáp ngầm, trạm GIS, cung cấp thiết bị: mở rộng khách hàng, tiếp cận với các chủ đầu tư dự án, công ty tư vấn, phối hợp với các đối tác hợp tác để tìm kiếm được dự án triển khai;
- Lĩnh vực năng lượng tái tạo: tiếp tục xây dựng đội ngũ kỹ thuật, xây lắp, đội ngũ tiếp thị dự án điện gió, năng lượng tái tạo;
- Nâng cao năng lực hoạt động của Chi nhánh Hồ Chí Minh, mở rộng văn phòng chi nhánh hoặc công ty con tại Hà Nội để bám sát khách hàng chính tại 2 thành phố lớn.



# Strategy



## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- **Giá trị kinh tế**
- **Môi trường và năng lượng**
- **Hoạt động xã hội**
- **Phát triển nguồn nhân lực**
- **Đối với các bên liên quan**





## GIÁ TRỊ KINH TẾ

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam hoạt động với mục tiêu huy động và sử dụng vốn có hiệu quả đối với các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong phạm vi pháp luật cho phép nhằm tối đa hóa lợi nhuận, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, góp phần đóng góp vào Ngân sách Nhà nước từ đó tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế.

Từ thời điểm thành lập cho đến nay, Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam luôn cố gắng thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Năm vừa qua, mặc dù tình hình lợi nhuận tăng trưởng không như kỳ vọng, tuy nhiên Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Tổng Công ty luôn cố gắng cùng nhau hoạt động vì mục đích kinh tế chung, cống hiến và đóng góp hết sức mình cho VNECO nhờ đó góp phần tạo công việc ổn định cho người lao động, lợi ích kinh tế cho cổ đông.

Tiêu chí	Giá trị mang lại trong năm 2016
Kết quả hoạt động	Doanh thu thuần: 774.181 triệu đồng; LNST Công ty mẹ: 10,08 tỷ đồng
Cổ đông	Trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu 10%
Nộp ngân sách	Tổng khoản nộp ngân sách bằng 55.309 triệu đồng
Người lao động	Mức lương bình quân 2016 là 9,62 triệu đồng/người/tháng

## MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

Ngay từ khi thành lập, VNECO đã nhận thức bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đóng một vai trò quan trọng trong các hoạt động kinh doanh của Tổng công ty. Điều này được cam kết bằng những nỗ lực không ngừng bảo vệ nguồn tài nguyên, hành động có trách nhiệm với môi trường và chăm lo cho đời sống của CBCNV cũng như cộng đồng.

*"Thành công hướng tới hình ảnh của một doanh nghiệp thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng".* Hoạt động trong lĩnh vực xây dựng điện VNECO luôn ý thức được trách nhiệm đối môi trường thông qua các công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của từng bộ phận. Đồng thời không ngừng cải tiến quy trình hoạt động để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm. Bên cạnh đó, VNECO cũng tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn về công tác bảo vệ môi trường, phổ biến các quy định pháp luật liên quan và các nghiệp vụ cần thiết trong quá trình thực hiện. Hiện nay, tại các khu vực do VNECO đầu tư xây dựng các loại chất thải rắn được phân loại, thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. VNECO cam kết các dự án do VNECO đầu tư xây dựng và hoạt động luôn đảm bảo an toàn môi trường với các thông số luôn nằm trong ngưỡng cho phép

Khi xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh, VNECO luôn chú ý để có thể sử dụng điều độ và hợp lý các nguồn năng lượng góp phần vào bảo vệ môi trường, tiết kiệm chi phí hoạt động. Năm vừa qua, Công ty đã thực hiện đúng các quy định pháp luật hiện hành và không bị xử phạt do vi phạm các quy định về môi trường.

## HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

448 triệu đồng là tổng số tiền mà Tổng Công ty đã đóng góp cho hoạt động vì cộng đồng. Bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo quyền lợi cho CBCNV, VNECO luôn coi trọng trách nhiệm cộng đồng, góp phần vào sự phát triển của xã hội. Trong suốt những năm qua, các chương trình an sinh xã hội và tài trợ đã trở thành hoạt động thường xuyên của VNECO. Trong năm 2016, VNECO tập trung vào các hoạt động như: đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ xã hội của Công Đoàn, quỹ trợ cấp khó khăn, quỹ mái ấm Công Đoàn, phụ dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng...

## PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng nhất của Tổng Công ty, chính vì vậy những chính sách liên quan đến người lao động được Ban Lãnh đạo VNECO quan tâm thực hiện. Tổng Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho CBCNV của mình, tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Kết quả là thu nhập bình quân của CBCNV trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định, tinh thần gắn bó với doanh nghiệp được nâng cao.

VNECO luôn quan tâm xây dựng nguồn nhân lực kế cận cho tương lai, trong năm Tổng Công ty đã cử cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao trình độ. Tổ chức các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp. Ngoài việc thường xuyên đánh giá hiệu quả công việc của từng cá nhân gắn với việc phân phối tiền lương, thu nhập, VNECO luôn động viên, cổ vũ CBCNV thể hiện khả năng góp phần vào thành công chung của tập thể. Qua đó, CBCNV nhận thức tốt hơn về trách nhiệm của mình với công việc, nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc và giúp cho Tổng Công ty phát hiện, chọn lựa những nhân tố thích hợp để phát triển.



Cùng nhau phát triển và phát triển bền vững là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên sự thành công của VNECO. Dựa trên niềm tin bền vững của các nhà đầu tư, đối tác và CBCNV trong Tổng Công ty cùng sự minh bạch, chuẩn mực của VNECO trong suốt những năm qua, Tổng Công ty đã tạo dựng được uy tín, sự hợp tác có hiệu quả giữa các bên liên quan.

### **Đối với Nhà đầu tư**

VNECO luôn gắn kết các Nhà đầu tư thông qua việc minh bạch hóa thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty thông qua các kênh truyền thông, báo chí, báo cáo thường niên, báo cáo tài chính, thông tin trên website của Tổng công ty tại địa chỉ: [vneco.com.vn](http://vneco.com.vn), website của Sở giao dịch chứng khoán và các kênh truyền thông khác. Đồng thời, Ban lãnh đạo VNECO cũng trao đổi, lắng nghe ý kiến của các cổ đông, các nhà đầu tư thông qua các buổi gặp gỡ trực tiếp, hội nghị nhà đầu tư... để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp với định hướng và mục tiêu phát triển của VNECO.

### **Đối với Khách hàng, Đối tác**

Trong năm 2016, VNECO đã tích cực tìm kiếm các đối tác tiềm năng thông qua hợp đồng ký kết hợp tác hoặc các chương trình hội thảo chuyển giao công nghệ. Với mục tiêu phát triển bền vững, trong những năm tiếp theo VNECO vẫn đầu tư đẩy mạnh phát triển ngành điện, du lịch - khách sạn và bất động sản. Ký kết hợp tác, trở thành đối tác chiến lược của Ankura về cấp ngầm tại Việt Nam, ký kết hợp đồng nhập thiết bị với Mitsubishi Corporation, Furukawa và Fujikur, Alstom là bước tiến quan trọng trong sự phát triển lâu dài của Tổng công ty, tạo dựng thành công cho dự án.





**QUẢN TRỊ CÔNG TY**

- 
- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
  - BAN KIỂM SOÁT
  - CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

HĐQT đã thành lập Ban tái cấu trúc tài sản, đầu tư tài chính. Theo đó, nhiệm vụ của các tiểu ban này là lập kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Phương án tái cấu trúc tài sản đầu tư của Tổng Công ty đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt. Sáu tháng đầu năm 2016. Ban tái cấu trúc tiếp tục triển khai thực hiện phương án tái cơ cấu, tài sản đầu tư tài chính của Tổng Công ty.

## HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

### Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016. Hội đồng quản trị đã có 09 cuộc họp với sự tham dự của các thành viên như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Đặng Trọng Ngồn	Chủ tịch HĐQT	9/9	100%	
2	Ông Đoàn Đức Hồng	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
3	Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
4	Ông Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
5	Ông Trương Phước Nghĩa	Thành viên HĐQT	8/9	88,89%	Do đi công tác
6	Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	8/9	88,89%	Do đi công tác
7	Ông Lê Thanh Hồng	Thành viên HĐQT	9/9	100%	
8	Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	4/9	44,44%	Do mới được bổ nhiệm ngày 03/06/2016



Trong năm 2016, Hội đồng quản trị VNECO đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình hoạt động để đưa ra những Quyết định chỉ đạo định hướng kịp thời giải quyết các vấn đề gặp phải trong quá trình hoạt động của Tổng Công ty. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị tập chung vào một số vấn đề chính như sau:

- Công tác báo cáo tài chính của Tổng Công ty, báo cáo thường niên năm 2015, báo cáo tài chính quý 1, quý 2, quý 3 và quý 4 năm 2016;
- Tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm 2016 mà Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã cam kết;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh tại các cuộc họp định kỳ hàng quý và theo yêu cầu của HĐQT. Ngoài ra, tại các cuộc họp của Ban Điều hành, Chủ tịch HĐQT và một số thành viên HĐQT đã sắp xếp tham gia và chỉ đạo việc thực hiện các công việc liên quan;
- Tái cơ cấu bộ máy điều hành: bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành lập chi nhánh;
- Việc thực hiện phương án tái cấu trúc tài sản, đầu tư tài chính của Tổng Công ty theo Nghị quyết của HĐQT;
- Việc thanh toán vốn và lãi trái phiếu phát riêng lẻ VNECO\_BOND\_2014;
- Việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng theo giấy chứng nhận chào bán số 64/GCN-UBCK ngày 01/09/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Việc trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/2016 VNECO-ĐHĐCĐ ngày 03/06/2016 của ĐHĐCĐ Tổng Công ty và Nghị quyết số 27/QĐ-HĐQT-VNECO ngày 26/10/2016 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty;
- Xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2017, định hướng phát triển Tổng Công ty, giai đoạn 2017 - 2020;
- Giám sát về công tác quản trị, công tác tài chính, công tác kiểm toán, hoạt động đầu tư các dự án;
- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, điều lệ Tổng Công ty trong điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc;
- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Tổng Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và Ban Điều hành hoàn thành tốt nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao.



**Các nghị quyết và quyết định trong năm 2016 của HĐQT:**

STT	Số Nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung
1	Biên bản	29/01/2016	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 4 và năm 2015
2	02/NQ – HĐQT – VNECO	23/03/2016	Mua lại một phần trái phiếu trước khi đáo hạn
3	03/NQ – HĐQT – VNECO	13/04/2016	Gia hạn thời gian họp ĐHCĐ năm 2016
4	05/NQ – HĐQT – VNECO	21/04/2016	Thông qua hệ thống nhận diện thương hiệu VNECO
5	06/NQ – HĐQT – VNECO	27/04/2016	Ông Đoàn Đức Hồng thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc, kể từ ngày 15/06/2016
6	08/NQ – HĐQT – VNECO	11/05/2016	Thời gian, địa điểm họp ĐHCĐ năm 2016
7	10/NQ – HĐQT – VNECO	08/06/2016	Giao người đại diện vốn tại VNECO tại Công ty cổ phần du lịch xanh Huế biểu quyết tại ĐHCĐ về việc chuyển nhượng tài sản
8	11/NQ – HĐQT – VNECO	08/06/2016	Bổ nhiệm ông Ngô Văn Cường giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 15/06/2016
9	12/NQ – HĐQT – VNECO	08/06/2016	Bổ nhiệm ông Lê Văn Khôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 15/06/2016
10	16/NQ – HĐQT – VNECO	30/06/2016	Bổ nhiệm ông Mai Văn Hoàng giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/07/2016
11	17/NQ – HĐQT – VNECO	30/06/2016	Thành lập chi nhánh Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh
12	22/NQ – HĐQT – VNECO	16/08/2016	Thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng điện Mê ca VNECO (Công ty con)
13	27/NQ – HĐQT – VNECO	26/10/2016	Triển khai kế hoạch trả cổ tức năm 2015 bằng cổ phiếu
14	29/NQ – HĐQT – VNECO	27/10/2016	Thành lập Công ty TNHH Một thành viên Bất động sản – Du lịch VNECO (Công ty con) của Tổng Công ty
15	31/NQ – HĐQT – VNECO	08/12/2016	Mua lại số lượng trái phiếu phát hành riêng lẻ trước ngày đáo hạn

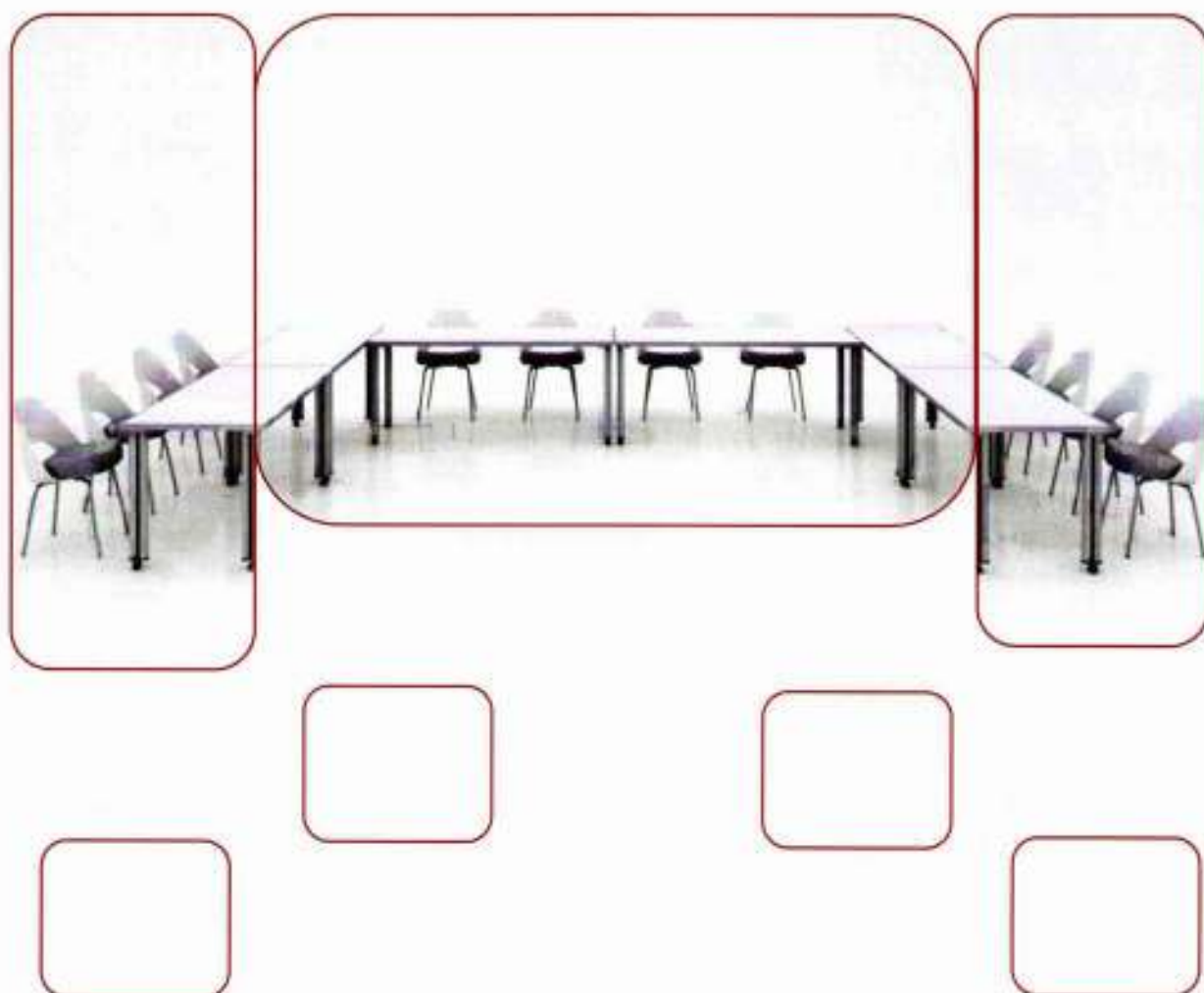
### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

HDQT Tổng Công ty có 05 thành viên không tham gia bộ máy điều hành.

### Danh sách các thành viên HDQT có chứng chỉ về quản trị công ty

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HDQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc Điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Chủ tịch HDQT tham gia khoá đào tạo về quản trị công ty theo quy định; thành viên HDQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác đã tham gia khóa đào tạo về Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

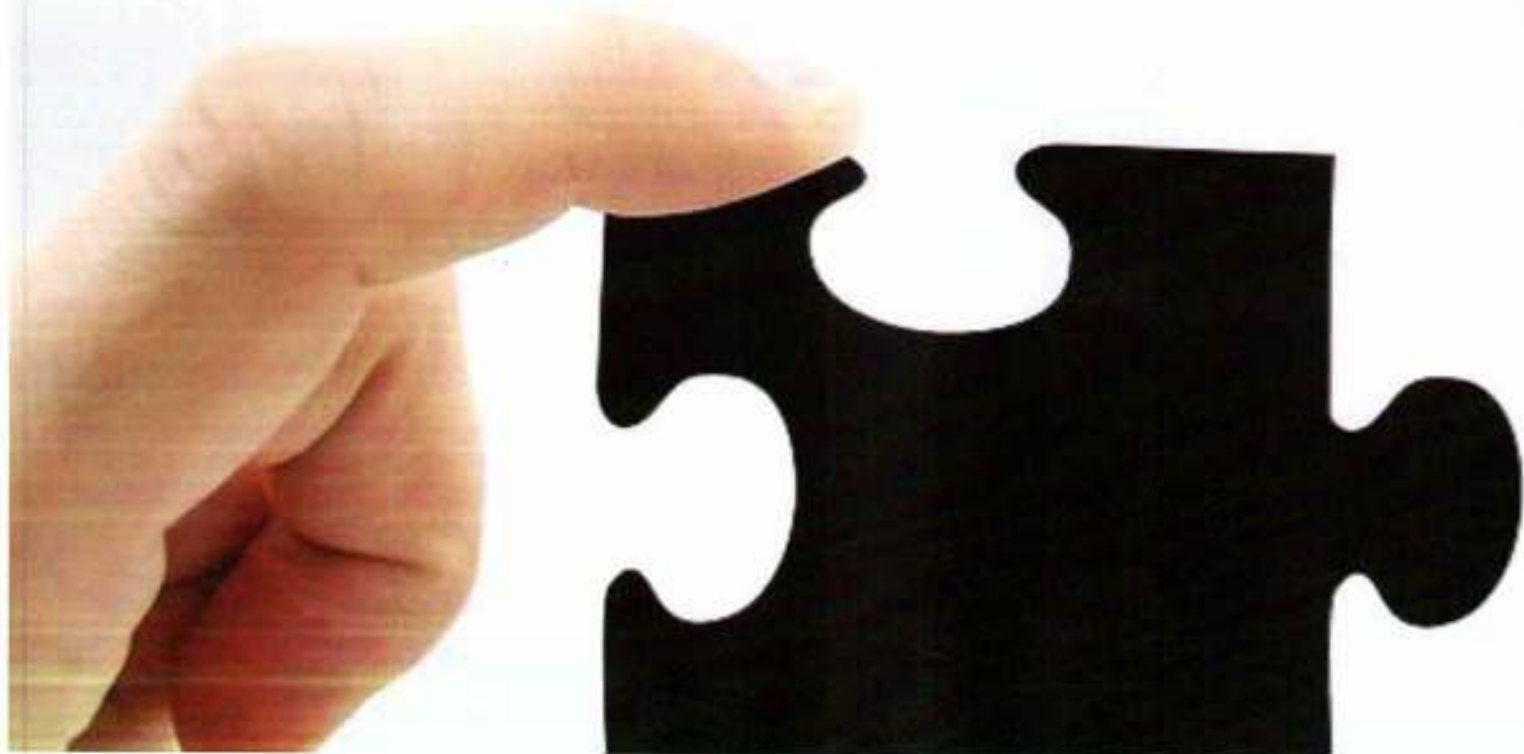
Thành viên HDQT, thành viên BKS, Ban Điều hành Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty và sẽ tiếp tục tham gia khi các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận có các khoá đào tạo phù hợp.



### HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

- Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể, độc lập và khách quan. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm của mình trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các hoạt động và các kết luận của mình đối với sự phát triển của Tổng Công ty.
- Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của Cổ đông, của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các Cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng Công ty.
- Đảm bảo hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, của Tổng Công ty, ban điều hành và bộ máy giúp việc, không gây gián đoạn trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.
- Tôn trọng pháp luật đồng thời đảm bảo tính hợp lý và thực tế.
- Lắng nghe, đấu tranh và ngăn chặn từ xa, phòng ngừa nguy cơ dẫn đến các hành vi làm xâm hại đến lợi ích của Tổng Công ty và các Cổ đông.
- Minh bạch hoá các quan hệ, công khai hoá các lợi ích.
- Mẫn cán và trung thực.
- Mềm dẻo nhưng hiệu quả.

Trong năm 2016 Ban Kiểm Soát đã tổ chức 03 cuộc họp nhằm đánh giá hoạt động kế toán và tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Tổng Công ty trong 6 tháng đầu năm và cả năm 2016.



## **ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Hội đồng quản trị**

Về cơ bản HĐQT đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong công tác quản lý kinh tế, hành chính. Các thành viên HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2016 HĐQT đã tổ chức 09 cuộc họp để giải quyết các vấn đề liên quan đến việc điều hành kinh doanh, xúc tiến đầu tư các dự án theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 2016, HĐQT đã thông qua phương án tái cấu trúc Công ty con và cơ cấu tài sản Tổng Công ty; HĐQT đã tổ chức tuyển dụng chức danh Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty.

### **Ban Điều hành**

Năm 2016 Tổng Công ty có sự thay đổi về nhân sự lãnh đạo, công tác quản lý điều hành có nhiều thay đổi. Ban Điều hành đã thực hiện việc điều hành và quản lý các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty với tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ đúng các nghị quyết của HĐQT, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Tổng Công ty, và các quy định khác của pháp luật.



**THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỞNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH**

Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>475.545.000</b>		
Ông Đặng Trọng Ngồn	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	-	-
Ông Đoàn Đức Hồng	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	-
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	-
Ông Phan Anh Quang	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	-
Ông Trương Phước Nghĩa	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	-
Ông Lê Thanh Hồng	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	-
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	60.000.000	-	-
Ông Lê Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	19.545.000	-	-
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>348.000.000</b>	<b>25.036.000</b>	<b>10.000.000</b>
Ông Lê Chí Dũng	Trưởng BKS	276.000.000	25.036.000	10.000.000
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên BKS	36.000.000	-	-
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên BKS	36.000.000	-	-
<b>Ban điều hành</b>		<b>-</b>	<b>3.147.510.000</b>	<b>50.000.000</b>
Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc	-	608.315.000	10.000.000
Ông Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc	-	628.640.000	10.000.000
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	-	555.021.000	10.000.000
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc	-	555.021.000	10.000.000
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	-	148.768.000	-
Ông Mai Anh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	-	124.280.000	-
Ông Phan Anh Quang	Kế toán trưởng	-	527.465.000	10.000.000

## **GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ:** Không.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Trương Phước Nghĩa	Thành viên HĐQT	50.000	0,06	0	0	Do bán CP VNE
2	Công ty cổ phần Khải Toàn	Ông Phan Trịnh Anh Tuấn, Thành viên HĐQT VNECO; PGĐ CTY cổ phần Khải Toàn	14.224.737	17,27	11.450.710	12,66	Do bán CP VNE và nhận cổ tức 2015 bằng cổ phiếu

## **HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

Không có.

## **VIỆC THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH



+ 35.  
+ 135.  
+ 2100.  
+ 854.9

7761.67

=====  
38992.44  
=====



11240.32

+ 342.25  
+ 1241.28  
+ 640.39  
+ 428.45

-----  
14092.69

+ 1445.65  
+ 1204.25  
+ 2008.6  
+ 1804.

-----  
2055

21  
2.68  
47.20  
672.08

+ 2  
+  
+  
2  
54

-----  
142.45

2.55  
7.14  
36  
4

-----  
59.14

+ 312.25  
+ 954.36  
+ 874.48  
+ 689.45

-----  
30589.68



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp Điện 3 thành Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 10 tháng 06 năm 2016.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Trọng Ngôn	Chủ tịch
Ông Đoàn Đức Hồng	Ủy viên
Ông Phan Anh Quang	Ủy viên
Ông Nguyễn Tịnh	Ủy viên
Ông Trương Phước Nghĩa	Ủy viên
Ông Lê Thanh Hồng	Ủy viên
Ông Lê Mạnh Hùng	Ủy viên
Ông Phan Trịnh Anh Tuấn	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Văn Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 15/06/2016
Ông Ngô Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15/06/2016
Ông Đoàn Đức Hồng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 15/06/2016
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 15/06/2016
Ông Mai Anh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/07/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Chí Dũng	Trưởng ban
Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Vinh	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2017

**TM. Ban Tổng Giám đốc**



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam được lập ngày 21 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 55, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Như trình bày tại thuyết minh Báo cáo tài chính số 6 và số 8, Tổng Công ty hiện đang nắm giữ giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng của những bất động sản có giá trị làm tài sản đảm bảo, tuy nhiên chúng tôi không đủ cơ sở để định giá giá trị khối tài sản đảm bảo này so với khoản nợ gốc đang thu hồi.

**Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 28 tháng 03 năm 2016.

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2017

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Bùi Văn Thảo**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 0522-13-002-1

**Kiểm toán viên**

**Trần Trung Hiếu**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
Số: 2202-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>911.145.121.420</b>	<b>1.086.704.337.081</b>
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	81.708.392.335	109.511.515.958
111	1. Tiền		81.708.392.335	109.511.515.958
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	4	<b>21.029.648.800</b>	<b>151.077.182.511</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		23.245.042.852	60.128.920.513
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.715.394.052)	(5.771.738.002)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		500.000.000	96.720.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>752.673.092.478</b>	<b>755.371.391.665</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	342.014.091.493	344.559.107.185
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	192.737.338.739	161.945.550.652
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	26.463.964.587	2.700.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	262.806.361.935	337.000.911.936
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(71.348.880.276)	(91.266.303.080)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		216.000	432.124.972
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	10	<b>53.840.857.877</b>	<b>63.491.109.368</b>
141	1. Hàng tồn kho		53.987.099.605	63.712.731.521
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(146.241.728)	(221.622.153)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.893.129.930</b>	<b>7.253.137.579</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.834.294.921	4.657.406.595
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	2.566.668.071
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	58.835.009	29.062.913

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>620.728.349.724</b>	<b>786.638.063.581</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	<b>688.169.765</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	372.167.609	879.003.570
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(372.167.609)	(190.833.805)
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>171.389.789.925</b>	<b>180.687.827.365</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	150.226.183.941	155.535.141.814
222	- Nguyên giá		271.080.616.002	271.457.404.263
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(120.854.432.061)	(115.922.262.449)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	21.163.605.984	25.152.685.551
228	- Nguyên giá		23.304.609.948	25.826.372.646
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.141.003.964)	(673.687.095)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	<b>164.890.971.864</b>
231	- Nguyên giá		-	167.931.157.614
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(3.040.185.750)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	13	<b>368.124.319.783</b>	<b>355.015.172.586</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		235.972.515.804	230.458.296.504
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		132.151.803.979	124.556.876.082
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	4	<b>63.928.334.312</b>	<b>67.023.453.702</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		17.555.246.135	20.929.451.027
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		47.978.685.637	47.978.685.637
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.605.597.460)	(1.884.682.962)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>17.285.905.704</b>	<b>18.332.468.299</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	17.285.905.704	16.090.158.028
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	2.242.310.271
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.531.873.471.144</b>	<b>1.873.342.400.662</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>553.911.243.632</b>	<b>876.101.855.603</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>535.713.939.502</b>	<b>845.041.847.012</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	94.634.814.556	141.758.369.675
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	147.723.035.514	68.032.866.103
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	15.361.420.512	19.096.651.524
314	4. Phải trả người lao động		19.208.249.791	19.350.954.601
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	74.121.874.599	130.435.910.323
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	10.777.465.330	21.501.246.186
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	161.905.181.324	433.922.197.622
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	5.462.810.878	7.937.252.934
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.519.086.998	3.006.398.044
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>18.197.304.130</b>	<b>31.060.008.591</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	4.749.655.939	5.815.852.752
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.a	13.447.648.191	25.244.155.839
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>977.962.227.512</b>	<b>997.240.545.059</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>977.962.227.512</b>	<b>997.240.545.059</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		904.329.530.000	823.575.050.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		904.329.530.000	823.575.050.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.527.289.930	2.529.967.267
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.095.055.143	4.419.831.617
415	4. Cổ phiếu quỹ		(32.266.438.147)	(32.266.438.147)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		16.421.895.249	17.487.711.874
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		64.686.481	26.248.296
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.779.633.005	131.445.578.179
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		38.697.933.300	28.427.102.545
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		10.081.699.705	103.018.475.634
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		31.010.575.851	50.022.595.973
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.531.873.471.144</b>	<b>1.873.342.400.662</b>

Người lập

Võ Quang

Kế toán trưởng

Phan Anh Quang

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2017



Ngô Văn Cường

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	774.688.808.558	1.043.584.739.816
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	507.000.000	32.890.909
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		774.181.808.558	1.043.551.848.907
11	4. Giá vốn hàng bán	26	657.444.369.869	875.402.056.559
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		116.737.438.689	168.149.792.348
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	12.584.057.449	35.615.211.593
22	7. Chi phí tài chính	28	33.368.464.373	34.427.860.270
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23.310.019.660	30.494.054.649
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(1.922.579.750)	4.276.773.471
25	9. Chi phí bán hàng	29	4.346.488.996	2.178.274.458
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	70.196.624.293	64.042.174.746
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.487.338.726	107.393.467.938
31	12. Thu nhập khác	31	9.429.620.080	29.878.096.079
32	13. Chi phí khác	32	18.711.967.968	8.320.027.310
40	14. Lợi nhuận khác		(9.282.347.888)	21.558.068.769
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.204.990.838	128.951.536.707
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	14.278.844.041	29.202.973.018
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34.b	(9.554.197.377)	(6.797.324.211)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>5.480.344.174</u>	<u>106.545.887.900</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		10.081.699.705	103.018.475.634
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(4.601.355.531)	3.527.412.266
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	113	1.071

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2017

Người lập

Kế toán trưởng

Võ Quang

Phan Anh Quang



Ngô Văn Cường



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.204.990.838	128.951.536.707
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.897.078.890	11.545.957.866
03	- Các khoản dự phòng		(20.672.456.821)	(15.932.321.675)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		8.238.970	(9.548.239)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.477.294.971)	(28.976.733.202)
06	- Chi phí lãi vay		23.310.019.660	30.494.054.649
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.270.576.566	126.072.946.106
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		49.394.355.601	(98.084.575.088)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.211.412.616	16.890.050.149
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(29.685.551.770)	(9.572.115.297)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.627.363.998	42.623.755
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		36.883.877.661	(47.007.307.521)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(23.348.137.553)	(31.195.500.325)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.941.399.606)	(26.075.328.943)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	616.470.828
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.260.682.159)	(8.017.397.053)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		35.151.815.354	(76.330.133.389)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(21.037.066.370)	(108.580.618.864)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		87.489.394.370	665.948.435
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(24.263.964.587)	(210.300.331.209)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		96.720.000.000	118.420.998.926
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(123.147.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.798.910.000	32.390.068.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.229.202.271	2.664.167.464
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		152.813.328.684	(164.739.767.248)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
<b>III LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	124.243.270.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(302.800.000)
33	3. Tiền thu từ đi vay		646.400.761.516	513.385.328.118
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(861.466.888.670)	(524.550.196.965)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(702.725.546)	(3.900.829.900)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(215.768.852.700)</b>	<b>108.874.771.253</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(27.803.708.662)</b>	<b>(132.195.129.384)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>109.511.515.958</b>	<b>241.697.097.103</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		585.039	9.548.239
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>81.708.392.335</b>	<b>109.511.515.958</b>

Người lập

Võ Quang

Kế toán trưởng

Phan Anh Quang

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2017



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2016

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp Điện 3 thành Tổng Công ty Xây dựng Điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 10 tháng 06 năm 2016.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 823.575.050.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 904.329.530.000 đồng; tương đương 90.432.953 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng. Tổng Công ty đang làm thủ tục thay đổi Giấy phép đăng ký kinh doanh.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện, trạm biến áp điện; Kinh doanh nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500KV, các công trình nguồn điện, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng; Xây dựng hệ thống cấp ngầm cấp điện áp đến 220KV;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; Tư vấn quản lý dự án; Tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; Tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất và kinh doanh điện; Đầu tư nhà máy điện độc lập;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đã thuê; Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật: đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái; Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Sản giao dịch bất động sản (trừ đấu giá bất động sản); Định giá bất động sản; Tư vấn bất động sản; Quảng cáo bất động sản; Quản lý bất động sản;
- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình;
- Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;
- Vận tải hành khách ven biển;

- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng;
- Bán buôn các mặt hàng trang trí nội thất, ngoại thất; Bán buôn thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác; Bán buôn thiết bị văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí;
- Kinh doanh, sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Bán buôn, lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Bán buôn bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán buôn các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm;
- Bán buôn hóa mỹ phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động đầu tư dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng – Thừa Thiên Huế được tính từ lúc có Quyết định số 3852/QĐ-UBND ngày 10/11/2005 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị Mỹ Thượng với thời gian thực hiện dự án từ năm 2005 đến năm 2009, và có thay đổi lại theo Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Mỹ Thượng - Thừa Thiên Huế với thời gian thực hiện dự án điều chỉnh từ năm 2007 đến năm 2017. Theo kế hoạch, phần xây dựng thượng tầng khu đô thị Mỹ Thượng sẽ được triển khai ngày 01/08/2011 và hoàn thành vào tháng 08/2015. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2016 công việc này vẫn chưa hoàn thành, do chậm tiến độ nên tài sản đang đầu tư dở dang thuộc dự án này được Tổng Công ty phân loại là tài sản dở dang dài hạn.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm, các chủ đầu tư chưa hoàn tất các thủ tục giải phóng mặt bằng để giao cho Tổng Công ty thi công nên khối lượng thi công trong năm suy giảm, dẫn đến doanh thu năm 2016 giảm mạnh so với năm trước.

#### **Cấu trúc tập đoàn**

- Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 3	Tỉnh Nghệ An	52,93%	52,93%	Xây lắp các công trình lưới điện, kinh doanh thiết bị
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 4	Tỉnh Nghệ An	54,73%	54,73%	Xây lắp các công trình lưới điện, kinh doanh thiết bị
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 8	Tỉnh Đắk Lắk	55,93%	55,93%	Xây lắp các công trình lưới điện, kinh doanh thiết bị
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 12	Tỉnh Quảng Bình	65,73%	65,73%	Xây lắp các công trình lưới điện, kinh doanh thiết bị
Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO	Tỉnh Thừa Thiên Huế	98,40%	98,40%	Kinh doanh khách sạn

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO	Thành phố Đà Nẵng	100,00%	100,00%	Xây lắp các công trình lưới điện, kinh doanh bất động sản, dịch vụ

**- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn**

- + Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 22NQ/VNECO-HĐQT ngày 16/08/2016, Hội đồng Quản trị quyết định thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Mèca VNECO do Tổng Công ty thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính.
- + Trong năm, Công ty TNHH Quản lý Dự án Core Asia tăng vốn điều lệ từ 2.000.000.000 đồng lên 2.668.000.000 đồng, việc tăng vốn này làm tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51% xuống 38,23% và được Tổng Công ty ghi nhận là khoản đầu tư vào công ty liên kết.
- + Theo Quyết định 29/QĐ/VNECO-HĐQT ngày 27/10/2016, Hội đồng Quản trị quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO, với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty TNHH MTV Bất động sản - Du lịch VNECO chưa hoạt động và Tổng Công ty cũng chưa thực hiện góp vốn đầu tư vào công ty này.

- Tổng Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	Tỉnh Nghệ An	32,37%	32,37%	Xây lắp các công trình lưới điện, kinh doanh thiết bị
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	TP Đà Nẵng	33,34%	33,34%	Xây lắp các công trình lưới điện, kinh doanh thiết bị
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	Tỉnh Bình Định	30,05%	30,05%	Xây lắp các công trình lưới điện, kinh doanh thiết bị
Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia	TP Hồ Chí Minh	38,23%	38,23%	Tư vấn và quản lý các dự án Đầu tư

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

- Trường hợp công ty mẹ thoái một phần vốn và vẫn nắm giữ quyền kiểm soát đối với công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận vào khoản mục Lợi nhuận chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cho cổ đông không kiểm soát cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm;
- Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con trở thành công ty liên kết: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ;
- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## **2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:



- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không thời hạn
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Quyền sử dụng đất	Không thời hạn

### 2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

### 2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### 2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí sản xuất, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.16 . Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

## **2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi có ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18 . Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bán giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất;
- Tổng Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10/1/2017  
10/1/2017  
10/1/2017  
10/1/2017  
10/1/2017

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### **2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### **a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Bảng cân đối kế toán.

##### **b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### **2.22 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mỗi quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.271.048.021	2.206.229.372
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	80.437.344.314	107.305.286.586
	<u>81.708.392.335</u>	<u>109.511.515.958</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016				01/01/2016			
	Số lượng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Số lượng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>								
- Cổ phiếu Công ty cổ phần Dầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	-	-	-	-	32.700	782.351.220	143.880.000	(638.471.220)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu	-	-	-	-	130.000	3.947.111.800	2.002.000.000	(1.945.111.800)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần LICOGI 16	207.000	3.536.181.000	821.790.000	(2.714.391.000)	309.000	5.278.706.200	2.163.000.000	(3.115.706.200)
- Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	950.000	19.705.850.000	19.570.000.000	-	2.800.000	49.634.340.000	63.280.000.000	-
- Cổ phiếu Công ty CP Dầu tư và Xây dựng VNECO 9	279	3.011.852	2.008.800	(1.003.052)	279	3.011.852	2.008.800	(1.003.052)
- Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí	-	-	-	-	5.000	213.445.730	148.500.000	(71.445.730)
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	-	-	-	-	30.000	269.953.711	411.000.000	-
	<b>1.157.279</b>	<b>23.245.042.852</b>	<b>20.393.798.800</b>	<b>(2.715.394.052)</b>	<b>3.306.979</b>	<b>60.128.920.513</b>	<b>68.150.388.800</b>	<b>(5.771.738.002)</b>

Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này được xác định theo giá đóng cửa của các cổ phiếu này trên thị trường chứng khoán tại ngày 31/12/2016.

**Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam**

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
- Tiền gửi có kỳ hạn	500.000.000	500.000.000	96.720.000.000	96.720.000.000
	<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>	<b>96.720.000.000</b>	<b>96.720.000.000</b>

**c) Đầu tư vào Công ty liên kết**

	31/12/2016				01/01/2016			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>								
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	Tỉnh Nghệ An	32,27%	32,27%	7.241.210.760	Tỉnh Nghệ An	32,27%	32,27%	7.467.787.160
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	TP Đà Nẵng	33,34%	33,34%	4.834.149.049	TP Đà Nẵng	33,34%	33,34%	8.885.813.875
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	Tỉnh Bình Định	30,05%	30,05%	4.614.731.364	Tỉnh Bình Định	30,05%	30,05%	4.575.849.992
Công ty TNHH Quản lý dự án Core Asia	TP Hồ Chí Minh	38,23%	38,23%	865.154.962				
				<b>17.555.246.135</b>				<b>20.929.451.027</b>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và các công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh 42

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 1 <sup>(1)</sup>	758.179.800	481.593.000	(276.586.800)	758.179.800	675.920.000	(82.259.800)
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9 <sup>(1)</sup>	1.982.484.527	1.348.823.702	(633.660.825)	1.982.484.527	1.486.800.000	(495.684.527)
Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM <sup>(1)</sup>	5.114.023.435	4.418.673.600	(695.349.835)	5.114.023.435	3.807.284.800	(1.306.738.635)
Công ty CP Sông Ba <sup>(1)</sup>	5.608.476.403	6.853.050.550	-	5.608.476.403	5.856.792.100	-
Công ty CP Thủy điện Sông Chở <sup>(2)</sup>	3.695.521.472	-	-	3.695.521.472	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hải Xuân VNECO <sup>(2)</sup>	30.820.000.000	-	-	30.820.000.000	-	-
	<b>47.978.685.637</b>	<b>13.102.140.852</b>	<b>(1.605.597.460)</b>	<b>47.978.685.637</b>	<b>11.826.796.900</b>	<b>(1.884.682.962)</b>

(1) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng của các cổ phiếu này trên thị trường chứng khoán tại ngày 31/12/2016.

(2) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào các công ty khác của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 1	Thành phố Đà Nẵng	2,88%	2,88%	Xây lắp các công trình lưới điện, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9	Tỉnh Khánh Hòa	1,71%	1,71%	Xây lắp các công trình lưới điện, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	Thành phố Đà Nẵng	5,62%	5,62%	Sản xuất công nghiệp cơ khí chế tạo, máy bơm, xây dựng, kinh doanh vận tải
Công ty CP Sông Ba	Thành phố Đà Nẵng	1,00%	1,00%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Thủy điện Sông Chở	Tỉnh Khánh Hòa	6,16%	6,16%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hải Xuân VNECO	Tỉnh Thanh Hóa	5,14%	5,14%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện



**5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- BQLDA Các công trình Điện miền Bắc	54.424.074.538	36.998.052.940
- BQLDA Phát triển Điện lực miền Bắc	9.818.778.456	37.660.157.388
- BQLDA Các công trình Điện miền Trung	22.628.990.248	67.108.362.726
- BQLDA các công trình Điện miền Nam	17.868.128.860	7.529.673.155
- BQLDA Nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong	115.802.660.338	64.734.527.764
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Điện Hội Xuân VNECO	61.850.264.266	47.235.359.333
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện 4	14.500.380.746	21.502.667.587
- Công ty Truyền tải Điện 1	11.978.721.899	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	33.514.259.751	62.669.309.862
	<b><u>342.386.259.102</u></b>	<b><u>345.438.110.755</u></b>
<b>b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán</b>		
- Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	342.014.091.493	344.559.107.185
- Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	372.167.609	879.003.570
	<b><u>342.386.259.102</u></b>	<b><u>345.438.110.755</u></b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b> (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	<b><u>1.844.915.254</u></b>	<b><u>-</u></b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công Ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh Nhà Tin Nghĩa	65.000.000.000	-	65.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phước Văn Hà <sup>(1)</sup>	50.728.000.000	-	50.728.000.000	-
Bộ chỉ huy quân sự Thành phố Đà Nẵng <sup>(2)</sup>	25.493.022.727	-	22.793.022.727	-
Công ty TNHH MTV Hố Phan	8.563.282.660	-	-	-
Công ty CP Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh	12.115.149.407	-	-	-
Công ty Cổ phần KTC	12.000.000.000	-	-	-
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng VNECO	-	-	-	-
Các đối tượng khác	18.837.883.945	(656.848.097)	14.808.028.747	(2.199.254.101)
	<b>192.737.338.739</b>	<b>(656.848.097)</b>	<b>161.945.550.652</b>	<b>(2.199.254.101)</b>

(1) Các khoản trả trước liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện nay, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản trên đất, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục để chuyển quyền sử dụng các bất động sản này.

(2) Khoản ứng trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Chu Chinh, TP Đà Nẵng.

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGÁN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Châu Á <sup>(1)</sup>	20.400.110.914	2.700.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây dựng Điện MÉCA-VNECO <sup>(2)</sup>	6.063.853.673	-	-	-
	<b>26.463.964.587</b>	<b>2.700.000.000</b>	-	-

(1) Cho Công ty CP Năng lượng tái tạo Châu Á vay theo các Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2015/HĐTXV ngày 04/12/2015, 02/2015/HĐTXV ngày 18/12/2015, 02/2016/HĐTXV ngày 01/02/2016, 03/2016/HĐTXV ngày 01/03/2016, 04/2016/HĐTXV ngày 15/03/2016, 04/2016/HĐTXV ngày 06/04/2016 với thời hạn từ 09 tháng đến 12 tháng, lãi suất 10,5%/năm.

(2) Cho Công ty CP Dầu tư và Xây dựng Điện MÉCA-VNECO vay theo Hợp đồng thu xếp vốn số 12/2016/HĐTXV ngày 05/12/2016 với thời hạn từ 01 tháng, lãi suất 10,5%/năm.

**Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam**

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**8 . PHẢI THU NGÂN HẠNG KHÁC**

	31/12/2016		01/01/2016 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thủy Vân (*)	66.520.858.333	(37.520.858.333)	66.520.858.333	(37.520.858.333)
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Văn Hà (*)	22.819.715.546	(22.819.715.546)	22.819.715.546	(22.819.715.546)
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh Nhà Tin Nghĩa	116.000.000.000	-	116.000.000.000	-
Ban quản lý dự án Các công trình điện Miền Bắc	833.733.017	-	10.576.527.838	-
Ban quản lý dự án Các công trình điện Miền Nam	1.026.418.115	-	23.205.537.177	-
Ban quản lý dự án Các công trình điện Miền Trung	654.915.400	-	3.921.694.029	-
Phải thu Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 6	2.460.327.531	(2.460.327.531)	2.508.935.247	(2.460.327.531)
Phải thu Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 11	-	-	4.356.975.894	-
Phải thu Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	2.647.394.860	-	3.441.202.176	-
BQLDA Nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong	3.100.601.109	(3.100.601.109)	3.100.601.109	(3.100.601.109)
Phải thu ông Lý Quốc Cường	30.751.665.078	-	25.622.311.134	(584.946.970)
Tạm ứng	8.387.622.423	-	8.443.806.993	-
Ký cược, ký quỹ	7.603.110.523	(2.922.643.322)	46.482.746.460	(13.269.946.935)
Phải thu khác	-	-	-	-
	<b>262.806.361.935</b>	<b>(68.824.145.841)</b>	<b>337.000.911.936</b>	<b>(79.756.396.424)</b>

(\*) Các khoản phải thu (bao gồm cả bị chậm trả đã dự phòng là 60.340.573.879 đồng) liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản tại đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện nay, Tổng Công ty đã nắm giữ các giấy tờ liên quan đến quyền sở hữu đất và tài sản trên đất, Tổng Công ty đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục để chuyển quyền sở hữu các bất động sản này.

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân (*)	66.520.858.333	29.000.000.000	66.520.858.333	29.000.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà(*)	73.547.715.546	50.728.000.000	73.547.715.546	50.728.000.000
- Công ty CP Dịch vụ Thương mại Kinh doanh Nhà Tìn Nghĩa	181.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000	181.000.000.000
- Ông Đỗ Mạnh Hùng	-	-	6.140.157.899	-
- Công ty CP Kết cấu thép Thành Long - Vneco	-	-	5.945.985.689	-
- Công ty TNHH Hải Vân Sơn	-	-	5.037.311.951	-
- Ông Lý Quốc Cường	3.100.601.109	-	3.100.601.109	-
- Công ty CP Xây dựng điện VNECO 6	2.460.327.531	-	2.493.124.447	32.796.916
- Ban A - Hàm Thuận Đa Mỹ	570.974.554	-	570.974.554	-
- Các đối tượng khác	5.059.950.870	183.547.667	7.721.684.868	51.314.400
	<b>332.260.427.943</b>	<b>260.911.547.667</b>	<b>352.078.414.396</b>	<b>260.812.111.316</b>

(\*) Xem chi tiết trên Thuyết minh số 6 và số 8 .

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.984.085.028	(33.762.087)	36.796.636.480	(33.762.087)
Công cụ, dụng cụ	172.831.696	(1.878.552)	1.826.825.678	(1.878.552)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.963.738.320	-	14.862.275.655	-
Thành phẩm	9.504.625.603	(110.601.089)	9.538.848.111	(185.981.514)
Hàng hoá	352.482.564	-	330.430.079	-
Hàng gửi đi bán	9.336.394	-	357.715.518	-
	<b>53.987.099.605</b>	<b>(146.241.728)</b>	<b>63.712.731.521</b>	<b>(221.622.153)</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc Việt Nam**

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Số dư đầu năm	171.600.192.032	58.214.799.559	34.045.787.050	7.596.625.622	271.457.404.263					
- Mua trong năm	-	5.964.191.455	5.734.768.736	-	11.698.960.191					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.655.150.191	-	-	-	1.655.150.191					
- Giảm tài sản thiếu khi kiểm kê	(864.444.600)	(2.321.425.210)	-	-	(3.185.869.810)					
- Thanh lý, nhượng bán	(3.588.370.000)	(631.719.275)	(2.743.639.431)	(80.000.000)	(7.043.728.706)					
- Giảm khác (*)	(635.027.954)	(1.199.473.636)	(1.554.873.637)	(111.924.900)	(3.501.300.127)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>168.167.499.669</b>	<b>60.026.372.893</b>	<b>35.482.042.718</b>	<b>7.404.700.722</b>	<b>271.080.616.002</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Số dư đầu năm	47.476.241.031	42.141.409.974	20.636.476.252	5.668.135.192	115.922.262.449					
- Khấu hao trong năm	6.347.780.812	3.008.530.750	2.292.336.315	466.078.842	12.114.726.719					
- Giảm tài sản thiếu khi kiểm kê	(864.444.600)	(2.305.771.697)	-	-	(3.170.216.297)					
- Thanh lý, nhượng bán	(112.781.050)	(65.094.619)	(2.639.068.449)	(80.000.000)	(2.896.944.118)					
- Giảm khác (*)	(15.875.699)	(441.406.780)	(555.162.511)	(102.951.702)	(1.115.396.692)					
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>52.830.920.494</b>	<b>42.337.667.628</b>	<b>19.734.581.607</b>	<b>5.951.262.332</b>	<b>120.854.432.061</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày đầu năm	124.123.951.001	16.073.389.585	13.409.310.798	1.928.490.430	155.535.141.814					
Tại ngày cuối năm	115.336.579.175	17.688.705.265	15.747.461.111	1.453.438.399	150.236.183.941					

(\*) Giảm các tài sản cố định của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Meca VNECO do trong năm Tổng Công ty đã bán toàn bộ số cổ phần đã đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Meca VNECO nên công ty này không còn được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã đồng thể chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 29.672.079.397 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 39.770.265.565 đồng

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Bản quyền, hàng sáng chế	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	25.081.985.786	50.086.320	694.300.540	25.826.372.646
- Thanh lý, nhượng bán	(1.529.775.438)	-	-	(1.529.775.438)
- Giảm khác <sup>(*)</sup>	(991.987.260)	-	-	(991.987.260)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>22.560.223.088</b>	<b>50.086.320</b>	<b>694.300.540</b>	<b>23.304.609.948</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	-	50.086.320	623.600.775	673.687.095
- Khấu hao trong năm	1.433.156.104	-	34.160.765	1.467.316.869
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.433.156.104</b>	<b>50.086.320</b>	<b>657.761.540</b>	<b>2.141.003.964</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	25.081.985.786	-	70.699.765	25.152.685.551
Tại ngày cuối năm	<b>21.127.066.984</b>	<b>-</b>	<b>36.539.000</b>	<b>21.163.605.984</b>

(\*) Giảm các tài sản cố định của Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Meca VNECO do trong năm Tổng Công ty đã bán toàn bộ số cổ phần đã đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Meca VNECO nên công ty này không còn được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 17.179.004.984 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 508.836.320 đồng.

**13 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	31/12/2016		01/01/2016 (Đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng - Thừa Thiên Huế <sup>(*)</sup>	235.972.515.804	235.972.515.804	230.458.296.504	230.458.296.504
	<b>235.972.515.804</b>	<b>235.972.515.804</b>	<b>230.458.296.504</b>	<b>230.458.296.504</b>

(\*) Dự án với tổng diện tích xây dựng 435.335 m<sup>2</sup>, quy mô xây dựng 998 căn nhà phố liền kề và biệt thự. Theo Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 11/01/2016 về việc điều chỉnh thời gian thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Mỹ Thượng - Thừa Thiên Huế với thời gian thực hiện dự án điều chỉnh từ năm 2007 đến năm 2017.

**13 . TÀI SẢN DỮ DANG DÀI HẠN (tiếp theo)**

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Dự án Siêu thị Đà Nẵng (Green Mart) <sup>(1)</sup>	58.356.508.757	58.251.508.757
Đầu tư Khu du lịch Xanh Lăng Cô	18.512.635.297	14.064.683.024
Dự án Trụ sở làm việc tại số 344 Phan Chu Trinh, TP Đà Nẵng	-	208.166.345
Dự án Khu tổ hợp căn hộ cao cấp, Trung tâm thương mại và Khách sạn VNECO Sơn Trà <sup>(2)</sup>	54.169.460.868	50.910.877.610
Các dự án khác	1.113.199.057	1.121.640.346
	<b><u>132.151.803.979</u></b>	<b><u>124.556.876.082</u></b>

(1) Dự án không tiếp tục thực hiện và đang xem xét chuyển nhượng (xem chi tiết tại Thuyết minh số 39).

(2) Dự án với tổng diện tích xây dựng 63.000 m<sup>2</sup>, chiều cao 150 m tương đương với 41 tầng, tổng mức đầu tư khoảng 1.300 tỷ đồng, khối khách sạn khoảng 240 phòng, diện tích xây dựng căn hộ để bán 29.480 m<sup>2</sup>. Tổng Công ty vẫn tiếp tục thực hiện dự án và đang xem xét tìm đối tác để hợp tác (xem chi tiết tại Thuyết minh số 39).

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	786.835.246	2.607.370.216
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.047.459.675	2.050.036.379
	<b><u>1.834.294.921</u></b>	<b><u>4.657.406.595</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	15.462.758.697	15.739.062.757
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.823.147.007	351.095.271
	<b><u>17.285.905.704</u></b>	<b><u>16.090.158.028</u></b>

**Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam**

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH Vệ Nguồn	-	-	1.582.736.569	1.582.736.569
- Công ty TNHH Phúc Thịnh	2.678.819.489	2.678.819.489	3.879.594.028	3.879.594.028
- Công ty CP Xây dựng và Thương mại Sao Vàng	1.439.438.123	1.439.438.123	7.700.977.779	7.700.977.779
- Công ty TNHH Hàng Quý	2.848.974.776	2.848.974.776	1.252.889.532	1.252.889.532
- Công ty CP Chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM	2.403.579.550	2.403.579.550	7.622.653.969	7.622.653.969
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	18.789.931.956	18.789.931.956	41.478.851.295	41.478.851.295
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	9.534.299.109	9.534.299.109	18.157.726.086	18.157.726.086
- Công ty TNHH Đồng Vinh Thịnh	12.537.896.138	12.537.896.138	1.151.982.394	1.151.982.394
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hoàng Phương Tùng	2.140.527.143	2.140.527.143	1.991.751.984	1.991.751.984
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 1	1.365.455.298	1.365.455.298	1.691.187.539	1.691.187.539
- Công ty CP Hoàng Hà	2.325.584.855	2.325.584.855	-	-
- Công ty CP Đất Xanh Miền Trung	3.482.020.204	3.482.020.204	-	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Tổng hợp Trung Kiên	2.633.832.077	2.633.832.077	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	32.454.455.838	32.454.455.838	55.248.018.500	55.248.018.500
	<b>94.634.814.556</b>	<b>94.634.814.556</b>	<b>141.758.369.675</b>	<b>141.758.369.675</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	<b>29.234.145.805</b>	<b>29.234.145.805</b>	<b>63.658.825.939</b>	<b>63.658.825.939</b>





**Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam**

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
BQLDA Các công trình Điện miền Nam	17.200.374.371	1.469.264.158
BQLDA Phát triển Điện lực miền Nam - Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNNH	7.917.245.451	18.496.600.000
Công ty CP Xây dựng Mai Linh Hà Tĩnh	12.524.992.259	12.524.992.259
Công ty TNHH Hưng Quý	7.586.592.703	10.739.225.908
BQLDA Lưới điện Hà Nội	12.869.710.909	-
Các đối tượng khác	89.624.119.821	24.802.783.778
	<b>147.723.035.514</b>	<b>68.032.866.103</b>

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.338.653.777	37.432.648.257	32.013.441.802	-	9.777.860.232				
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	9.724.155	201.026.859	197.329.530	-	13.421.484				
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	29.062.913	14.547.031.612	9.868.593.662	20.941.399.606	-	3.445.162.755				
Thuế Thu nhập cá nhân	-	126.648.550	980.259.872	848.506.672	-	258.401.750				
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	26.915.760	2.661.560.458	838.138.618	-	1.850.337.600				
Các loại thuế khác	-	-	248.186.790	290.785.108	-	16.236.691				
PHI, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	27.677.670	152.176.846	179.854.516	-	-				
	<b>29.062.913</b>	<b>19.096.651.524</b>	<b>51.544.452.744</b>	<b>55.309.455.852</b>	<b>58.835.009</b>	<b>15.361.420.512</b>				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	261.838.847	299.956.740
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh xây lắp	71.345.715.844	127.704.485.177
Trích trước Dự án Trụ sở làm việc số 344 Phan Chu Trinh	2.173.436.096	2.173.436.096
Chi phí phải trả khác	340.883.812	258.032.310
	<b>74.121.874.599</b>	<b>130.435.910.323</b>

**19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải trả KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	1.769.615.218	834.899.826
Phải trả về cổ phần hoá	-	1.595.560.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	5.340.000.000
Phải trả tiền cổ tức	917.086.236	915.127.882
Phải trả lãi vay	-	718.749.999
Phải trả tiền bảo hành công trình	-	3.520.908.524
Ban quản lý Dự án các công trình điện Miền Trung	335.290.043	1.937.344.750
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.755.473.833	6.638.655.205
	<b>10.777.465.330</b>	<b>21.501.246.186</b>

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	
					VND	VND
a) Vay ngân hàng						
- Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân <sup>(1)</sup>	239.818.236.562	239.818.236.562	642.800.761.516	724.807.136.754	157.811.861.324	157.811.861.324
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng <sup>(2)</sup>	124.689.723.739	124.689.723.739	316.252.359.365	343.003.415.254	97.938.669.850	97.938.669.850
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng <sup>(3)</sup>	52.518.950.181	52.518.950.181	29.020.215.200	69.724.410.748	11.814.764.633	11.814.764.633
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng <sup>(3)</sup>	28.792.684.240	28.792.684.240	77.338.840.144	95.319.093.178	10.812.431.206	10.812.431.206
Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	-	-	148.078.456.029	148.078.456.029	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh <sup>(4)</sup>	3.542.523.566	3.542.523.566	8.275.016.290	7.808.525.740	4.009.014.116	4.009.014.116
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(5)</sup>	6.329.534.795	6.329.534.795	26.974.830.928	27.667.888.781	5.636.476.942	5.636.476.942
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk <sup>(6)</sup>	11.450.000.000	11.450.000.000	23.450.000.000	23.400.000.000	11.500.000.000	11.500.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	1.005.000.000	1.005.000.000	1.000.000.000	2.005.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình <sup>(7)</sup>	9.292.796.249	9.292.796.249	639.236.298	-	9.932.032.547	9.932.032.547
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Huế <sup>(8)</sup>	-	-	800.000.000	400.000.000	400.000.000	400.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Huế <sup>(9)</sup>	1.697.011.792	1.697.011.792	7.718.153.929	5.727.047.024	3.688.118.697	3.688.118.697
Vay cá nhân <sup>(10)</sup>	500.000.000	500.000.000	3.253.653.333	1.673.300.000	2.080.353.333	2.080.353.333

20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Số có khả năng trả nợ		Tăng		Giảm	
	Giá trị VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn (tiếp theo)						
- Trái phiếu phát hành	150.000.000.000	150.000.000.000	-	150.000.000.000	-	-
- Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	44.103.961.060	44.103.961.060	4.107.196.812	44.117.837.872	4.093.320.000	4.093.320.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân <sup>(1)</sup>	1.200.000.000	1.200.000.000	1.100.000.000	1.200.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng <sup>(1)</sup>	423.160.000	423.160.000	393.320.000	423.160.000	393.320.000	393.320.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng <sup>(1)</sup>	2.197.801.060	2.197.801.060	2.213.876.812	2.211.677.872	2.200.000.000	2.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	40.000.000.000	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	283.000.000	283.000.000	-	283.000.000	-	-
	<b>433.922.197.622</b>	<b>433.922.197.622</b>	<b>646.907.958.328</b>	<b>919.924.974.626</b>	<b>161.905.181.324</b>	<b>161.905.181.324</b>

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân <sup>(1)</sup>	49.919.813.812	49.919.813.812	3.600.000.000	44.676.837.873	8.842.975.939	8.842.975.939
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng <sup>(1)</sup>	3.200.000.000	3.200.000.000	-	1.200.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng <sup>(1)</sup>	1.666.135.940	1.666.135.940	1.600.000.000	423.160.000	2.842.975.940	2.842.975.940
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng <sup>(1)</sup>	4.411.677.872	4.411.677.872	-	2.211.677.873	2.199.999.999	2.199.999.999
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	40.000.000.000	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	642.000.000	642.000.000	-	642.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk <sup>(1)</sup>	-	-	2.000.000.000	200.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
	<u>49.919.813.812</u>	<u>49.919.813.812</u>	<u>3.600.000.000</u>	<u>44.676.837.873</u>	<u>8.842.975.939</u>	<u>8.842.975.939</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(44.103.961.060)	(44.103.961.060)	(4.107.196.812)	(44.117.837.872)	(4.093.320.000)	(4.093.320.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>5.815.852.752</u>	<u>5.815.852.752</u>			<u>4.749.655.939</u>	<u>4.749.655.939</u>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/242753/HĐTD ngày 01/08/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
  - Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 30/06/2017;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Toàn bộ số dư tiền gửi bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế Tổng Công ty được thụ hưởng; Thế chấp tài sản trên đất là công trình Khách sạn Xanh Huế theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/2012/HĐTC ngày 06/06/2012, hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/03/2012/HĐTC ngày 25/05/2015.
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 97.938.669.850 đồng.
- (2) Số dư tại ngày 31/12/2016 bao gồm các hợp đồng sau:
- 2.1) Hợp đồng tín dụng số 294/2015/VCB-KHDN ngày 24/09/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 26.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán các chi phí thi công gói thầu NPC/220VT-W01 theo hợp đồng xây dựng số 19/2015/HĐTCXD-BDAĐL-KH ngày 23/03/2015;
  - Thời hạn của hợp đồng: 9 tháng kể từ thời điểm nhận nợ;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản theo hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20/09/2007;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.655.296.788 đồng.
- 2.2) Hợp đồng tín dụng số 117/2016/VCB-KHDN ngày 01/09/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán các chi phí thi công gói thầu số 7 - Xây lắp đường dây thuộc dự án đường dây 500 Kv đầu nối Nhà máy Nhiệt điện Thăng Long theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 119/EVNNPT/NPMB-HĐXL-KH ngày 20/0/2016;
  - Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 30/09/2017;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp 4 xe ô tô đã qua sử dụng và quyền sử dụng đất thửa đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14/04/2016;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 2.801.609.775 đồng.
- 2.3) Hợp đồng tín dụng số 42/2016/VCB-KHDN ngày 19/04/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán chi phí thi công gói thầu số 11 thuộc dự án đường dây 500KV Sông Mây - Tân Uyên theo thỏa thuận hợp đồng xây lắp số 1864/HĐXL-VNECO-PCC1 ngày 16/12/2015;
  - Thời hạn của hợp đồng: 9 tháng kể từ thời điểm nhận nợ;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT-ĐN ngày 20/09/2007, quyền sử dụng đất thửa đất số 78,79,80 đường Thích Quảng Đức, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/2016/VCB-ĐN ngày 14/04/2016;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 5.357.858.070 đồng.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 03/2016- HĐTD/NHCT488- VNECO ngày 29/01/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 65.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán chi phí thi công gói thầu số 07 thuộc dự án đường dây 500KV TTĐL Vĩnh Tân - rẽ Sông Mây - Tân Uyên;

- Thời hạn của hợp đồng: 9 tháng kể từ thời điểm nhận nợ;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền tài sản phát sinh do các khoản thu được từ hợp đồng 1949/2015/VNECO-SPMB- HĐLX ngày 28/12/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng này theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 300030265/2015/02 ngày 20/01/2016;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 10.812.431.206 đồng.
- (4) Số dư tại ngày 31/12/2016 bao gồm các hợp đồng sau:
- (4.1) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT442- VNECO 3 vào ngày 27 tháng 04 năm 2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 3.600.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán lô thầu số 10.2, gói thầu 10 Xây lắp đường dây 500/220KV từ G10 đến G22 đường dây 500/220KV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2;
  - Thời hạn của hợp đồng: Theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 09 tháng;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ và thay đổi 01 tháng 01 lần;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (4.2) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT442-VNECO 3 vào ngày 19 tháng 05 năm 2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh cột điện, cột, cống bê tông các loại;
  - Thời hạn của hợp đồng: Theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 09 tháng;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ và thay đổi 01 tháng 01 lần;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (4.3) Hợp đồng tín dụng số 04/2016-HĐTDHM/NHCT442-VNECO 3 vào ngày 24 tháng 11 năm 2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 3.500.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Dùng để thanh toán chi phí thi công gói thầu số 04 : Xây lắp đường dây thuộc dự án Đường dây 220 KV mạch kép Thái Bình - Tiền Hải - Trục Ninh.
  - Thời hạn của hợp đồng: Theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 10 tháng;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng giấy nhận nợ;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 730/TDDN16-VIN.KHBL ngày 29/11/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 8.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán các khoản chi phí phục vụ kinh doanh;
  - Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ thời điểm nhận nợ;
  - Lãi suất cho vay: Quy định tại từng thời điểm rút vốn;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 5.636.476.942 đồng.
- (6) Bao gồm các hợp đồng tín dụng số 11/2016/717952/ HĐTD ngày 22/06/2016, số 12/2016/717952/ HĐTD ngày 06/07/2016, số 13/2016/717952/ HĐTD ngày 18/07/2016, số 14/2016/717952/ HĐTD ngày 01/08/2016, số 15/2016/717952/ HĐTD ngày 18/08/2016, số 16/2016/717952/ HĐTD ngày 31/08/2016, số 17/2016/717952/ HĐTD ngày 05/09/2016, số 18/2016/717952/ HĐTD ngày 21/11/2016, số 19/2016/717952/ HĐTD ngày 28/11/2016, số 20/2016/717952/ HĐTD ngày 19/12/2016 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 12.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Vay thi công công trình xây lắp điện;
  - Thời hạn của hợp đồng: 8 tháng kể từ thời điểm nhận nợ;
  - Lãi suất cho vay: 9%/năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản cố định là bất động sản và máy móc thiết bị;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 11.500.000.000 đồng.

- (7) Hợp đồng tín dụng số 1482/2016-HĐTDHM/NHCT470-VNECO12 ngày 08/06/2016 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 15.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh sản xuất sản phẩm công nghiệp (ống cống, cột điện...) và xây lắp điện;
  - Thời hạn của hợp đồng: Tối đa không quá 6 tháng đối với cho vay SXCN và không quá 12 tháng đối với cho vay xây lắp;
  - Lãi suất cho vay: Từ 6,5% đến 7%/năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 9.932.032.547 đồng.
- (8) Hợp đồng tín dụng số 17/2016/HĐHM-PN/SHB.120601 ngày 27/01/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - Thời hạn của hợp đồng: 27/01/2017;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng kế ước nhận nợ cụ thể;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền tài sản phát sinh do các khoản thu được từ hợp đồng 1949/2015/VNECO-SPMB- HDLX ngày 28/12/2015 và các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng này theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 300030265/2015/02 ngày 20/01/2016;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 400.000.000 đồng.
- (9) Hợp đồng tín dụng số 49243.16.501.450955TD ngày 09/09/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 3.000.000.000 đồng bao gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi;
  - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh khách sạn, nhà hàng, xây lắp;
  - Thời hạn của hợp đồng: Đến hết ngày 31/08/2017;
  - Lãi suất cho vay: Theo từng kế ước nhận nợ cụ thể;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bất động sản tại thửa đất số 37, tờ bản đồ 31 tại số 8 Điện Biên Phủ, phường Vĩnh Ninh, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 584880, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T00699 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 05/07/2007;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.688.118.697 đồng.
- (10) Vay các cá nhân với lãi suất từ 8% đến 12%/năm, thời hạn không quá 12 tháng, hình thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (11) Hợp đồng tín dụng số 02/2015/242753/HĐTD ngày 09/06/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 3.885.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Mua 01 xe ô tô Mercedes GL400 và 2 xe ô tô Toyota Hilux 3.0 phục vụ điều hành quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh;
  - Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 9%/năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ khoản vay này; Hợp đồng cấp bảo lãnh hạn mức số 01/2015/242753/HĐBL ngày 09/06/2015;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 2.000.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 1.500.000.000 đồng.
- (12) Số dư các khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2016 bao gồm các hợp đồng sau:
- (12.1) Hợp đồng tín dụng số 81/2012/VCB-KHDN ngày 06/04/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 297.300.000 đồng;
  - Mục đích vay: Mua xe tải cầu Vinaxuki;
  - Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;



- Lãi suất cho vay: 10%/năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 113/2012/VCB-ĐN ngày 25/06/2012;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là: 29.640.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 29.640.000 đồng.
- (12.2) Hợp đồng tín dụng số 314/2013/VCB- KHDN ngày 19/11/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 430.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 1 xe bán tải Misubitsi 5 chỗ ngồi theo hợp đồng kinh tế số 36/1310 HĐKT ngày 29/10/2013;
  - Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 10%/năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ khoản vay theo hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ 172/2013/VCB-ĐN và phụ lục I kèm theo ngày 19/11/2013, các tài sản thế chấp cầm cố theo hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT- ĐN ngày 20/09/2007; Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 100/NHNT- ĐN ngày 05/12/2008; Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 141/VCB- ĐN ngày 15/12/2011;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 172.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 86.000.000 đồng.
- (12.3) Hợp đồng tín dụng số 232/2015/VCB-KHDN ngày 24/07/2015, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 3.761.800.000 đồng;
  - Mục đích vay: Thanh toán chi phí dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công;
  - Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 10%/năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản hình thành từ khoản vay này, các tài sản thế chấp cầm cố theo hợp đồng thế chấp, cầm cố số 110/NHNT- ĐN ngày 20/09/2007; Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 100/NHNT- ĐN ngày 05/12/2008; Hợp đồng thế chấp, cầm cố số 141/VCB- ĐN ngày 15/12/2011; Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 140/2015/VCB- ĐN ngày 14/07/2015;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 2.641.335.940 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 277.680.000 đồng.
- (13) Hợp đồng tín dụng số 04112015/HĐTD ngày 28/09/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 10.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Đầu tư Dự án khách sạn Xanh Đà Nẵng;
  - Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
  - Lãi suất cho vay: 10%/năm;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp quyền sử dụng đất tại địa chỉ 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 2.200.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 2.200.000.000 đồng.
- (14) Hợp đồng tín dụng số 16.55.0087/2016-HĐTDTL.NHCT502-VNECO8 ngày 11/05/2016 với các điều khoản chi tiết sau:
- Hạn mức tín dụng: 2.000.000.000 đồng;
  - Mục đích vay: Mua phương tiện vận tải;
  - Thời hạn của hợp đồng: 5 năm;
  - Lãi suất cho vay: 8,5%;
  - Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp tài sản gồm các phương tiện vận tải;
  - Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 1.800.000.000 đồng.

21 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Dự phòng phải trả Quyết toán thi công đường dây tải điện 500KV Píttyku - Phú Lâm	3.946.172.138	3.946.172.138
Dự phòng bảo hành công trình xây lắp	1.516.638.740	3.991.080.796
	<u><b>5.462.810.878</b></u>	<u><b>7.937.252.934</b></u>

Số tài khoản: 1902 0101 0001 0001 0001 0001



22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Có phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	637.210.610.000	2.732.367.267	3.381.642.916	(31.963.638.147)	17.487.711.874	26.248.296	97.467.955.551	52.039.016.912	778.381.914.769
Tăng vốn trong năm trước	124.243.270.000	(202.400.000)	-	-	-	-	-	-	124.040.870.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	103.018.475.634	3.527.412.266	106.545.887.900
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.038.188.701	-	-	-	(1.038.188.701)	-	-
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(1.643.660.365)	(1.643.660.365)
Tăng khác	-	-	-	(302.800.000)	-	-	-	-	(302.800.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.781.350.132)	(873.487.213)	(3.654.837.345)
Chia cổ tức	62.121.170.000	-	-	-	-	-	(62.121.170.000)	(3.900.829.900)	(3.900.829.900)
Tăng vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(3.100.144.273)	874.144.273	(2.226.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>823.575.050.000</b>	<b>2.529.967.267</b>	<b>4.419.831.617</b>	<b>(32.266.438.147)</b>	<b>17.487.711.874</b>	<b>26.248.296</b>	<b>131.445.578.179</b>	<b>50.072.595.973</b>	<b>997.240.545.059</b>
Số dư đầu năm nay	823.575.050.000	2.529.967.267	4.419.831.617	(32.266.438.147)	17.487.711.874	26.248.296	131.445.578.179	50.072.595.973	997.240.545.059
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	10.081.699.705	(4.601.355.531)	5.480.344.174
Trích quỹ bổ sung VCSH	-	-	2.675.223.526	-	-	-	(2.675.223.526)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	432.022.267	-	(432.022.267)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(7.129.635.853)	-	(7.129.635.853)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	-	-	(1.643.735.260)	-	(1.643.735.260)
Trích quỹ thuộc VCSH	-	-	-	-	-	38.438.185	(38.438.185)	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	80.754.480.000	-	-	-	-	-	(80.754.480.000)	-	-
Giảm do thoái vốn công ty con	-	-	-	-	(1.497.838.897)	-	(74.109.788)	(14.410.664.591)	(15.982.613.271)
Giảm khác	-	(2.677.337)	-	-	-	-	-	-	(2.677.337)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>904.329.530.000</b>	<b>2.527.289.930</b>	<b>7.095.055.143</b>	<b>(32.266.438.147)</b>	<b>16.421.895.249</b>	<b>64.686.481</b>	<b>48.779.633.805</b>	<b>31.018.575.851</b>	<b>977.962.227.512</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 03/06/2016, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận 2015 như sau:

	Số tiền
	VND
Trích Quỹ bổ sung vốn chủ sở hữu	2.675.223.526
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.242.188.228
Trích Quỹ khen thưởng Ban điều hành	1.643.735.260
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 10% mệnh giá cổ phiếu) (*)	80.754.480.000
Lợi nhuận còn lại sau thuế chưa phân phối	41.068.859.796

(\*) Ngày 05/12/2016, Tổng Công ty đã phát hành thành công 8.075.448 cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau thuế còn lại đến 31/12/2015. Ngày 27/12/2016, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 515/QĐ-SGCHCM về chấp thuận cho Tổng Công ty bổ sung thêm cổ phiếu niêm yết.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2016 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Khai Toàn	12,66	114.507.100.000	17,27	142.247.370.000
Công ty Cổ phần Bảo Phước	-	-	10,63	87.536.830.000
Pyn Elite Fund (NON - UCITS)	10,19	92.138.760.000	6,88	56.651.300.000
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7,91	71.500.010.000	7,89	65.000.060.000
Cổ phiếu quỹ	1,77	15.989.200.000	1,94	15.989.200.000
Các cổ đông khác	67,47	610.194.460.000	55,39	456.150.290.000
	<b>100,00</b>	<b>904.329.530.000</b>	<b>100,00</b>	<b>823.575.050.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	904.329.530.000	823.575.050.000
- Vốn góp đầu năm	823.575.050.000	637.210.610.000
- Vốn góp tăng trong năm	80.754.480.000	186.364.440.000
- Vốn góp cuối năm	904.329.530.000	823.575.050.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	80.754.480.000	62.121.170.000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	80.754.480.000	62.121.170.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	82.357.505
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	82.357.505
- Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	82.357.505
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.598.920	1.598.920
- Cổ phiếu phổ thông	1.598.920	1.598.920
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	88.834.033	80.758.585
- Cổ phiếu phổ thông	88.834.033	80.758.585

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016	01/01/2016 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	16.421.895.249	17.487.711.874
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	64.686.481	26.248.296
	<b>16.486.581.730</b>	<b>17.513.960.170</b>

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
USD	60.652,48	9.549,91

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	34.214.531.036	32.551.819.141
Doanh thu hoạt động xây lắp	491.195.962.985	919.088.434.382
Doanh thu kinh doanh bất động sản	196.337.054.746	42.107.126.342
Doanh thu cung cấp dịch vụ	44.531.511.684	49.313.995.130
Doanh thu khác	8.409.748.107	523.364.821
	<b>774.688.808.558</b>	<b>1.043.584.739.816</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)

**1.286.947.941**

**-**

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	507.000.000	32.890.909
	<b>507.000.000</b>	<b>32.890.909</b>

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	25.773.624.624	31.729.549.283
Giá vốn của hoạt động xây lắp	403.690.348.909	750.810.019.637
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	174.317.995.182	41.657.014.911
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	44.871.921.399	50.696.497.472
Hoàn nhập/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(75.380.425)	119.536.897
Giá vốn khác	8.865.860.180	389.438.359
	<b>657.444.369.869</b>	<b>875.402.056.559</b>

**27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.130.650.271	11.667.718.245
Lãi bán các khoản đầu tư	3.346.104.914	2.310.656.433
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	-	21.622.782.270
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.098.552.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	511.294	4.506.406
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	8.238.970	9.548.239
	<b>12.584.057.449</b>	<b>35.615.211.593</b>

**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	23.310.019.660	30.494.054.649
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	183.276.857	189.900.471
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	8.389.262.893	6.624.423.746
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	4.723.496
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.483.838.568	(3.188.407.455)
Chi phí tài chính khác	2.066.395	303.165.363
	<b>33.368.464.373</b>	<b>34.427.860.270</b>

**29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.059.221.758	109.006.698
Chi phí nhân công	254.149.999	26.018.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.498.502	16.710.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.148.421.158	1.753.315.247
Chi phí khác bằng tiền	867.197.579	273.223.529
	<b>4.346.488.996</b>	<b>2.178.274.458</b>

**30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.039.261.466	1.615.965.109
Chi phí nhân công	31.657.398.349	26.640.164.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.416.497.719	1.203.469.374
Thuế, phí, lệ phí	4.319.119.543	2.443.301.658
Chi phí dự phòng	550.958.174	2.530.362.913
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.793.772.193	14.206.629.080
Chi phí khác bằng tiền	12.419.616.849	15.402.281.678
	<b>70.196.624.293</b>	<b>64.042.174.746</b>

**31 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	617.264.306	735.884.251
Hoàn nhập chi phí trích trước công trình	3.321.209.371	1.364.659.373
Thu nhập khác từ xử lý công nợ khó đòi	418.010.294	26.150.488.965
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	2.000.000.000	-
Thu nhập từ thanh lý CCDC	759.970.775	-
Thu nhập từ cho thuê tài sản, mặt bằng	1.210.754.542	766.871.920
Thu nhập khác	1.102.410.792	860.191.570
	<b>9.429.620.080</b>	<b>29.878.096.079</b>

**32 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	326.013.627	-
Chi phí công trình không quyết toán	560.012.834	5.533.768.701
Xử lý hàng tồn kho (tại Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Meca Vneco thời điểm còn là công ty con)	15.829.365.200	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính, phạt thuế, truy thu thuế	737.934.806	1.254.441.114
Chi phí khác	1.258.641.501	1.531.817.495
	<b>18.711.967.968</b>	<b>8.320.027.310</b>

**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	6.862.701.236	24.055.938.539
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các công ty con	7.416.142.805	5.147.034.479
	<b>14.278.844.041</b>	<b>29.202.973.018</b>

**34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

**a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	14.129.412.826	25.244.155.839
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(681.764.635)	-
	<b>13.447.648.191</b>	<b>25.244.155.839</b>

**34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI (tiếp theo)**

**b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Năm 2016	Năm 2015 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(49.812.492)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	94.715.700	30.549.046
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.040.212.240	219.006.864
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản thu trước tiên chuyển nhượng bất động sản theo tiến độ hợp đồng	(429.854.112)	(381.054.466)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(11.209.458.713)	(6.665.825.655)
	<b>(9.554.197.377)</b>	<b>(6.797.324.211)</b>

**35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	10.081.699.705	103.018.475.634
Các khoản điều chỉnh	-	(7.885.923.488)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế <sup>(*)</sup>	-	(7.885.923.488)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.081.699.705	95.132.552.146
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	88.834.033	88.834.033
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>113</b>	<b>1.071</b>

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh số thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ/VNECO-BHĐCĐ ngày 03/06/2016.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

**36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	165.599.142.601	114.313.375.611
Chi phí nhân công	94.309.905.816	79.191.235.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.184.138.138	11.545.957.866
Chi phí dịch vụ mua ngoài	402.337.132.654	612.487.486.063
Chi phí khác bằng tiền	42.703.730.418	27.976.393.344
	<b>719.134.049.627</b>	<b>845.514.448.072</b>





**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	81.708.392.335	-	-	81.708.392.335
Phải thu khách hàng, phải thu khác	534.430.661.058	-	-	534.430.661.058
Các khoản cho vay	26.963.964.587	-	-	26.963.964.587
Đầu tư ngắn hạn	20.529.648.800	-	-	20.529.648.800
Đầu tư dài hạn	-	-	46.373.088.177	46.373.088.177
	<b>663.632.666.780</b>	<b>-</b>	<b>46.373.088.177</b>	<b>710.005.754.957</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	109.511.515.958	-	-	109.511.515.958
Phải thu khách hàng, phải thu khác	592.030.410.661	688.169.765	-	592.718.580.426
Các khoản cho vay	99.420.000.000	-	-	99.420.000.000
Đầu tư ngắn hạn	54.357.182.511	-	-	54.357.182.511
Đầu tư dài hạn	-	-	46.094.002.675	46.094.002.675
	<b>855.319.109.130</b>	<b>688.169.765</b>	<b>46.094.002.675</b>	<b>902.101.281.570</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
Vay và nợ	161.905.181.324	4.749.655.939	-	166.654.837.263
Phải trả người bán, phải trả khác	105.412.279.886	-	-	105.412.279.886
Chi phí phải trả	74.121.874.599	-	-	74.121.874.599
	<b>341.439.335.809</b>	<b>4.749.655.939</b>	<b>-</b>	<b>346.188.991.748</b>

Tại ngày 01/01/2016

Vay và nợ	433.922.197.622	5.815.852.752	-	439.738.050.374
Phải trả người bán, phải trả khác	163.259.615.861	-	-	163.259.615.861
Chi phí phải trả	130.435.910.323	-	-	130.435.910.323
	<u>727.617.723.806</u>	<u>5.815.852.752</u>	<u>-</u>	<u>733.433.576.558</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**38 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	646.400.761.516	513.385.328.118

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	861.466.888.670	524.550.196.965

**39 . THÔNG TIN KHÁC**

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2016/NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 03/06/2016, Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch đầu tư dự án như sau:
  - + Dự án Siêu thị Xanh Đà Nẵng: Tổng Công ty không thực hiện đầu tư Dự án, giao cho Hội đồng Quản trị xem xét chuyển nhượng; Nguồn vốn đã phát hành cho dự án năm 2015 được bổ sung vào nguồn vốn lưu động cho Tổng Công ty.
  - + Dự án khu tổ hợp Trung tâm Thương mại Dịch vụ và căn hộ cao cấp VNECO PLAZA tại phường Mân Thái, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng, Đại hội đồng cổ đông thống nhất: Tổng Công ty tiếp tục thực hiện đầu tư Dự án hoặc tìm đối tác để cùng hợp tác đầu tư Dự án hoặc xem xét chuyển nhượng Dự án; Giao cho Hội đồng Quản trị triển khai thực hiện.
- Theo Nghị quyết 26/NQ/VNECO-HĐQT ngày 02/08/2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thống nhất chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chô (số lượng 369.552 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 9,24%). Ngày 09/01/2017, Tổng Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào công ty này cho Công ty Cổ phần HT Phú Gia với giá chuyển nhượng 10.000 đồng/cổ phần.

**40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

**Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Kinh doanh xây lắp	Kinh doanh Bất động sản	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	491.195.962.985	196.337.054.746	86.648.790.827	774.181.808.558
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>87.505.614.076</b>	<b>22.019.059.564</b>	<b>7.212.765.049</b>	<b>116.737.438.689</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	10.044.372.999	-	9.409.810.917	19.454.183.916
Tài sản bộ phận	761.729.018.119	264.972.515.804	325.049.804.944	1.351.751.338.867
Tài sản không phân bổ	-	-	-	180.122.132.277
<b>Tổng tài sản</b>	<b>761.729.018.119</b>	<b>264.972.515.804</b>	<b>325.049.804.944</b>	<b>1.531.873.471.144</b>
Nợ phải trả bộ phận	282.578.022.475	67.924.061.888	26.506.443.704	377.008.528.067
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	163.455.067.374
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>282.578.022.475</b>	<b>67.924.061.888</b>	<b>26.506.443.704</b>	<b>540.463.595.441</b>

**Theo khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

#### 42 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ</b>			
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	Công ty liên kết	1.172.954.448	-
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	Công ty liên kết	113.993.493	-
<b>Mua nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ</b>			
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	Công ty liên kết	20.942.255.955	89.494.729.230
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	Công ty liên kết	22.688.128.055	55.261.940.367
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	Công ty liên kết	27.309.738.011	61.766.893.173
- Công ty CP Khải Toàn	Cổ đông lớn	267.636.361	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>			
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	Công ty liên kết	1.686.442.412	-
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	Công ty liên kết	146.472.842	-
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	Công ty liên kết	12.000.000	-
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>			
- Công ty CP Khải Toàn	Cổ đông lớn	133.760.000	-
<b>Phải thu khác ngắn hạn</b>			
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	Công ty liên kết	-	741.189.509
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	Công ty liên kết	-	3.441.202.176
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	Công ty liên kết	-	703.872.540
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 2	Công ty liên kết	18.789.931.956	41.478.851.295
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 7	Công ty liên kết	909.914.740	4.022.248.558
- Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 10	Công ty liên kết	9.534.299.109	18.157.726.086

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.242.743.000	3.208.673.000

#### 43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 do các sai sót khi thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính trong năm 2015. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Trình bày trên báo cáo tài chính kỳ này VND	Trình bày trên báo cáo tài chính năm trước VND	Số liệu điều chỉnh hồi tố VND
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>				
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	2.700.000.000	220.000.000	2.480.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	337.000.911.936	339.480.911.936	(2.480.000.000)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	230.458.296.504	-	230.458.296.504
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	124.556.876.082	355.015.172.586	(230.458.296.504)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	2.242.310.271	381.054.466	1.861.255.805
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	25.244.155.839	-	25.244.155.839
Vốn khác của chủ sở hữu	414	4.419.831.617	3.665.281.617	754.550.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	17.487.711.874	16.985.830.674	501.881.200
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	131.445.578.179	161.624.803.178	(30.179.224.999)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	50.022.595.973	44.482.702.208	5.539.893.765
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(6.797.324.211)	(381.054.466)	(6.416.269.745)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	106.545.887.900	100.129.618.155	6.416.269.745
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	103.018.475.634	96.602.205.889	6.416.269.745
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.071	1.327	(256)

Người lập

Võ Quang

Kế toán trưởng

Phan Anh Quang

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 03 năm 2017





# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**



*Đà Nẵng, ngày 11 tháng 04 năm 2017*

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



**NGÔ VĂN CƯỜNG**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

[www.vneco.com.vn](http://www.vneco.com.vn)